

Viết & Đọc



Đặc San 2013

Viết & Đọc
Đặc San 2013



Thực hiện

Đinh Ngọc Cần, Dương Kim,
Đặng Bản, Thanh Hiệp,
Nguyễn Văn Thục

Góp bài

Hoài Mỹ, Tâm Thanh,
Khánh Hà, Cổ Ngự, Đặng
Trình, Cung Vĩnh Viễn,
Dương Kim, Nguyễn Thùy
Nam, Đoàn Mai Tâm,
Dương Kiên, Phạm Tín An
Ninh, Nguyễn Văn Thà,
Trần Thụy Minh, Phạm Xuân
Lan, Thi Hạnh, Nguyễn
Mạnh Trinh.

Bìa:

Nữ Thần Đại Dương
Họa sĩ Tú Anh
www.orienten.no

liên lạc

post@vietdoc.no

hoặc

Đinh Ngọc Cần
Utholtvn 46E
1053 Oslo, Norway

Đặc San Viết & Đọc không
phải là tiếng nói của đoàn
thể hay bất kỳ tổ chức nào.
Mọi chi phí ấn loát do sự
đóng góp của các thân hữu
và bạn đọc.

mục lục

Ngô	Ban Thực Hiện	3
Lai rai chuyện RẮN xưa và nay		
nhân năm QUÝ TỶ	Hoài Mỹ	4
Chờ Xuân	Cổ Ngự	21
Biển đêm, Tim đâu xa	Khánh Hà	22
Xuân muộn	Cổ Ngự	23
Bài Thơ Tháng Giêng	Thi Hạnh	28
Đọc thơ Cung Vĩnh Viễn	Nguyễn Mạnh Trinh	29
Thơ Cung Vĩnh Viễn	Cung Vĩnh Viễn	32
Thơ và muôn Hoa	Nguyễn Thùy Nam	34
Phác	Cổ Ngự	39
Năm Rikshospitalet suy nghĩ lan man	Tâm Thanh	40
Trên công trường		
Annette Thommessen	Đoàn Mai Tâm	44
Chữ Người Minh	Nguyễn Văn Thà	47
Tản mạn	Cổ Ngự	47
Quà	TH	48
Đàn ...	Thi Hạnh	49
Nha trang – chuyện cũ	Phạm Tín An Ninh	50
Lòng Mẹ Bao La Như	Nguyễn Văn Thà	54
Tự nhủ mình -		
ĐÔI LỜI TÂM SỰ	Đặng Trình NTV	61
<i>Cuộc Thăm Viếng</i> —Besøket	Dương Kim dịch	62
Thơ Dương Kiên	Dương Kiên	67
Tuy Hòa – Thương Ghét	Phạm Tín An Ninh	68
Nụ cười của ngoại	Phạm Xuân Lan	76
Cỏ Biếc		
thơ	Dương Kiên	
nhạc	Trần Thụy Minh	77

Ngỏ

2013

Bạn thân mến!

Một tác giả trong giai phẩm này có nói với chúng tôi: Tác giả đã dùng 80 tiếng để hoàn thành một truyện ngắn 8 trang. Thù lao? Làm gì có, dù với thù lao thấp nhất hiện nay 150 kr/ giờ, tác giả đáng lẽ sẽ được trả 12 000 kr. Không được gì cả, nhưng tác giả vẫn viết. Tại sao? Tại vì ham vui – Tác giả trả lời như vậy.

Cái ham vui ấy, nỗi đam mê ấy càng tăng khi Xuân về, Tết đến:

Tháng giêng.../ nưộn áng mây trời/ kết bài thơ/ để cho đời thêm vui (thi hạnh). Không phải chỉ có thi hạnh mà thôi, còn có Khánh Hà: *Sớm mai thức với nụ cười/ Tạ ơn trời đất, ơn người quanh ta/ Ngoài kia nắng ấm chan hòa/ Xuân trong trời đất trong ta* tuyệt vời; rồi Cổ Ngư, Cung Vĩnh Viễn, Dương Kiên, Đăng Trình, mỗi người mỗi niềm thơ trước cuộc sống. Đặc biệt năm nay có bài phê bình thơ của Nguyễn Mạnh Trinh (Mỹ) về thơ của nhà thơ Cung Vĩnh Viễn của chúng ta.

Và văn xuôi? Quý vị sẽ đọc những ý nghĩ *lan man* của Tâm Thanh về những ngày ông đã trải qua trong bệnh viện Rikshospital, Na-uy, và qua đó ông nói về một *nền văn minh gần như huyền thoại*. Phạm Tín An Ninh, một tác giả nổi tiếng trong thế giới người Việt ở hải ngoại với những truyện ngắn mang tính kể chuyện về đời lính của ông, lần này với hai truyện kể mang mang kỷ niệm, ngậm ngùi tiếc thương, và nỗi căm hờn len lén vào hồn người còn thương Nước khi đọc xong truyện. Nguyễn Văn Thà với truyện *Lòng Mẹ Bao La Như*, về 4 bà mẹ với những ứng xử khác nhau, về một câu thơ thôi mà trói chặt cả một đời người. Ngoài ra Cổ Ngư còn cho chúng ta *Xuân Muộn*; Đoàn Mai Tâm với bài văn nhẹ nhàng, châm phá lẽ đời, tình người; thi hạnh với hai đoản văn hóm hỉnh; Dương Kim với truyện dịch nhuần nhuyễn *Cuộc Thăm Viếng* của Sidsel Mørck, về một người mẹ tự viết thư cho mình trong khi đưa con gái: "Con không muốn có sự ngóng trông! Con không muốn có trách nhiệm về sự cô đơn của mẹ!"

Mỗi lần năm mới đến, con giáp lại theo hầu; năm này, năm Con Rắn, Hoài Mỹ lại dọn cho chúng ta một bữa tiệc rắn mới với đầy đủ gia vị. Không ai viết về những con giáp súc tích và hấp dẫn bằng Hoài Mỹ.

Cảm ơn các tác giả. Cũng cảm ơn hai nhạc sĩ Trần Thụy Minh đã cho ca khúc *Cỏ Biếc* (thơ Dương Kiên) nhiều biến tấu, khi núi non cao, lúc cỏ biếc thấp, mà quán quít nhau; nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm với bản nhạc *Áo Trắng* (thơ Cung Vĩnh Viễn) ở cung La trưởng, tha thiết, không chịu rời áo trắng, dù ai đó chỉ vừa mới mở xong.

Và cuối cùng BBT kính chúc quý độc giả, quý tác giả và các ân nhân một năm mới Mạnh Khỏe - Bình An - Hạnh Phúc mặc cho "Trời đất bày rồi lại xóa." (Dương Kiên).

Ban Thực Hiện

Lai rai chuyện RẮN xưa và nay nhân năm QUÝ TỶ



Hoài Mỹ

RẮN có từ bao giờ? - Câu hỏi này xét ra mà lại dễ... trả lời, chẳng cần khả năng chuyên khoa. Phải, cứ việc mở Thánh Kinh của Thiên Chúa Giáo, phần Cựu Ước, là thấy ngay. Theo đó, Rắn hơn tất cả mọi loài, là được gọi đích danh đầu tiên hay đúng hơn được đặt tên trước nhất trong khi các sinh vật khác vẫn chỉ được nói đến chung chung là “mọi loài, mọi vật”.

Vẫn theo Thánh Kinh, Rắn nói riêng, “mọi loài, mọi vật” nói chung được Thượng Đế dựng nên trước cả loài người. Đúng thế, đến ngày thứ Năm, Thiên Chúa phán: “*Nước phải sinh ra đầy dẫy những sinh vật lúc nhúc, và loài chim phải bay lượn trên mặt đất, dưới vòm trời. Thiên Chúa sáng tạo các loài thủy quái không lồ, cùng mọi sinh vật lúc nhúc dưới nước tùy theo loại...*” - Sang ngày thứ Sáu, Thiên Chúa phán: “*Chúng ta hãy làm ra con người theo hình ảnh chúng ta, giống như chúng ta, để con người làm bá chủ cá biển, chim trời, gia súc, dã thú, tất cả mặt đất và mọi giống vật bò dưới nước...*”

“*Thiên Chúa sáng tạo con người có nam có nữ*”.

Người Nam tổ tiên của nhân loại tên là A Dong; người Nữ là E Và. Ông bà được sống trong vườn Địa Đàng, tràn đầy hạnh phúc và trường sinh bất tử. Tuy nhiên Thiên Chúa truyền lệnh cho con người rằng: “*Hết mọi trái cây trong vườn, người cứ ăn; nhưng trái của cây biết điều thiện điều ác, thì người không được ăn, vì ngày nào người ăn, chắc*

chấn người sẽ phải chết”.

Kinh Thánh ghi rất rõ: “*RẮN là loài xảo quyệt nhất trong mọi giống vật*”. Nó đã dùng lời phỉnh gạt để cám dỗ bà E Và: “*Chẳng chết chóc gì đâu! Nhưng Thiên Chúa biết ngày nào ông bà ăn trái cây đó, mắt ông bà sẽ mở ra, và ông bà sẽ nên như những vị thần biết điều thiện điều ác*”. Bà E Và nghe bùi tai, cảm thấy quá đã, liền hái trái cây mà ăn, rồi đưa cả cho chồng; ông cũng ăn. “*Bấy giờ mắt hai người mở ra, và họ thấy mình trần truồng; họ mới kết lá và làm khố che thân*”.

... Thiên Chúa hỏi người đàn bà: “*Người đã làm gì thế?*” Người đàn bà thưa: “*Con Rắn đã lừa dối con, nên con ăn*”. Thiên Chúa bèn phán cùng con Rắn: “*Mì đã làm điều đó, nên mì đáng bị nguyên rủa nhất trong mọi loài súc vật và mọi loài dã thú. Mì phải bò bằng bụng, phải ăn bụi đất mọi ngày trong đời mì*”...

Vậy theo Thần Học, “sự thật phũ phàng” đã quá rõ hơn ban ngày: Về bản tính, Rắn thuộc loại đệ nhất xảo quyệt. Về khả năng sinh vật: Rắn biết suy nghĩ, biết nói và có chân. Bị án phạt: Mất hết khả năng sinh vật để rồi phải ăn đất và bò bằng bụng. Quan hệ giữa người và rắn: Muôn đời không bao giờ đội trời chung, trái lại là tử thù của nhau. Rắn gặp người là đớp ngay, tiêm nọc độc vào tim mạch cho chết không kịp ngáp. Người gặp Rắn là lấy gậy, cầm đá đập liên cho nát đầu hoặc bắt về ngâm rượu thuốc mà uống

cho... bỏ ghét và hạ con oán giận vốn này sinh từ thườ mới tạo thiên lập địa.

Mà thôi, vẫn theo nghĩa Thần Học, các sự tích trên dù sao cũng chỉ mang ý chỉ biểu trưng. Việc “ăn trái cấm” của bà Evà là sự con người phản bội đối với Thượng Đế, đáng toàn Chân - toàn Thiện - toàn Mỹ. Còn Rắn là sự tội lỗi, sự xấu xa và bất hạnh.

Nhưng dù sao Rắn cũng đã vớ được “cơ hội bằng vàng” mà đi vào lịch sử vừa loài vật lẫn nhân loại.

RẮN, “mi” là ai?

“R... r.... r....” - khi phát âm phụ âm R (rò) này bằng cách rung nhanh đầu lưỡi, âm thanh nghe như tiếng rít của loài vật. Theo ngu ý, từ tiếng “rít” đó mà cổ nhân ta - không rõ từ bao giờ, nhưng chắc chắn là rất, rất lâu rồi - đã lấy mà đặt tên cho cho loài bò sát ấy là Rắn. Dĩ nhiên từ ngữ đầu tiên có thể chỉ tương tự, na ná... rồi theo thời gian, theo phong thổ mà mãi về sau mới chính thức là Rắn. Chẳng thế mà tiếng Việt có từ kép “rắn-rít”. Một số nhà ngữ học cho là âm “rít” chẳng những là nguồn gốc của từ ngữ “rắn” mà còn của từ “rét” nữa, tên của loài côn trùng có nhiều chân, nọc độc. Nghe cũng rất thuận tai nhưng giả thuyết ấy vẫn còn gây tranh cãi vô thời hạn. Mà thôi, nước Việt mình tuy võ ngực hãnh diện có tới hơn 4.000 năm văn hiến, nhưng mãi đến nay vẫn chưa có nổi một viện Hàn Lâm để lo việc văn học quốc gia, bởi thế “ông có thể nói gà; bà có quyền nói vịt”, vừa cho sừng miệng lại vừa thỏa mãn tự ái. Ai cũng... chí lý. Thế là huề cả làng!

Theo sự tích trong Kinh Thánh kể trên, hình thù tiên khởi của Rắn như thế nào, không biết nhưng chắc chắn là loài có chân - bao nhiêu chân thì cũng không rõ - nhưng sau vì bị Thượng Đế phạt mà phải “đi bằng bụng”, nghĩa là bò sát.

Theo sinh vật học, bởi xương rắn quá nhỏ lại dễ vỡ nên khó hóa thạch, thành ra tổ tiên Rắn đã ít để lại các “chứng tích lịch sử” trên các vách đá như bao loài khác, chẳng hạn khủng long. Cũng bởi sự mập mờ căn cước ấy mà Rắn đã khiến các nhà khảo cứu cãi nhau ỏm tỏi về tiến trình hình thành của Rắn mặc dù chưa xảy ra vụ “xẻ đầu đứt tai” nào. Ngay cả thuyết Tiến Hóa của Charles Darwin (1809-1882) cũng phớt lờ loài Rắn, không

truy nguyên rành rẽ. Đến như lịch sử 12 Con Giáp cũng chỉ ghi qua loa rằng “trong cuộc bơi thi qua dòng Thiên Giang để được chọn làm “cảnh vệ” trần gian, Rắn về hạng 5 nên được gán biệt danh Tỵ, sau Chuột (Tí), Trâu (Sửu), Mèo (Mão) và Rồng (Thìn)...

May mà cuối cùng đa số chuyên gia cũng đã biết áp dụng lời khuyên của cổ nhân Việt Nam - “một sự nhìn bằng chín sự lành” - để đạt được sự đồng thuận dựa trên căn bản sinh thái học mà theo đó khả thể kết luận rằng Rắn tiến hóa từ loài tổ tiên Thần Lăn.

Rắn phân rẽ thành nhiều nhánh

Định nghĩa tổng quát, Rắn là loài không có chân; một số có nọc độc; mình thon dài và uốn xương sống để bò hoặc phóng mình.

Thế nhưng, so với các giống khác, có thể nói Rắn dẫn đầu về hiện tượng phân chia... nội bộ, biến hình thành nhiều loại dị biệt với tên gọi khác nhau. Diễn hình như chỉ riêng nhánh Rắn Hồ, thứ Rắn nổi danh khắp nơi về cấp bậc độc và dữ thế mà cũng bất khả thống nhất tối thiểu về... ngoại dạng, chẳng hạn Hồ Hành, vẩy xanh láng và toát ra mùi rất hôi hành - Hồ Mang hay Hồ Đất bự con, thân dài có thể tới 2 thước; lưng màu nâu thẫm, vàng lục hay đen; khi bạnh cổ thì để lộ một vòng tròn màu trắng giống y chang gọng kính - Hồ Mây, vẩy to màu trắng, đen lẫn lộn nhưng nhìn đẹp mắt và giống vỏ trái cây - Hồ Ngựa, chuyên ở bờ bụi, hay rượt bỏ người - Hồ Ba Khoang, vẩy đen nhưng có 3 khoang trắng ở gần đầu - Hồ Chuối, vẩy xám - Hồ May, có nọc độc cực mạnh, thường ẩn náu theo các khe suối...

Dân chơi thườ xưa vẫn dùng từ “rắn hổ” làm tiếng lóng để ám chỉ gái điếm có bệnh phong tình: “Gặp rắn hổ thì tiêu đời nhà ma!”.

Và một số chi (nhánh) khác, mạn phép tạm kể sơ sơ làm thí dụ: Rắn Đuôi Chuông, khi di chuyển phát ra âm thanh ở phần đuôi nhưng lại có thể đi theo mùi con mồi - Rắn Lục, nhỏ con, màu xanh lá cây, thường ở trên nhánh cây, ban tối lại hay hút gió - Rắn Gió cũng nhỏ, mình thon và bò rất nhanh như thể... phi thân vậy - Rắn Giun lại càng nhỏ hơn nhưng cũng độc hơn, màu đen trông tựa con giun thứ thiệt. Không nên lầm với Rắn Trun, loài đầu đuôi bằng nhau, tuy

cũng nhỏ con tương tự nhưng nọc độc thì mạnh vượt bậc - Rắn Cạp Nong Cạp Nia có từng khúc màu da vòng tròn khác nhau giống cái cạp (mép) nong (vật dụng đan bằng tre hình tròn thường dùng để phơi lúa, ngô hay đậu, cau...) hay cái nia (giống nong nhưng nhỏ hơn) - Rắn Vây Tên nhỏ con, rất độc; đặc biệt đầu có cái gác bén (sắc) như cái vây (phần cuối) mũi tên...

Ở miền Cà Mau, nơi nổi tiếng “Muỗi kêu như sáo - Địa tọt bánh canh - Rắn đồng biết gáy”, có bài về đặc biệt dựa trên các đặc tính mà liệt kê các loại rắn: “U Minh nước đò: Choại, dón, cóc kèn / Ăn ở cho hiền, dạo chơi với Rắn / Bất kỳ sâu, cạn: Rắn Nước, rắn Râu / Bay trên trời cao: Rắn Rồng uốn khúc / Chạy ngang chạy dọc: Rắn Ngựa phóng theo / Hút gió thiết kêu: Là con Rắn Lục / Mái Rầm lục đục: Bò chậm như rùa / Mỏ xuống bắt ngờ: Hồ Mây ẩn nấp / Coi chừng nó quất: Là con Rắn Roi / Ra đồng dạo chơi: Là Rắn Bông Súng / Đụng đầy một thúng: Là Rắn Cạp Nia / Ăn rồi ngậm nghe: Hồ Hành nấu cháo / Dữ mà nhỏ xiu: Đùng là Rắn Run / Chớ có coi thường: Con Rắn Ri Cóc / ... Có khách ra mời: Là con Hồ Chuối / Con Rắn Ri Cá: Thấy nước thì ham / Hình vóc hiền ngang: Rắn Voi Mỏ Rọ / Thật là đáng sợ: Choằm Oạp, Hồ Mang / ... Xét cho đáng hoàng: Rắn thì có nọc / Đùng chằm đừng chọc: Bỏ mạng lia đời...

Và để xếp hạng loại Rắn nào có thể chiếm chức vô địch thế giới về nọc độc, xứng đáng đeo “huy chương vàng” thì các loại Rắn độc kể trên ở nước Việt Nam mình vẫn chỉ ở hạng “thường thường bậc trung” cho dù một nạn nhân chỉ cần bị một con trong bọn chúng cắn nhẹ một cú thôi cũng đủ “sùi bọt mép, lên cơn nóng lạnh, có thể nôn mửa” trước khi về chầu ông bà ông vải. Thế nhưng các nhà khảo cứu quốc tế đã làm trọng tài để phán định:

-Rắn độc nhất ở dưới nước là “Rắn biển Belcher” ở khắp vùng biển Đông Nam Á và Bắc Úc từ cổ chí kim vẫn được mệnh danh là độc nhất hoàn vũ. Chỉ cần vài miligram nọc độc, một “Rắn biển Belcher” cũng dư sức giết hàng nghìn người. Dẽ sợ! Mà sự kết thúc mạng người cũng chẳng kéo dài. Nạn nhân sau khi bị Rắn này cắn nếu không được chữa trị kịp thời thì chỉ chừng từ nửa tiếng tới 45 phút mê man rồi vĩnh biệt

cuộc đời.

-Rắn độc nhất ở trên mặt đất mà giới chuyên gia gọi là “Fierce Snake” hay “Rắn dữ tợn”. Phải, chẳng dữ mà Rắn này chỉ cần “lưu niệm” chừng 110 mg. nọc độc với một vết cắn “nhẹ tựa chiêm bao” cũng đủ giết 100 người hay 250.000 con chuột. Để dễ tưởng tượng hơn, tạm so sánh như sau: Rắn hổ ở nước ta đã vang danh dữ và độc chứ gì, nhưng độ với “Fierce Snake” thì chẳng khác gì hình ảnh “hổ trực quần dương”, cạp đuôi bầy dê, nghĩa là mức độ độc của loài Rắn này mạnh gấp 50 lần Rắn Hổ thường. Khiếp chưa!

Ấy nói đến Rắn, người ta thường chỉ nghĩ đến nọc độc của chúng. Thật ra trong số khoảng trên 3.000 loại Rắn, chỉ có chừng 450 loài có nọc độc. Đa phần còn lại, tuy cũng mang tiếng Rắn nhưng chẳng những không độc mà còn hiền nữa, như Rắn Nước, Rắn Bông Súng, Rắn Roi, Rắn Rồng, Rắn Ráo hay Rắn Lài... những loài thường săn bắt chuột, ếch, nhái. Riêng Rắn Nước thì lại đớp cả cá.

Họ hàng của Rắn

Xứng đáng được gọi là “tiên chi” của loài Rắn ấy là Trăn hay còn gọi là Mãng. Phải, Trăn là loài Rắn lớn nhưng không có nọc độc. Có 3 loại Trăn vẫn được người ta nhắc đến với thịnh tình mỹ ý: Trăn Đất, loài chỉ nằm dưới đất, không leo cây được - Trăn Gấm, loài có vằn như gấm (hàng dẹt có hoa, nhiều sắc) - Trăn Gió, loài đi nhanh như... gió vậy. Trong thi phẩm Nhị Độ Mai có câu mô tả cảnh “hường nhàn” của Rắn và Trăn: “Rắn quần quần khúc; Mãng nhom nhép hàm”.

Rồi đến các loài khác: Mối (có 4 chân, lưng phẳng, đuôi dài, vẩy láng) - Rết (côn trùng nhiều chân, có nọc độc) - Thần Lăn (cũng có chân, hay ở bờ bụi, giống con mối nhưng to hơn) - Giun hay Trùn (côn trùng ở dưới đất, mình có đốt; “giun xéo lắm cũng phải quần”) - Lươn: Thử cá mình dài như Rắn, da có nhớt; “đùng chề lươn ngắn mà tham chạch dài”...

Biệt danh của Rắn: Xà

Rắn là tiếng Nôm còn Xà là từ Hán Việt, dĩ nhiên hai chữ này cùng nghĩa. “Xà loại” nghĩa là loài rắn, như Rắn Mái Gấm còn được gọi là Bạch Hoa Xà; Mãng Xà nghĩa là Rắn to bằng con Trăn...

Tuy đồng nghĩa nhưng theo ngôn ngữ học, chữ Xà nặng về nghĩa tượng trưng hơn. Nhiều thí dụ lắm, như “Xà bì” vừa có nghĩa là da Rắn có vảy, vừa nói đến kẻ hay thay đổi, chuông bề ngoài - “Xà hành” là bò sát đất mà đi nhanh như Rắn; ngầm chỉ tình hình sợ hãi - “Xà huyết” là hang Rắn hay nơi nguy hiểm - “Xà yết”, loài Rắn rết; nhằm nói đến kẻ độc hiểm nên tránh xa - “Xà thiết”, lưỡi Rắn hoặc miệng lưỡi hiểm ác - “Xà mâu”, thứ vũ khí dài, đầu nhọn mà cong như hình con Rắn: “Miệng xà sớm đã hiện hình trở ra”.

Hơn nữa, nghĩa của từ “Xà” còn ẩn hiện trong một số danh ngôn hay thành ngữ, điển hình như “Khẩu Phật, tâm xà”: Miệng nói những điều tốt lành nhưng lòng thì độc ác - ngược lại với “Khẩu xà, tâm Phật”: Tuy miệng nói những lời dữ dội nhưng lòng lại thiện. “Xà thôn tượng”: Rắn muốn nuốt voi. Ý nói kẻ tham lam quá - “Xà trấp tồn thân”: Rắn nấp để giữ mình, hay: Thôi nên khuất (nhịn nhục) thì phải khuất - “Xà tức” trong nguyên câu “Họa xà thêm tức”: Rắn không chân mà vẽ thêm chân vào thì không còn là Rắn nữa. Nghĩa bóng thứ nhất muốn nói, vụng về thành ra làm hư mất chân tướng. Nghĩa bóng 2, hay đa sự, như cổ nhân vẫn nói: “Đa sự thì hay rồi việc”. Rồi, “Long đầu xà vĩ”: Đầu Rồng đuôi Rắn; ý muốn nói hoàn cảnh trước thịnh sau suy hoặc làm tàn (ác), hung hăng dọa người nhưng gặp tay cừ khôi, sợ mà rút lui, chạy có cờ. Và: “Đa thảo kinh xà”, tức là đập vào bụi cây cỏ cho Rắn sợ mà chạy đi chứ không có ý giết. Câu này ngầm nói đến sự cố ý làm cho kẻ nghịch sợ mà không thi thố được mưu kế hại mình để mình rảnh tay làm việc khác. Sau nữa, câu “Trảm xà khởi nghĩa” nhằm nhắc lại sự tích Lưu Bang, đời Tần bên Trung Hoa, chém Rắn ở núi Mang Dịch, được dân chúng phục tâu. Thế nhưng, bỗng kẻ đó có Đà Lão đến ôm thân Rắn mà khóc đồng thời cho biết Rắn ấy là đứa con hoang đang vốn thuộc dòng vua Bạch Đế nay bị con vua Xích Đế là người có phúc đức hơn giết chết. Dân chúng hay tin ấy càng phục tùng Lưu Bang vô bờ bến. Đó là khởi điểm của cuộc khởi nghĩa chống bạo Tần bên phía Lưu Bang, để dựng nên nhà Hán và truyền đời đến hơn 400 năm (210 trước Tây lịch - 196 sau Tây lịch) mới suy thoái...

Xếp hạng loài vật mau lẹ, cổ văn ghi

nhận: “Nhất điều, nhị ngư, tam xà, tứ tượng”, tức là nhanh nhất là loài chim, nhì là cá, ba tới Rắn và voi đứng hạng tư.

Một số đặc điểm của Rắn

Nói về các điểm đặc biệt, khác thường của loài Rắn thì kể hoài không hết. Mạn phép ở đây chỉ nêu 4 điều điển hình để thấy Rắn có khả năng vượt thắng biết bao sinh vật khác:

Rắn tiêu hóa: Có thể nói Rắn cũng tạp thực, ăn từ sâu bọ, trứng của các loài khác đến thằn lằn, chim, ếch, nhái, cá đến các con mồi thật lớn như chuột, mèo, gà... đôi khi lại xoi cả lẫn nhau.

Rắn có nhiều cách ăn: Loài có nọc độc thì dùng thứ khí giới này để làm tê liệt hoặc giết chết con mồi trước khi tiêu thụ. Một số loài xiết con mồi cho gãy xương, như thây rồi mới tà tà nuốt. Có loài nuốt sống trọn con mồi.

Nhiều khi con mồi lớn hơn gấp ba gấp bốn lần thân Rắn mà Rắn vẫn nuốt được ngon lành, ấy mới lạ. Theo các nhà sinh vật học, sở dĩ Rắn... tài như vậy là bởi xương cả hai hàm trên lẫn hàm dưới của Rắn không gắn liền cố định mà đa phần được nối bằng vào sọ. Cộng thêm nữa, hàm dưới của Rắn rất linh hoạt. Nhờ các ưu điểm vừa kể mà Rắn có thể mở miệng rất rộng để nuốt trửng con mồi lớn.

Ăn rồi, Rắn trở nên lười biếng, tìm chỗ kín đáo hoặc vào hang nằm nghỉ ngơi cốt để hệ thống tiêu hóa làm việc trong vòng 48 tiếng đồng hồ hoặc lâu hơn nữa những khi phải tiêu thụ một con mồi lớn. Và lại bộ máy tiêu hóa của Rắn lại quá ư tốt, hiệu quả hết chỗ chê, bởi vì chỉ “chào thua” lông và móng của con mồi còn thì các thứ khác, thầy đều được chất a-xít trong bao tử Rắn biến thành chất dinh dưỡng.

Rắn di chuyển: Nói tổng quát, khi di chuyển, thân dài và nhỏ của Rắn uốn éo thành hình chữ S; phía dưới thân thể theo cùng nhịp với phần phía trên. Nên nhớ là toàn thân Rắn được bao bọc bằng một lớp vảy rất cứng. Những chiếc vảy này không chỉ như bộ áo giáp bảo vệ Rắn mà còn có chức năng của bàn đạp để Rắn trườn bò. Đúng vậy, khi bò, các vảy trườn theo các bộ phận lùi ra để Rắn sử dụng đầu nhọn của các vảy này mà trèo trên mặt đất gồ ghề hay trên đám cỏ trơn

mượt.

Rắn sinh sản: Rất đặc biệt! Cuộc giao phối của Rắn thường kéo dài từ nửa giờ đến vài tiếng đồng hồ. Hầu hết loài Rắn đẻ trứng, bằng hai cách: Có loài đẻ trứng ra rồi bỏ trứng đi; có loài giữ trứng trong cơ thể cho tới khi trứng nở.

Mùa sinh sản của Rắn thay đổi tùy theo môi trường địa phương, nhưng thông thường từ tháng 5 đến tháng 8; thời tiết ẩm áp. Rắn có thể đẻ 3 - 4 lứa mỗi năm.

Rắn lột da: Mục đích việc lột da là để Rắn lớn theo chu kỳ. Cách thức lột da của Rắn tương tự việc người ta cởi bỏ quần áo (bí tất). Trước hết, Rắn cọ đầu và mũi vào những vật cứng, chẳng hạn cạnh một tảng đá, cho tới khi da rách rồi chúng khởi sự lột từ trên xuống tới gần cuối đuôi; phần cuối đuôi này không bao giờ thay đổi, cứ thắt chặt suốt thời gian nó lớn lên. Để vĩnh biệt “của nợ” này, Rắn tự phong tỏa không để máu chảy xuống khúc đuôi. Thiếu chất dinh dưỡng, khúc đuôi thừa này dần dần sẽ rụng đi. Giống kiểu các thầy lang miệt vườn vẫn dùng dây thắt khúc... trĩ ngoại rồi xúc thuốc cho từ từ khô lại mà phải rời khỏi... “bến cô đô”.

Có thể nói hiện tượng lột da này là sự tái sinh của Rắn khiến Rắn được tiếng là “bất tử”.

Rắn trong thành ngữ, tục ngữ Việt Nam

Tuy sợ Rắn, nể Rắn nhưng vì cảnh sống thường nhật của ngày xưa ngày nay mà loài người không thể đoạn tuyệt hẳn với Rắn; nhưng cũng chính vì sự gần gũi bất đắc dĩ ấy mà người ta đã nắm được hết tẩy và mọi mảnh mung của loài bò sát này để rồi không chỉ nhắc đến trong khi trò chuyện bình thường mà cổ nhân còn biến những điều hiểu biết và kinh nghiệm về Rắn thành văn chương truyền khẩu, điển hình là một số thành ngữ thông dụng dưới đây:

“Vẽ Rắn thêm chân”, nghĩa gần là thêm thắt những điều không có trong thực tế; hay bịa đặt, dựng chuyện - Nghĩa rộng ngầm chỉ kẻ hiểu biết nông cạn nhưng lại cố tỏ vẻ hiểu biết hơn người.

“Nói, Rắn trong lỗ bò ra”: Nói khéo, nói hay khiến ai nghe cũng khoái tĩ (đến Rắn cũng mê mà phải bò ra mà nghe cho rõ).

“Oai oái như Rắn bắt nhái” hay “Oai oái như nhái phải Rắn”: Kêu la luôn miệng,

thảm thiết chẳng khác gì con nhái khi bị Rắn đớp.

“Rắn có chân Rắn biết; ngọc ần đá ngọc hay”. Có thể nói đây là một lời khuyên quý gấp ngàn lần “đồng tiền bát gạo”. Theo đó, mình có tài thì để bụng, đừng khoe khoang; khi mình thành công rồi, người ta mới phục nhiều vì không ngờ.

“Rắn đầu cứng cổ” cùng nghĩa với “rắn đầu rắn mặt”: Ương ngạnh khó dạy, không chịu nghe lời phải trái của người lớn.

“Rắn rết bò vào, cóc nhái nhảy ra”: Kẻ hùng mạnh nhưng hung dữ đi đến đâu cũng khiến người yếu kém không thể chung sống nên phải “nhường” chỗ mà di chuyển đi nơi khác.

“Cống Rắn cắn gà nhà”: Nghĩa hẹp, kẻ phản phúc, vì lợi ích riêng mà cam tâm cấu kết với người ngoài, với kẻ xấu để làm hại người thân thiết, ruột thịt - Nghĩa rộng, viện binh lực ngoại quốc về giết hại đồng bào, xâm lược đất nước, như Trần Ích Tắc hai lần “rước” quân Nguyên bên Tàu về giành ngôi với vua Trần Nhân Tông. Lịch sử nước nhà con ghi lần Lê Chiêu Thống đã đích thân sang tận Tàu nhằm xin quân thù “cứu nhà Lê” để rồi nhà Thanh viện cớ đó mà xâm chiếm nước Nam - và lần Nguyễn Ánh cầu viện quân Xiêm (Thái Lan) sang nước ta đánh nhà Tây Sơn. Nhưng phúc đức cho dân tộc ta, trong cả hai trường hợp trên, vị anh hùng Nguyễn Huệ Quang Trung đã đánh cho cả bọn Tàu lẫn Xiêm phải chạy xịt khói, bỏ cả khó rách mà thoát thân về nước.

Thành ngữ khác, “Rước voi về giày má tổ” cũng cùng nghĩa: Đón kẻ ngoại xâm đến làm hại đất nước, dân tộc. Trong lịch sử cận đại, Hồ Chí Minh đã nhiều lần “cống Rắn Tàu, rước voi Nga” về cắn giết đồng bào, xéo đạp lên mồ mả của tổ tiên. Hiện đảng Việt Cộng lại đang thực thi màn tuồng trên đây của “bác Hồ” bằng thái độ nhu nhược và chính sách bán nước nhằm gián tiếp mặc cho “Rắn Tàu” cắn tĩa dần dần lãnh hải và lãnh địa Việt Nam.

“Rắn đổ nọc cho lươn”: Đổ lỗi, đổ khuyết điểm cho người khác.

“Cóc cắn, Rắn mổ” chỉ những khi xui xẻo, lúc vận đen; nhưng đây cũng là một lời rửa (nói lời độc ác để cầu cho người khác phải tai nạn).

Thêm nữa, người bình dân xưa tin

rằng ai giết được một con Rắn vào đúng ngày 5 tháng 5 âm lịch thì không những làm ăn phát đạt mà còn sống thêm được một tuổi. Rắn cũng biết thân biết phận vì thế cứ vào ngày này chúng tìm cách trốn lánh, chỉ ẩn núp trong hang, bụi chứ không dám xuất hiện “giang hồ vật” như mọi ngày khác.

Hiện tượng kể trên đã được diễn tả trong các thành ngữ: “Lăn như Rắn mòng Năm”, “Len lén (hay “lịt tịt” hoặc “thín thít”) như Rắn mòng Năm”.

Cách riêng người đánh bạc lại càng xác tín bạo là nếu giắt trong mình đầu con Rắn đánh chết vào ngày “song ngũ” thì khi chiến đấu đen đỏ, cứ gọi là vết bộn tiền đến mỗi cà tay: “Đánh Rắn mòng 5 tháng 5”...

Sau hết, thành ngữ Việt Nam còn có câu: “Rắn già Rắn lột; người già người tốt đầu sãng” - nghĩa là loài Rắn hễ già thì tự lột bỏ lớp da cũ để sống khỏe mạnh lại như còn trẻ. Còn con người, hễ già thì cứ “vô tư” mà chết. “Tốt đầu sãng” là “chui đầu vào quan tài”. Truyện cổ kể rằng, thuở xưa, bờ bụi nhiều, đường sá chưa mở mang, loài Rắn vì thế có nơi trú ẩn và có cơ giết hại loài người ghê gớm.

Vì không phương cách tự vệ, loài người bèn hội nhau lại rồi cử “đặc phái viên” lên Thiên Đình bày tỏ nỗi khốn khổ ấy với Ngọc Hoàng để xin ngài giải quyết. Ngọc Hoàng thương tình mới dạy rằng: “Người già, người lột; Rắn già, Rắn tốt vào sãng”. Viên chức đại diện ấy mừng quýnh, nhưng vì quá lật đật mới nói lộn thành “Rắn già, rắn lột...” khiến từ đó loài Rắn sinh sản nhiều thêm mà không con nào chết già cả. Ngược lại, con người, nếu may mắn không bị Rắn cắn chết hoặc bị các thú vật khác xoi thịt thì cứ sống cùng lắm được vài chục năm lại “thi đua” mà lăn quay ra chết.

Nạn Rắn giết người lại càng gia tăng gấp bội. Loài người bất mãn quá, bèn phái đại diện cũ trở lên kêu nài nữa với Ngọc Hoàng. Rõ là tại “đặc phái viên” ấy nói lộn chứ đâu phải Ngọc Hoàng không thương loài người. Nay lại nghe hẳn hết tả oán triền miên như “quốc kêu mùa hè” lại lại nhại như “đi khẩn tiên sư”, Ngọc Hoàng tự chế hết nổi, bèn “tắc-dzăng nổi giận” mà bắt tội hẳn, đây làm con bọ hung, cả đời sống trong các đồng phân. Còn việc “lột da” kia, đáng bậc vĩ đại và tối thượng như Ngọc Hoàng không thể nói

đi nói lại nhiều lời, đành quyết định cứ để vậy.

Nói thí dụ, thay vì Rắn, loài người mà được đặc ân “Người già người lột” thì phụ nữ là giới sung sướng nhất trần gian, e rằng chưa “già” đã “lột” để luôn luôn được trẻ, trong khi nhân số phái nam cứ mỗi ngày một xuống thang, không phải vì đực rựa không được “lột” để sống lâu nhưng vì bản tính vốn lười chầy thây nên đàn ông thường xuyên quên hoặc có nhớ ra thì lại ngại đưa tay vào “lột” da đúng thời điểm, giống như thời nào cũng chẳng chịu siêng năng đến “khám bác sĩ”, chờ khi “hết thuốc chữa” mới chịu lò dò bấm số cấp cứu 113 thì cuộc đời kể như đã khởi sự hạ màn.

Và lại, nếu trời cho “gái già, gái lột” thì ngày nay làm gì có ngành giải phẫu thẩm mỹ hoặc viện trang điểm này nọ... mặc dù số lượng phụ nữ ở bất cứ không gian và thời gian nào không những chẳng giảm sút mà còn “tiền nhanh, tiền mạnh, tiền vững chắc” đến tình trạng “nữ nhân mãn”. Có lẽ vì “trời xanh có mắt” nên đã thấy trước thảm họa ấy nên mới để “đặc phái viên của nhân loại” nhớ lộn câu thần chú chẳng?

Hai cuộc độ trí đầu đời của Rắn

Tổ tiên loài người thoát đầu không biết phải phân chia phẩm trật ra sao giữa các động vật khi thấy trên rừng thì hổ đã khiến bao muông thú khác phải bái phục; dưới đồng ruộng, Rắn tuy nhỏ con mà chẳng phải nhọc công, tốn sức, nhưng chỉ cần “đề nhẹ” hai răng nanh vào địch thủ thì dù to xác cỡ nào, mạnh mẽ cỡ nào... cuối cùng cũng lăn đùng ra chết. Còn con người thì chẳng đáng cho hổ xia răng, cho Rắn phỉ “quá đơ” nọc độc nhưng lại cứng đầu ngoan cố không chấp nhận “rút lui có trật tự”, trái lại vẫn võ ngược tự đắc bằng cách xưa kia thì lòi thành ngữ ra mà xác quyết: “Người bé nhưng gié to”; thời cận đại lại trung lời của triết gia Pascal: “Người là cây sậy biết suy tư”.

Cũng vì nguyên nhân trên mà tổ tiên nhân loại đã phải cho 3 đối thủ - Hổ - Rắn - Người đấu trí như sau để phân định thắng bại:

“Con rắn với con Hổ”: “Một hôm, Hổ hay Cọp hoặc Hùm vốn đã được xưng tụng là “chúa tể sơn lâm” đang đi kiếm ăn thì bỗng thấy một con Rắn to nằm gần một gốc

cây như thê đang hóng mát. Hối ra, Hồ mới biết Rắn này tên là Hồ Mang. Trong đầu, Hồ nghĩ đúng là “buồn ngủ gặp chiếu manh”, vì sẵn mỗi từ sáng sớm đến giờ mà chẳng vô được con nào, nay lại gặp con Rắn quá bực này thì tuy mọi bữa nó chỉ tỏ làm dính răng nhưng đang đói bụng thì âu đó cũng là thứ “cao lương mỹ vị”. Hồ trù tính nuốt tươi Rắn, bèn giơ chân định chận lên mình Rắn. Nào ngờ Rắn đã đề phòng nên nó chỉ cần xoay nhẹ mình là quần luôn được vào chân Hồ rồi nhe nanh mổ tới bắp. Hồ hoảng hồn, nhảy cuống cuống lên mãi mới gỡ chân ra được khỏi mình Rắn, rồi Hồ cầm đầu chạy một mạch vào rừng sâu.

Thế là Hồ thua Rắn. Người đời về sau biết “sự cố”, bèn hát giễu Hồ rằng: “Nghĩ ra mới biết rằng khôn - Con Rắn nhỏ nhỏ mà gan hơn Hùm”.

“*Con Rắn với người nuôi Rắn*”: Ngày xưa có một người vốn yêu loài vật nên đã nuôi một con Rắn từ ngày nó còn nhỏ cho tới khi nó lớn. Ngày ngày, người ấy vẫn đi bắt mỗi như cóc, nhái, ếch, ngóe và cả chim trời cho Rắn ăn.

Nhưng phải một hôm, sau khi lưng khắp nơi mà người này cũng không săn được con mồi nào. Rắn thấy thế giận lắm, bảo với chủ nó: “Không có gì cho tôi ăn thì tôi phải cắn ông chết để phạt tội”.

Người chủ trong bụng nghĩ loài Rắn vô ơn nhưng bên ngoài vẫn giữ vẻ bình tĩnh, bèn ôn tồn trả lời: “OK, muốn cắn tao chết thì cứ việc. Nhưng để công minh hơn, tao với mày nên hỏi ý kiến vài nơi rồi sau đó mày cắn tao chết, thiết tưởng cũng chưa muộn cơ mà”.

Rắn bằng lòng. Thế là người nuôi Rắn và Rắn cùng lên đường. Trước tiên, đôi bên đến hỏi con Hạc (loài chim cao cổ, mỏ nhọn, cổ dài). Hạc nhìn Rắn, trả lời: “Nhờ ai nuôi cho mày lớn mà nay mày lại muốn cắn chết người ta? Còn đạo nghĩa gì nữa không!”

Đôi bên đến hỏi Rùa thì Rùa nhìn người chủ, lắc lư đầu: “Nuôi nó mà chẳng cho nó ăn, giờ nó cắn chết cũng không oan!”.

Sau cùng, đôi bên đến “tham khảo ý kiến” Qua thì Qua chẳng nói chẳng rằng nhưng bất ngờ mổ Rắn liên tiếp mấy cái khiến Rắn chết tươi. Nghĩ mình bị bức tử, oan hồn Rắn đem đầu đuôi sự việc lên kiện

với Phật.

Nghe xong, Phật phân xử: “Hạc nói có nghĩa thì cho đứng trên cao. Rùa nói vô lý thì cho bò ở dưới thấp. Còn Rắn đã nhờ Người, lại bội ơn Người thì cho Qua được phép tha xác nó lên mắc trên ngọn tre để nêu gương cho thiên hạ biết”.

Vì sự tích này mà bây giờ ta thấy trong cách bài trí: Hạc được ngất ngưỡng đứng trên hương án cao. Trong khi Rùa phải ép mình chẹt dưới bia đá. Còn Qua được đậu chót vót trên đầu cây phước (thứ cò riêng của nhà Phật), dưới buồng tấm vải trắng tượng con Rắn mà trước kia nó bị Qua tha đi”.

Rắn lâu đời thành thần; Trăn thành tinh

Vì được đặc ân “lột da để trường sinh” nên cả Rắn lẫn Trăn đều sống lâu. Rắn đại thọ thường trở thành thần, Trăn thành tinh. Tuy nhiên không giống các dân tộc lân bang khác, chẳng hạn Cambodia (tên cũ: Khmer) cổ nhân Việt Nam vẫn cho loài Rắn, Trăn thành thần, thành tinh đều là quái vật. Đúng vậy, người Cambodia vẫn chạm tro hình tượng thần Rắn Naga uốn lượn trên các mái chùa hay quần quanh những cánh cửa chùa vì họ tin là rắn Naga xua đuổi tà ma và bảo vệ đạo Phật. Ngoài ra các vị vua Khmer xưa kia cũng hằng tin là họ đã được giao phối với nàng tiên rắn Nagini xinh đẹp để duy trì dòng dõi hoàng gia. Ngày nay người Cambodia tiếp tục quan niệm thần rắn Naga đêm ngày canh giữ nơi vua chúa ngự.

Ngược lại, đọc văn chương dân gian Việt Nam, ta thường thấy những truyện cổ tích hay thần thoại về các thần Rắn hay chằn tinh Trăn, những yêu quái chuyên phá phách dân gian và đòi được dâng cúng người sống, đặc biệt trình nữ. Chẳng hạn ba truyện dưới đây:

Thủy quái sông Độc: Tại ngã ba sông Độc thuộc làng Độc Tín, huyện Kim Bảng, tỉnh Sơn Nam, đời Lê Trung Hưng, có một vị thủy thần rất thiêng. Dân chúng không những đã phải lập miếu trên bờ để thờ mà thuyền bè qua lại cũng phải đem phẩm vật ghé lại lễ; bằng không, chẳng bị đắm thuyền thì cũng bị hư hại cột chèo, bánh lái.

Lạ nhất là ở giữa sông có một cây cột cao chót vót. Không rõ cột này có từ bao giờ và do ai dựng nhưng nó đã trở thành một chỗ

thề bồi rất linh nghiệm. Kẻ dối trá đến ôm cột ấy tức thì như bị một sức mạnh siêu nhiên hút chặt lấy rồi lúi tuột xuống nước.

Đến thời Cảnh Hưng, chúa Trịnh đi thuyền qua, bỗng ở giữa sông nổi lên một cồn cát khiến sông cạn ráo. Quân lính khơi đào tới đâu thì cát lập tức lấp lại ngay. Chúa bèn cho lập miếu thờ và hứa ban chức tước.

Lễ vừa đoạn thì bỗng một con Rắn to bằng gốc tre, dài hơn hai thước, xuyên cát bò lên. Mọi người sợ xanh mặt. Rắn bò tới đâu thì cát tan đến đó. Lúc sau, khúc sông trở lại bình thường như trước. Giữ lời hứa, chúa Trịnh xin vua Lê phong cho thần sông ấy làm Thượng Đẳng Thần.

Năm sau, quan Quận Tinh họ Nguyễn ở kinh đô sai tên lính hầu về làng thu thuế. Người lính này có biệt tài thổi sáo. Ngồi trên thuyền, anh ta thổi những cung điệu réo rắt khiến một con Rắn nhỏ từ dưới nước bò lên thuyền nằm nghe. Mắt Rắn đỏ như mặt trời dựng đống. Gần đến nơi, anh lính bảo Rắn: “Mày muốn nghe sáo nữa thì hãy theo về nhà tao”. Rắn liền bò vào nằm khoanh trong mũ của người này.

Tới đình làng thì cũng xế chiều, anh lính được dân chúng mời đánh chén thịt chó. Tàn tiệc, anh ta say rượu; chân nam đá chân chiêu. Thấy con Rắn bấy giờ đang nằm trên mặt đất, người lính bảo: “Nhìn gì tao? Bộ mày muốn nghênh tao hả?” rồi lấy gót chân nện Rắn chết.

Ông Quận Tinh bỗng dung lâm bệnh nặng. Đêm kia, một người áo lễ chỉnh tề hiện ra trong giấc mơ của ông mà bảo: “Do tên lính hầu đánh chết đứa con của thủy thần sông Độc mà quan bị bệnh. Hãy truyền cho nó đến miếu thần lễ xin nhận tội, bằng không thì quan lớn sẽ bị lâm nguy sinh mạng”.

Người lính hầu bị quan quở mắng rồi bắt nhận lệnh đến lễ tạ tội ở miếu thần. Anh ta ngằm lấy vải cuốn chặt từ bụng xuống tới đầu gối rồi lấy những con dao nhọn gắn vào. Ngoài ra anh còn giấu một con dao lớn trong khó.

Lễ xong ở miếu, lính hầu này ra ôm lấy cột ở giữa dòng sông. Người này liền bị dính chặt vào cột rồi bị lúi tuột xuống nhưng anh chỉ bị ngập đến bụng rồi sau một lúc anh ta lại ngổi lên được. Trong khi đó thân nhân quan Quận Tinh với dân làng đứng trên bờ thấy lính hầu ấy một tay bám chặt vào cột;

tay kia cầm dao đâm lia lịa. Máu nhuộm đỏ cả một khoảng sông khiến ai cũng sợ mà chẳng hiểu nguyên nhân.

Lúc không còn bị kéo xuống nước nữa, người lính hầu liền gọi thuyền ra chở vào bờ. Lúc sau, ở khúc sông nổi lên vô số thường luồng, rắn lớn nhỏ lẫn và cả cá giải, ba ba bị chết.

Ông Quận Tinh khỏi bệnh mà chẳng cần thuốc thang gì. Và cũng từ ngày đó trở đi, khúc sông ấy, ngôi miếu ấy cũng không còn linh nữa. Cây cột cao chót vót giữa dòng sông cũng bỗng dung biến đi đâu không ai hay nữa...

Thạch Sanh và Lý Thông: Thạch Sanh là một đứa trẻ mồ côi nhưng hiền lành, thật thà. Năm 13 tuổi, Thạch Sanh được Ngọc Hoàng sai tiên xuống dạy cho võ nghệ và mọi phép thần thông. Một hôm, có anh hàng rượu tên là Lý Thông đi ngang, thấy Thạch Sanh khỏe mạnh, nghĩ có thể lợi dụng bèn kết nghĩa anh em.

Bấy giờ có một con Trăn tinh thường bắt người ăn thịt. Quan quân bao lần vây đánh nhưng đều làm mồi cho nó. Nhà vua đành truyền lập miếu thờ và cứ hàng năm lại phải nộp cho Trăn tinh một mạng người. Năm ấy đến lượt Lý Thông. Nghe tin, mẹ con Lý Thông hoảng sợ, bèn lập mưu đưa Thạch Sanh đi thay.

Nửa đêm, giữa khu rừng, bỗng gió thổi đổ cả cây cối. Trăn tinh hiện ra, giơ vuốt nhe nanh, há hơi tóe lửa, tiến đến định ăn thịt Thạch Sanh. Thế nhưng Thạch Sanh rất bình tĩnh, biến phép chiến đấu với Trăn tinh. Hồi lâu thì Trăn tinh bị giết, hóa hình thành một con Trăn lớn. Thạch Sanh bèn chặt lấy đầu mang về.

Nghe Thạch Sanh gọi cửa, Lý Thông ngỡ oan hồn hiện về bèn lay lục, khấn vái. Lúc đó Thạch Sanh mới rõ mưu đồ của mẹ con Lý Thông nhưng vì bản tính hiền lành, chàng không giận. Lý Thông sau khi nghe Thạch Sanh thuật lại chuyện giết Trăn, lại nảy ra mưu thâm độc. Lý Thông dọa rằng Trăn tinh là của nhà vua nuôi, nay giết đi thì thế nào cũng bị tội chết nên khuyên Thạch Sanh trốn về thôn cũ. Còn Lý Thông hôm sau trẩy kinh, tâu vua đã trừ được Trăn tinh. Hắn được vua phong chức quan đại thần.

Công chúa bấy giờ cũng đã tới tuổi cập kê nhưng vẫn chưa chọn được người vừa

ý. Một hôm trong lúc đi dạo vườn hoa, công chúa bỗng bị con yêu tinh Đại Bàng sà xuống cắp đi mất. Tinh cò Đại Bàng bay ngang cây đa mà Thạch Sanh đang ngồi thần thờ dưới gốc. Thấy vậy, Thạch Sanh liền giương cung bắn trúng cánh Đại Bàng nhưng nó vẫn tiếp tục bay đi, Thạch Sanh lần theo vết máu đó, cuối cùng khám phá thấy Đại Bàng chui vào một cái hang rất kiên cố. Chàng bèn đánh dấu lối vào hang rồi trở về.

Nhà vua mất con nên rất đau lòng xót dạ, lập tức truyền cho Lý Thông đi tìm cùng hứa sẽ gả công chúa và truyền ngôi cho. Lý Thông vừa mừng mưa lo, bèn lập mưu mở hội xướng hát nhằm dò la tin tức. Nghe tin này, Thạch Sanh về thăm. Lý Thông tỏ mối âu lo không tìm được công chúa. Thạch Sanh kể lại việc bắn trúng cánh chim Đại Bàng rồi tình nguyện xuống hang tìm công chúa dùm bạn. Ai ngờ sau khi giết chết Đại Bàng và cứu được công chúa, Thạch Sanh lại bị Lý Thông sai quân lính lấy đá lấp kín cửa hang lại.

Trong lúc tìm lối ra, Thạch Sanh đã giải cứu được con vua Thủy Tề vốn đã bị Đại Bàng giam giữ hơn một năm. Thái tử mời Thạch Sanh về thăm thủy cung. Nhân dịp này vua Thủy Tề muốn tặng Thạch Sanh vô số vàng bạc, châu báu để đền ơn nhưng chàng từ chối, chỉ nhận một cây đàn.

Bấy giờ hồn Trần tình và Đại Bàng gặp nhau trong cảnh đói khát, bèn hợp tác mưu hại Thạch Sanh. Chúng lén vào kho triều đình ăn trộm ngọc ngà rồi mang đến chôn giấu dưới gốc đa, chỗ Thạch Sanh vẫn ở. Vì thế chàng bị hạ ngục.

Nói về công chúa, từ khi được cứu khỏi hang Đại Bàng mà không thấy ân nhân lên cùng. Khi biết được hành động ác độc của Lý Thông, công chúa uất ức mà hóa câm. Bỗng một hôm có tiếng đàn réo rắt ngân nga nổi lên. Đó chính là ngón đàn của Thạch Sanh trong lúc ngồi trong tù chàng đã mang đàn ra gảy, không ngờ đó là một cây đàn thần. Tiếng đàn than trách nhân tình thế thái, tố cáo tội ác của Lý Thông, bày tỏ niềm oan ức từ lúc cứu được công chúa rồi bị hồn Trần tình và Đại Bàng vu oan giá họa. Công Chúa ngồi trên lầu, nghe tiếng đàn bỗng reo mừng, xin vua cha cho gọi người gảy đàn. Sau khi nghe Thạch Sanh trần tình hết sự việc, nhà vua tức giận, truyền giam ngục mẹ con Lý

Thông nhưng vì nể lời can xin của Thạch Sanh mà vua tha cho trở về làng. Dọc đường mẹ con gặp cơn mưa bão và cả hai đều bị sét đánh chết.

Vua cha hợp duyên cho Thạch Sanh cùng công chúa. Gặp khi giặc giã, Thạch Sanh liền cất binh dẹp loạn. Đất nước yên bình trở lại. Vua liền làm lễ nhường ngôi cho Thạch Sanh. Nhờ ân đức cai trị của đế vương Thạch Sanh mà nhân dân được an vui làm ăn; nhà nhà ấm no.

Tiêu diệt mãng xà: Ngày xưa, trong một hang nọ có một con Rắn đã “thọ” trên trăm tuổi và biến thành Mãng Xà. Đầu nó to bằng cái chum, trên đỉnh có mào đỏ; đôi mắt tựa hai trái cam rực lửa; thân dài hơn trượng (10 thước). Mãng Xà đi đến đâu là cuốn thành vũ bão đến đó; bụi bốc mù mịt, cây cối đổ rào rào. Người ta đã dùng nhiều phương cách để diệt trừ Mãng Xà nhưng không thành công, trái lại chỉ gây cho quái vật này tức giận mà phá hoại dữ dội hơn nữa. Cuối cùng nhà vua đành sai dựng cho Mãng Xà một ngôi đền và hứa hàng năm khấn cho nó một trình nữ để nó bớt phá phách. Mặc dầu vậy nhà vua vẫn rao truyền ai triệt hạ được quái vật ấy, sẽ được thưởng vô vàn ngọc ngà châu báu và được cưới công chúa làm vợ.

Bấy giờ có một chàng tuổi trẻ trong nhiều năm đã được một nhà sư nuôi nấng trong một ngôi chùa trên núi cao và truyền cho mọi môn võ nghệ, Thành tài, chàng được sư phụ tặng cho một guom báu và cho phép “hạ sơn”.

Ngày xuống núi, chàng tuổi trẻ đã phải kéo bộ suốt cả buổi, và tuy đã thấm mệt mà mới chỉ đến một ngôi đền chứ chưa thấy đầu làng đâu. Thấy trong đền có ánh sáng le lói, chàng tuổi trẻ tính ghé vào nghỉ chân qua đêm chứ không hề hay biết đó là đền của Mãng Xà.

Bỗng chàng nghe có tiếng khóc ở phía trong, bèn tiến vào tận thượng điện. Chàng chợt thấy một cô gái trẻ bị trói ở một chân cột. Hỏi ra chàng mới biết cô gái này bị làng xã dâng làm của lễ cho Mãng Xà. Chàng tuổi trẻ liền ân cần: “Tôi muốn thay nàng nộp mạng cho Mãng Xà để nàng về trở về với mẹ già”; rồi chàng rút guom ra khỏi bao, nói tiếp: “Nó không thể làm hại tôi được đâu. Tôi sẽ để cái này nói chuyện với nó. Nàng hãy chạy mau về làng đi!”.

Quả thật đêm đó, chàng tuổi trẻ đã chiến đấu quyết tử với Mãng Xà. Những đường gươm lợi hại của chàng đã kết liễu được con quái vật nhưng vì nhát gươm cuối cùng chàng đâm mạnh quá nên mũi gươm bị gãy. Chàng giờ thanh gươm bị mất phần nhọn ấy lên mà chặt lấy cái đầu Mãng Xà.

Thanh toán Mãng Xà xong, vừa mệt lại vừa khát nước, chàng tuổi trẻ đã phải chạy khắp rừng mới tìm được một lạch suối trong veo. Sau khi đỡ khát, chàng ngủ thiếp đi lúc nào không hay ở bên bờ suối.

Trưa hôm sau, viên cảnh vệ có phận sự canh gác ở khu vực này nhận thấy ngôi đền yên tĩnh khác thường, hần tiên vào đền để dò xét động tĩnh. Hần vô cùng kinh ngạc khi thấy xác Mãng Xà nằm trên vũng máu đã khô sự khô. Chợt nhớ đến lời hứa của vua, hần lập tức xách đầu Mãng Xà rồi phóng ngựa về kinh đô lãnh thưởng. Nhà vua vui mừng vô bờ trước tin quái vật đã bị tiêu diệt, khen ngợi hần hết lời rồi truyền gả công chúa như đã hứa.

Trong lúc quan quân sửa soạn yến tiệc thì đúng giữa hôm cưới, có một người khách lạ xin vào yết kiến vua. Hỏi mãi, người khách trẻ này mới thưa: “Tâu bệ hạ, hạ thần đến đây chỉ xin được lấy lại mảnh gươm gãy còn giắt trong đầu Mãng Xà”.

Phò mã đứng gần đó tái xanh mặt. Mua sai vệ sĩ bừa đầu Mãng Xà ra, quả thật tìm thấy một mảnh gươm mà khi ráp với gươm của chàng tuổi trẻ thì vừa như in.

Nhà vua tức giận, liền ra lệnh cho quân sĩ điệu tên cảnh vệ gian tham ra pháp trường. Sau đó, nhà vua đích thân cầm tay chàng tuổi trẻ mà đặt vào tay công chúa. Lễ cưới vô cùng linh đình đã diễn ra trong suốt mấy ngày liền và toàn thể dân chúng cũng được vua mời dự các buổi tiệc tùng.

Rắn trả thù

Tuy không được ca ngợi về sự thông minh như chó hay cá heo, về trí nhớ dai như hổ hay mèo, nhưng về tính trả thù thì không loài nào “qua mặt” được Rắn. Có rất nhiều truyện ngày nay, tích cũ để chứng minh. Chẳng hạn:

-Một bác tiêu phu hàng ngày vẫn lên rừng đốn củi để đem xuống chợ bán nuôi gia đình. Gặp Rắn nào bác cũng tìm cách bắt cho bằng được để cung cấp cho các tiệm thuốc.

Một hôm bác bị một con Rắn Hồ cắn trúng ngón tay. Tiện có chiếc rìu trong tay, bác mím môi chặt bỏ ngón tay đó trước khi về nhà rịt thuốc, băng bó. Mấy ngày sau đã khỏe, bác tiêu phu lại lên rừng, chợt thấy ngón tay bị chính mình chặt bỏ, vẫn còn nguyên vẹn. Bác vội nhặt về rồi mở vết thương, nối lại với hy vọng da thịt sẽ liền như cũ. Nào ngờ nọc Rắn vẫn còn ở ngón tay ấy, chạy qua người khiến bác chết tươi.

-Một thầy bắt Rắn đại tài. Không Rắn nào, kể cả Hồ Mây dữ tợn, mà thoát khỏi đôi tay tài nghệ của thầy. Thế rồi, một buổi sáng thức dậy, vừa xỏ chân vào đôi dép vẫn để dưới chân giường, thầy liền bị một con Rắn nhỏ bằng chiếc đũa đã nằm sẵn trong đó cắn. Tức thì đom trong người thầy kéo lên đầy họng, hàm cứng lại, bọt mép sùi ra, thầy tắt thở, không kịp trời trần gì cho vợ con.

-Chuyện khác, một nông dân kia chuyên nhậu thịt Rắn. Một chiều nọ, sau khi đã “lai rai ba sợi” với món Rắn nướng trui, Rắn hầm sả, anh ta chui vào “nóp” ngủ. Sáng hôm sau, người nhà phát hiện anh nằm chết cứng đờ; gần cổ anh ta có một cái đầu rắn. Nhiều người kinh nghiệm quả quyết một con Rắn Mối đã tha cái đầu Rắn độc ấy vào “nóp” để trả thù nông dân này đã giết họ hàng nhà Rắn của chúng.

-Cả làng hoảng sợ vì Rắn Hồ trả thù: Chuyện xảy ra ở thôn Xà Râu, xã Ba Nam, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi. Chiều ngày 17-04-2012, ông Phạm Văn Linh (55 tuổi) bất ngờ thấy một con Rắn Hồ bò thẳng vào nhà mình. Hai người con của ông là Phạm Văn Lương và Phạm Văn Mập đã dùng cây bắt được Rắn này, cân nặng 2,5 kg, đem bán được 3 triệu đồng. Thế rồi 3 ngày sau, một con Rắn Hồ to khác đến tấn công vào nhà ông Linh, nhưng nó cũng bị bắt và bán cho lái buôn. Hai ngày sau đó, con Rắn Hồ thứ ba dài gần 3 thước, rất hung dữ, phòng mang to hơn 2 gang tay, xông vào nhà nhưng lần này gia đình ông Linh hoảng sợ, kêu cứu. Thanh niên trong thôn lấy cây và gạch đá để đuổi Rắn.

Ngoài ra, ông Linh còn “thành khẩn khai báo” rằng chính ông đã thấy một ổ trứng Rắn Hồ gồm 48 trứng ở trong bụi tre gần nhà. Ông đã lấy hết về cho con cháu ăn. Nay thì cả gia đình ông Linh đều sợ hãi, không còn dám ra khỏi nhà vì thấy con Rắn Hồ thứ ba xông

vào nhà rõ ràng là để báo thù.

Khoảng một tuần lễ sau, con Rắn Hồ không lờ đi tấn công vào nhà chị Nguyễn Thị Liên, chủ tiệm tạp hóa, cạnh nhà ông Linh. Chị Liên kinh khiếp kêu la cầu cứu. Con Rắn bò đi nhưng đã trở lại hai lần nữa, xông vào nhà chị. Phải chăng nó đã đánh hơi được cửa tiệm của chị Liên là nơi các con ông Linh đã đem 2 con Rắn Hồ bắt được đến nhờ chị cân giùm để bán?

Nhận thấy có điềm chẳng lành, gia đình ông Linh và cả chị Liên cũng lập đàn cúng 2 con gà trắng, một con chó, 2 con heo và một con gà đen... để xin trừ giải điều xấu.

-Rắn Hồ Cạp Nia trả thù một bé trai: Ngày 21-08-2012, bé Phạm Tuấn Anh (11 tuổi) ở Ninh Bình đang cùng chơi đùa với mấy anh chị em thì bỗng thấy một con Rắn. Cả bọn xúm lại đập chết Rắn này. Tuấn Anh nghịch hơn cả, cầm xác Rắn lên rồi bóp miệng Rắn chơi, vô tình bị răng con Rắn cắn vào ngón trỏ tay phải.

Chỉ ít giờ sau, người nhà phát giác bé Tuấn Anh đang lịm dần, chỉ còn thở thoi thóp, không nói gì được nữa. Tuy được cấp cứu ở bệnh viện tân tiến Bạch Mai (Hà Nội) nhưng suốt một tuần lễ chữa trị, toàn thân bé Tuấn Anh vẫn co giật liên tục, nhiều lần có các dấu hiệu tim muốn ngừng đập cũng như ống khí quản bị tắc nghẽn.

Bác sĩ Trường Khoa Nhi Đồng Nguyễn Tiến Dũng cho biết đây là trường hợp rất nặng, lúc vào bệnh viện cơ hô hấp đã bị liệt do nhiễm độc của Rắn Cạp Nia, một trong những loài Rắn độc nhất hiện nay. Nạn nhân bị loài Rắn này cắn, nếu không được kịp thời cấp cứu thì nguy cơ tử vong lên tới 80%.

* Vụ Rắn trả thù lịch sử: Nguyễn Trãi (1380-1442) hiệu Úc Trai là khai quốc công thần và là văn thần đời Hậu Lê. Ông tham gia với vai trò mưu sĩ vào cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo chống quân Minh. Sau khi Lê Lợi lên ngôi, lấy hiệu là Lê Thái Tổ, Nguyễn Trãi lui về cuộc sống ẩn dật, mở trường dạy học ở làng Nhị Khê. Lúc đó ông vừa đúng 40 tuổi.

Tương truyền, một hôm tan lớp, Nguyễn Trãi bảo học trò: “Từ mai các con tạm nghỉ vài ngày, giúp thầy dọn dẹp khu đất hoang sau nhà”.

Đêm đó Nguyễn Trãi nằm mơ thấy một người đàn bà với vẻ mặt ủ rũ đến xin ông

hoãn lại ít hôm việc phát hoang khu vườn để bà thu xếp việc dọn nhà vì đàn con mọn nheo nhóc.

Sáng ra, khi ông còn bần khoản về giấc mơ đêm trước thì học trò đã đến từ lúc tinh sương và đã khởi sự việc khai phá mảnh đất um tùm cây cỏ. Họ kể với ông là khi dọn dẹp, họ đã đánh chết được một bầy Rắn con và chém đứt đuôi con Rắn mẹ. Lúc đó Nguyễn Trãi mới chợt hiểu ra ý nghĩa giấc mơ nhưng đã muộn.

Buổi tối, lúc Nguyễn Trãi đang ngồi đọc sách thì một con Rắn cực lớn bò trên xà nhà. Từ cái đuôi cụt của nó nhỏ xuống một giọt máu, trúng sách của Nguyễn Trãi, thấm qua 3 trang giấy.

Rồi sự việc cũng trôi vào dĩ vãng. Một hôm, cụ đồ họ Nguyễn thông thả dạo chơi nhân một phiên chợ. Chợt thấy một người con gái bán chiếu; tuy ăn mặc nghèo khổ nhưng mặt mũi xinh đẹp tựa trăng rằm, cử chỉ duyên dáng, lời ăn tiếng nói thanh thú, chứng tỏ người học thức. Ông đồ Nguyễn Trãi bèn ngỏ lời làm quen bằng cách xướng 4 câu thơ:

Hỏi nàng ở đâu, bán chiếu gon?
Chẳng hay chiếu hết hay vẫn còn?
Xuân xanh chừng độ bao nhiêu tuổi?
Đã có chồng chưa? Được mấy con?

Cô gái liền đọc bài thơ họa:

Tôi ở Tây Hồ, bán chiếu gon,
Có chi ông hỏi hết hay còn?
Xuân xanh mới độ trăng tròn lẻ,
Chồng còn chưa có, hỏi chi con?

Nguyễn Trãi tấm tắc khen, bèn hỏi tên thật. Cô gái bán chiếu khai là Nguyễn Thị Lộ. Ông liền uớng lời: “Ta đang cần một người hầu bút nghiên, chẳng hay nàng có muốn bỏ nghề bán chiếu, về ở giúp ta chăng?”. Cô gái gật đầu. Từ đó, Thị Lộ không chỉ là một người bạn văn chương mà còn trở thành người nâng khăn sửa túi cho Nguyễn Trãi.

Tới một hôm, vua Lê Thái Tôn nhân chuyến đi “xem dân cho biết sự tình” ở thành Chí Linh, Hải Dương, bèn ngỏ ý ghé thăm Nguyễn Trãi, cụ đại thần nhà Lê. Đêm đó, Nguyễn Trãi đề Thị Lộ hầu hạ vua. Nào ngờ, sáng hôm sau, vua Lê Thái Tôn khi đó mới tròn 20, đột ngột băng hà. Triều đình quy cho

Thị Lộ tội giết vua. Toàn thể gia đình Nguyễn Trãi vì vậy bị triều đình kết án tru di tam tộc.

Nhân một lần Thị Lộ bị đóng cũi để giải về kinh đô. Khi đến một vệ sông, lính khiêng hạ cũi nghỉ mệt và lấy một chiếc chiếu che lên cho bớt nắng. Lúc sau định tiếp tục lên đường, lính canh kiểm tra lại, nhưng vừa giờ chiếc chiếu lên thì họ không thấy tù nhân đâu, chỉ thấy một con rắn lớn bò ra khỏi cũi mà trườn xuống sông biến mất.

Thời đó bèn có lời giải thích: Thị Lộ chính là con Rắn mẹ đã biến hình để trả thù vụ học trò của Nguyễn Trãi đã giết bầy con của nó. Giọt máu của Rắn rơi từ xà nhà xuống thấm 3 trang sách ngấm chỉ bản án “tru di tam tộc” dành cho toàn thể gia đình Nguyễn Trãi trong vụ án Lê Chi Viên (vườn vải). Năm 1464, vua Lê Thánh Tông đã xuống chiếu giải oan cho Nguyễn Trãi.

Người cắn Rắn để trả thù

Rắn trả thù người? Chuyện nhỏ! Người đánh Rắn, ăn thịt Rắn? Thường! Nhưng người trả thù Rắn bằng cách cắn Rắn đến chết thì chưa bao giờ diễn ra trong lịch sử nhân loại. Vậy mà sự kiện tưởng như bất khả có nổi ấy mới xảy ra đây, tuy không ở Việt Nam nhưng tại một đất nước cũng thuộc Đông Nam Á: Nepal - nơi có ngọn núi cao nhất thế giới: Everest, 8.885 mét.

Thứ Năm, 23-08-2012, nhật báo Annapurna viết: Mohamed Salmo Miya, 55 tuổi, một nông dân cư ngụ ở một ngôi làng cách Katmandu, thủ đô Nepal, khoảng 200 cây số. Ông này đã bị một con rắn Hồ Mang hay rắn Hồ đeo kính (Cobra) - tiếng Nepal gọi là “goman” - cắn khi đang sự đang gặt lúa. Ông ta bèn trả thù bằng cách cắn lại con Rắn cực độc này cho tới khi nó chết.

Ông Miya kể: “Tôi có thể giết nó bằng một cây gậy chứ, nhưng tôi cáu quá nên tôi đã phải lấy răng mà cắn nó lại cho đến khi nó chết mới... hả giận”.

Cảnh sát viên Niraj Shahi cho biết ông già 55 tuổi này đã được chữa trị vết Rắn cắn ở một trạm y tế và nay không còn bị nguy cơ đến tính mạng nữa. Ông Shahi bảo đảm rằng Mohamed Salmo Miya sẽ không bị trừng phạt về pháp lý về tội giết Rắn, bởi vì Rắn này không nằm trong danh sách loại động vật bị đe dọa tuyệt chủng ở Nepal.

Mượn Rắn để trả thù

Chim Bìm Bịp bắt Rắn Hồ bỏ vào tổ:

Theo kinh nghiệm dân gian, chim Bìm Bịp ngâm rượu thuốc trị được các chứng bệnh về gân cốt. Nam giới lớn tuổi uống vào thành “ông già gân” là nhờ thế đấy. Muốn săn Bìm Bịp, người ta thường tìm đến tận tổ của chúng và nhất là phải đúng mùa có chim con. Thế nhưng người ta không vội bắt chúng liền mà chỉ... bẻ giò các chim con này - (Ác thật!) - để chim mẹ tha “thuốc” về chữa cho con mà theo dân gian, thuốc này mới đúng là thần dược nên Bìm Bịp con ngâm rượu mới có giá trị. Thế nhưng, vài ba lần thấy con bị gãy chân như vậy, Bìm Bịp mẹ sẽ tìm Rắn Hồ Đất tha về bỏ vào tổ. Lại một điều là trong các trường hợp này Rắn Hồ Đất lại không ăn chim con. Tuy vậy, con người thò tay vào bắt chim con, sẽ bị Rắn Hồ cắn chết ngay!

Tổ ong Vò Vẽ có rắn Hồ: Vò Vẽ là loài ong có nọc độc cực mạnh. Dân gian cho rằng sở dĩ vậy là bởi trong tổ ong Vò Vẽ thường có Rắn Hồ “sống chung hòa bình”. Dường như vì lý do “có đi có lại mới toại lòng nhau” mà nọc ong Vò Vẽ cực độc, đó là do rắn Hồ truyền cho. Người đi lấy tổ ong Vò Vẽ thường “lãnh đủ” những cú chích của loài ong này. Nạn nhân không những sưng vù mình mẩy, mờ mắt mà còn rất có thể tử vong.

Rắn diễn tả tình cảm con người và trò chơi nhĩ đồng

* *Rắn và ái tình:* Câu “Rắn và tình cảm con người”, nghe sao vừa mâu thuẫn lẫn mỉa mai. Chẳng cần phải nhìn thấy, chỉ mới nghĩ tới Rắn thôi, hầu hết ai cũng đã “nổi da gà” thì thử hỏi, làm gì có chuyện người dùng Rắn để biểu lộ thứ tình cảm yêu đương của mình? Vậy mà trong thực tế, cổ nhân đã “làm” được sự thách đố vừa kể, thế mới... tài! Một số câu ca dao đã chứng minh được thành tích ấy qua 3 giai đoạn thông thường của con-đường-ái-tình: Gặp gỡ - nhớ thương - nên duyên hoặc “anh đi đường anh, tôi đi đường tôi”.

Này nhé, từ sau cái buổi gặp gỡ “ban đầu lưu luyến ấy”, đặc biệt là người con gái khi về nhà đã tự hỏi lòng “trăm năm biết có duyên gì hay không” - hay thực tế hơn, nàng trần trố về những rung động thầm kín của

minh đã đành, còn băn khoăn cả về những cảm nghĩ của “người ấy”, bèn than thở:

*Rắn có chân rắn biết,
Ngọc ẩn đá ngọc hay.
Anh cùng em mới gặp nhau đây,
Biết thời biết mặt, nào hay trong lòng?*

Nàng dâu ngò, “người ta” cũng “trong lòng bồi rối, băn khoăn; chân đi thất thểu com ăn ít nhiều” như vậy. Trong câu thơ thứ 3 trong bài ca dao trên đây, chỉ cần đổi chữ “anh” ra “em” và ngược lại, ắt hiểu ngay.

Rồi thì tương tư, nhớ thương đến độ “nhất nhật bất kiến như tam thu hề”, một ngày không thấy nhau thì dài như thể 3 mùa thu vậy. Rắn cũng được mời làm “nhân chứng” cho những “đêm nhớ ngày mong” này của những kẻ đã “phải lòng” nhau:

*Con quạ đen, con cò trắng;
Con ếch ngẩn, con Rắn dài...
Em trông anh, trông mãi, trông hoài,
Trông cho thấy mặt thấy mày mới yên.*

Trong tất cả trường hợp này, phía nữ thường bị thiệt thòi hơn nên cũng chủ động hơn. Chẳng thế ca dao, tục ngữ cũng phần nhiều là những lời than thở của người con gái.

Đúng vậy, từ “nhớ” đến “nghe” thiết tưởng chỉ “đường tơ kẽ tóc”; hệ lụy đại khái là những câu hỏi: “Phải chăng người ta đã xa mặt cách lòng?” - hay: “Người ta đã phản bội, có đăng thì bỏ đó, thấy trắng thì quên đen?” Trong câu ca dao dưới đây, “Rắn mới” và “chuột chù” là hình ảnh biểu tượng cho sự “thay lòng đổi dạ” của người trong cuộc:

*Con chi rọt rẹt sau hè,
Hay là Rắn Mới tới ve chuột chù?*

Rồi giận hờn, trách móc. Điền hình cho tâm trạng này được diễn tả dựa trên lối “chơi chữ” trong câu ca dao sau này với cách dùng từ đồng nghĩa tuyệt vời của những từ Hán Việt và Nôm: “Hổ đất” với “thực địa”, “ngựa trời” với “chỉ thiên”:

*Con Rắn Hổ Đất nằm trên cây thực địa,
Con ngựa trời ăn cỏ chỉ thiên.
Trách anh bạn tình gian dối đảo điên
Gạt em xuống chốn huỳnh tuyến bỏ em!*

Sự hờn trách thật sự không khác gì một lời nguyên rủa: “Huỳnh tuyến” có nghĩa là “suối vàng”, biểu trưng cái chết. Theo đó, “anh gian dối gạt em khiến em uất ức mà chết”, hoặc “anh đảo điên gạt em cho tới khi em nhắm mắt lìa đời”. Thật chua xót mà cũng thật nặng nề, ai oán!

Nhưng nếu cuộc tình đi đến đoạn chót gọi là “happy ending” thì sự có mặt của Rắn lại càng biểu tượng mạnh mẽ cho hạnh phúc cho một cuộc sống lứa đôi lý tưởng bất chấp những khó khăn:

*Đôi ta như Rắn liu điu,
Nước chảy mặc nước, ta diu lấy nhau!*

Hình ảnh tuyệt đẹp!

* *Rắn trong trò chơi nhi đồng*: Dường như trẻ con Việt Nam ở bất cứ miền nào, vùng nào cũng biết chơi trò “Rồng Rắn lên mây”. Thường thường sau bữa cơm tối, nhất là vào những đêm có trăng, trẻ con hay tụ lại trên một khoảng sân rộng trong xóm hay ngoài đình làng. Một đứa trẻ thường là đứa lớn, khỏe và nhanh hơn cả trong đám đóng vai “thầy thuốc”, còn lại đứng sắp hàng - người sau đặt tay lên vai kẻ trước - kết thành hình con “Rồng Rắn”.

Rồng Rắn mở đầu bằng câu hát:
“Rồng Rắn lên mây, có cây lúc lắc. Thầy thuốc có nhà không?” - *Thầy thuốc hỏi:*
“Rồng Rắn đi đâu?” - *Rồng Rắn thưa:* “Lấy thuốc cho con!”

Thầy thuốc: “Con lên mấy?” - *Rồng Rắn:* “Con lên một” - *Thầy thuốc:* “Thuốc chẳng ngon” - *Rồng Rắn:* “Con lên hai” - *Thầy thuốc:* “Thuốc chẳng ngon”.... (tiếp tục cho tới cuối cùng) *Rồng Rắn:* “con lên mười” - *Thầy thuốc:* “Thuốc ngon vậy. Ta xin khúc đầu” - *Rồng Rắn:* “Những xương những xẩu” - *Thầy thuốc:* “Xin khúc giữa” - *Rồng Rắn:* “Những máu những me” - *Thầy thuốc:* “Xin khúc đuôi” - *Rồng Rắn:* “Tha hồ thầy đuổi!”

“Thầy thuốc” liền đuổi bắt người đứng sau cùng. Trong khi đó, người đứng đầu “Rồng Rắn” phải dang hai tay để ngăn cản “thầy thuốc”, còn “thân mình Rồng Rắn” phải bám chắc vào nhau, di chuyển đều đều giống như thân hình Rắn uốn khúc nhưng không để bị “đứt” ra. Trò chơi chấm dứt khi “thầy thuốc” bắt được “khúc đuôi”, tức người đứng sau cùng.

Bắt Rắn

Nhìn trên phim ảnh, thấy người Ấn Độ bắt loại Rắn “Cobra” sao mà “ngon com” thế. Một tay cầm cái chĩa hai ngạnh để chặn và kẹp đầu con Rắn, còn tay kia nắm đuôi nó, thế là chỉ còn việc nhét Rắn vào cái giỏ đeo lưng lẳng bên hông hoặc cái lồng to xách

theo.

Thế nhưng, “thấy vậy không phải vậy” đâu nhé. Đạt tới mức độ dễ dàng như vậy, người ta đã phải trải qua nhiều giai đoạn thực tập, kể cả một vài lần bị Rắn mổ.

Một điều “chắc như bấp hột” là người bắt Rắn chuyên nghề thường có giác quan rất bén nhạy, chẳng những biết được nơi Rắn ở mà còn rõ tính tình và cả “đường đi nước bước” của từng loại. Đương nhiên ở lãnh vực nào cũng vậy, dân bắt Rắn dù tài ba cỡ nào cũng vẫn xảy ra trường hợp “sinh nghề tử nghiệp”. Thôi thì ta cứ gọi đó là... cái số.

Ở Việt Nam, nghề bắt Rắn đòi hỏi nhiều công phu và dường như mỗi địa phương lại có phương pháp riêng; tuy nhiên đại khái thì vẫn như thế này:

Đào hang: Đây là cách đơn giản nhất nhưng cũng chắc ăn nhất. Tuy nhiên người đi bắt Rắn cần phải quan sát hang nào có Rắn, hang nào Rắn đã bỏ đi. Đường vào hang mà không phẳng phiu hay cửa hang có màng nhện giăng thì kể như “nhà vô chủ”. Ngược lại, miệng hang mà nhả thín, bóng láng thì đúng là vì Rắn thường bò ra, vào. Khi đào hang, dân chuyên nghiệp vẫn tìm cách “bảo vệ” Rắn, không để nó bị “sút mẻ” gì cả. Những kẻ “yếu” tay nghề thường dùng chĩa hai ngạnh để “xom” Rắn nên thường gây cho Rắn bị thương. Mà Rắn đã không còn nguyên vẹn thì bán ai mua, chỉ còn nước... làm thịt nhậu một mình mà thôi.

Dùng chó: Người bắt Rắn có thể giắt chó theo, nhất là chó nào giỏi săn mồi. Thế nhưng không phải lúc nào cũng hoàn toàn tin tưởng loài khuyển. Chó giỏi “bắt nạt” các loài khác như chuột thành ra đứng trước miệng hang nào mà “chú cây tơ” cứ sủa ăng lên, trong khi hai chân trước liên tục cào đất thì quả hang đó đang do chuột “trụ trì”, nhưng đứng trước hang nào mà chó vừa ngửi, vừa sủa với bộ mặt sợ hãi đồng thời cứ như muốn “đào tẩu” thì chắc chắn trong hang đang có Rắn ngự trị. Lý do: Chó rất sợ và đại kỵ Rắn Hổ!

Dùng hom: Vật đan bằng tre, ở giữa phình ra, hai đầu nhỏ để cá chui vào mà không ra được. Có địa phương gọi hom là lộp. Đặt hom/lộp này trước miệng hang Rắn; bên trong thả vài con chuột làm mồi nhử. Rắn “thơ thối hân hoan” bò vào hom/lộp để xoi chuột, đến khi tỉnh ra thì hỡi ôi, vô phương.

Ngoài ra có một số trường hợp lẻ tẻ không đáng kể, ấy là những khi Rắn dính câu cá vì mê ăn mồi (như nhái) mắc ở lưỡi câu hoặc cá đã mắc lưỡi câu mà người câu chưa kịp giật lên hay Rắn sa lưới khi người ta giăng cá.

Sau nữa, không thiếu những lời đồn về các thầy bùa, thầy ngải; miệng đọc thần chú, tay xát củ hay lá ngải để gọi Rắn trong hang bò ra ngoan ngoãn “nạp mạng”. Thầy chỉ việc thộp cổ Rắn mà bỏ vào giỏ, êm ru còn hơn hành nghề trong mơ.

Đánh Rắn và khi bị Rắn cắn

Đã nói đến nghệ thuật bắt Rắn thì cũng phải nhắc đến phương pháp đánh Rắn, tuy nhiên không phải lúc nào “phe ta cũng thắng, phe địch thua” nhưng dĩ nhiên có khi ngược lại; ấy là trường hợp ta bị Rắn cắn. Vậy phải làm gì? Cần biết để tránh bị mất mạng oan uổng:

Đánh Rắn: Cổ nhân dạy trong tục ngữ: “Đánh Rắn phải đánh đằng đầu”. Không sai nhưng trong thực tế dễ bị “trục trặc kỹ thuật”. Lý do? Khó trúng lắm, bởi vì “mục tiêu” ấy luôn luôn di động lại nhỏ bé - mà đập trượt thì rất nguy hiểm. Cách hay hơn cả là nếu gặp Rắn Hổ thì ta cứ phang gậy ở ngang tầm cổ địch thủ (nó đang phùng mang, khè nọc) - nếu gặp bất cứ loại Rắn nào khác, cứ “vô tư” mà đập thật mạnh vào xương sống (lưng) nó. Rắn bị gãy xương sống, ất mất hơn 80% khả năng nguy hiểm, hết bò được nữa, khi đó ta sẽ dễ dàng không chế hoặc kết thúc đời nó.

Bị Rắn cắn: Lập tức, buộc (cột) chặt dây ở bên trên vết Rắn cắn để chặn nọc. Dân gian xưa vẫn tin dị đoan là không bao giờ để người bị Rắn cắn chui qua cầu, hút thuốc (lào hay thuốc lá) nhất là không để bà bầu (phụ nữ mang thai) đến thăm nạn nhân.

Ngày nay thì đã có bác sĩ, bệnh viện nhưng thưở xưa và giới bình dân, người ta chữa Rắn cắn bằng các loại lá bí truyền, chẳng hạn nhai nhuyễn cỏ màng trâu hay rau răm rồi nhỏ vào miệng nạn nhân, sau đó lấy bã lá vừa nhai đắp lên chỗ Rắn cắn. Nhiều nhà văn trồng sẵn cây “nọc rắn” (còn gọi là “lưỡi rắn”). Gặp người bị Rắn cắn, cứ giã nhỏ một nắm lá “nọc rắn” cho uống; bã đắp trên vết cắn. Dân gian tin là hiệu năng rất cao.

Làm thịt Rắn

Muốn ăn thịt một động vật nào thì trước hết phải làm... thịt nó (không kể thời ăn lông ở lỗ). Làm Rắn cũng đòi hỏi “tay nghề” cao; bằng không, của đồ xuống sông! Thường có hai cách thông dụng:

Hơ nóng: Gần như “thui” nhưng không cho hắt Rắn vào lửa hay than, chỉ hơ bên trên cho lớp vẩy tróc ra. Đừng kỹ quá, chớ để lâu kéo thịt Rắn chín, mất ngon.

Nhúng nước sôi: Cho Rắn vào nồi nước đang sôi để dễ cạo vẩy, nhưng cũng đừng để Rắn “nằm” lâu trong đó. “Nhúng” thôi, tức là chìm xuống nước sôi rồi nhấc lên ngay.

Cạo vẩy xong, rửa sạch rồi mổ bụng. Mật phải được ưu tiên lấy ra trước và phải được bảo vệ tối đa. Mổ Rắn mà làm bể mật thì không những bị đánh giá chưa phải là “cao thủ” mà còn để uổng mất “báu vật”. Mật Rắn rất quý, ngâm rượu thành “thần dược”, “bồ ngang bồ độc” đến độ ai đại đột nuốt trọn một mật Rắn, e toi mạng ngay.

Các thứ đồ lòng khác của Rắn như gan (rất bùi), mỡ (ngon và béo ngậy), trứng (nếu có, ngon hơn trứng gà) cũng là những thứ gây khoái khẩu. Tuy nhiên, một điều nên nhớ “như đinh đóng cột” kéo gây hậu họa: Khi mổ Rắn xong, phải lập tức tìm cách tiêu hủy đầu Rắn - bởi nọc độc của nó vẫn còn - bằng cách chôn thật sâu xuống lòng đất hoặc bỏ vào lửa đốt đi. Ngoài ra, sau khi thưởng thức thịt Rắn, cũng đừng bao giờ quên chôn sâu xương của Rắn, tránh cho người khác vô ý đạp phải, chân sẽ bị làm độc, gọi là “sâu quảng”, nhức nhối vô cùng, thông thường phải cưa chân.

Khi làm thịt Rắn Hồ, dân nhà nghề không thể không biết điều tối quan trọng sau đây, bằng không “chết không kịp ngáp”. Ấy là không bao giờ dùng thớt làm bằng gỗ me để chặt, xắt, băm thịt Rắn Hồ. Hai thứ này “đại kỵ” lẫn nhau!

Và điều “đại kỵ” khác nữa giữa cháo Rắn và bồ hóng (những sợi giống mạng nhện nhưng màu đen do khói bếp bám vào). Nếu bồ hóng rơi vào nồi cháo Rắn, người vô ý ăn vào, bảo đảm sẽ... bất đắc kỳ tử!

Các món ăn thịt Rắn

Thịt bò, cá lóc, lẩu dê.

Không bằng thịt Rắn, nhậu mê hơn

nhieu.

Câu ca dao trên đủ để... vinh danh thịt Rắn. Thịt Rắn càng ngày lại càng được chế biến thành nhiều món, phổ thông như Rắn nướng trui, Rắn hầm sả, Rắn xào thập cẩm, Rắn nấu lẩu, Rắn nấu cháo... Đặc biệt sách “Thoái Thực Ký Văn” của Trương Quốc Dụng có viết: “Tục Nam Kỳ lấy Rắn Hồ Mang làm món ăn quý, thường dùng đi lễ quan trên và đãi khách trọng. Lấy máu Rắn hòa với rượu uống bảo là trị phong thấp. Bỏ đầu và đuôi 5 tấc (20 phân) cho là độc ở đây. Có nhà nuôi Rắn ấy dùng ống tre vài lóng; một đầu để máu; đầu kia để trống bỏ Rắn vào, bịt lại. Đẳng mắt tre xuyên một lỗ nhỏ, giã hành thật nhuyễn tẩm que tre để vào lỗ. Rắn sợ hành co mình lại; một tuần sau thay que khác cũng tẩm hành đẩy vào thêm, Rắn càng co mãi, lâu dần ngắn bằng con chạch, vẩy trắng ra, rất béo ngon.

Món “Long Hồ Hội”: Một con Rắn Hồ Mang (Rắn Cạp Nong càng quý) và một con mèo đen (đen tuyền) nấu với chân giò heo, thêm vài vị thuốc Bắc: Vô cùng bổ!”

Nói về cách ngâm rượu Rắn Hồ, nhiều nơi người ta thả cả con Rắn còn sống vào keo (cái bình thủy tinh) rồi đổ rượu trắng (đế) thật nặng độ vào cho ngập mình Rắn. Rắn sẽ nhả nọc độc rồi chết. Khoảng 3 tháng sau, Rượu này đã đủ sức cảm dỗ cả dân nhậu lẫn dân bệnh mặc dù mùi vị Rượu nháp vào thấy tanh. Dân nhậu thì “ngất ngư con tàu đi” sớm sủa, còn dân bệnh lại có cảm giác bao nhiêu con nhúc nhúi ở đầu gối, khớp xương dường như đã “không cánh mà bay”. Trong khi đó thậm lại hết suy, khí hết nhược, bao tử hết hư...

Nhiều nơi khác, người ta làm sạch rồi nướng vàng các loại Rắn trước khi cho vào ngâm chung trong keo rượu. Gọi là “Tam Xà Tửu” tức là loại rượu ngâm 3 loại Rắn khác nhau như Hồ Đất, Rắn Ráo, Rắn Cạp Nong (Mái Gầm có khoang vàng và đen). Nếu cộng thêm rắn Lục và Cạp Nia (cũng là Mái Gầm nhưng có khoang đen và trắng) thì gọi là “Ngũ Xà Tửu”. Nghe đồn, lai rai ba sợi với các loại rượu ngâm Rắn này cũng đủ... quên chết!

Ở Việt Nam hiện nay, giới đại gia, giới “tư bản đồ” và dĩ nhiên cả giới tham nhũng ngày ngày vẫn “thi đua” thực thi những thú ăn uống... man rợ. Một trong

những món ăn đó là Rắn Lục Xà Vương. Mà phải những Rắn đang có thai tới lúc gần sinh để họ nuốt sống các thai Rắn - gọi là “hà nạm” (bào thai) - này. Họ tin là ăn vào sẽ được cường dương, bổ âm và kích dục.

Thêm vào đó là món Máu Rắn và Mật Rắn - mà phải là loài Mãng Xà vốn được mệnh danh là “Tổ Sư của các loài Rắn độc” - sau đó mới tới Hồ Mang, Hồ Mây, Hồ Đất, Máu Găm...

Nhiều người tin rằng Mật Rắn Mãng Xà có khả năng chữa bách bệnh, kể cả ung thư, sida. Riêng giới ăn chơi thì càng tin bạo là sau khi uống máu Rắn, nuốt bồi thêm một mật Rắn; thì nam cường dương, nữ động dâm; “đôi ta” cùng bổ thận, kích dục, sung mãn vô địch; bảo đảm “ta” đã “toàn thắng” mà vẫn đòi “xông lên”, còn “địch” (kể cả đồng tính) thì mặc nhiên phải liên tục “khóc thét lên”, bằng không cũng phải “tử chết đến bị thương”!

Dĩ nhiên các món thức ăn Rắn “tân thời”, các thứ “thần dược” trên đây rất đắt nhưng đối với giới “tiền rừng bạc bể” ở Việt Nam thì chẳng nhằm nhò gì. Ngược lại, cũng vì kiếm được giá cao mà ở nhiều nơi, đặc biệt vùng Nghệ An, Thất Sơn, An Giang, U Minh... dân quê rù nhau bỏ hết nghề nghiệp cổ truyền, công việc thường ngày mà đồ xô đi săn Rắn, bắt kể ngày đêm, nhất là “coi cái chết tựa như lông hồng” vì nguy cơ bị Rắn độc cắn.

Điềm đáng nói khác nữa là với những “con sót Mật Rắn” và niềm tin sắt đá vào thần dược Rắn như hiện nay, thiết tưởng chẳng bao lâu nữa Rắn Hồ sẽ bị tuyệt chủng thê thảm.

Các điềm chỉ của Rắn

Ngoài điềm “đánh Rắn mồng 5” như đã nhắc đến ở trên, cổ nhân Việt Nam còn tin hiện tượng “ruồi sa Rắn đón”, nghĩa là đang ăn mà có ruồi sa (rơi xuống) vào bát cơm (hay canh hoặc phở, mì gói...) thì chó nhân danh “vệ sinh” mà đồ đi nhé, đó là điềm sắp có bóng (lộc) đầy. Đi đâu mà gặp Rắn chạy ngang trước mặt là điềm tốt. Cứ việc “đường ta, ta cứ đi”!

Tục ngữ còn có câu: “Thứ nhất ruồi sa, thứ nhì Xà chấn”: Nếu Rắn thay vì chạy ngang trước mặt, lại đi ngược chiều của ta, đó là điều rất xấu; còn Rắn đi cùng một chiều với ta thì... bình thường, “một ngày như mọi

ngày”.

Kỵ huyết gió (chạm môi lại mà thổi cho ra tiếng) - người Bắc gọi là “thổi sáo” - vào ban đêm, bởi vì loài Rắn Lục cũng có tài “huyết gió” bẩm sinh nên khi nghe tiếng “huyết gió” của người ta, chúng lại tưởng “đồng loại” gọi, bèn tìm đến đòi “kết nghĩa vườn Đào”. Mà Rắn Lục rất nguy hiểm, có nọc độc cực mạnh.

Một điều mà khoa học không thể cắt nghĩa nhưng không thể nói là dị đoan. Đó là trường hợp Rắn Hồ mà gặp bà bầu (phụ nữ mang thai), tự nhiên Rắn không thể bò đi được nữa, cứ nằm im “chịu trận” để rồi khi bà bầu này biến dạng một lúc lâu rồi Rắn mới động đậy lại được, hoặc nằm chờ bị người khác “hốt” về... mần thịt. Tuy nhiên ngược lại, nếu bà bầu không biết mà đi ngay miệng Rắn, bị nó “táp” thì thuốc thánh, thần y cũng không thể cứu mạng nổi.

Nhân kể những điềm chỉ của Rắn, thiết nghĩ chẳng thể không quan tâm đến hai hiện tượng về Rắn dưới đây mà tuyệt đại đa số dân chúng tin là linh xà:

-Rắn 5 đầu ở Ấn Độ: Được biết, Rắn này đã được phát hiện vào ngày 15-08-2012, ở ngôi đền Kukke Subramanya, làng Subramanya thuộc tỉnh Karnataka. Đền này vốn là một địa điểm hành hương của tín đồ Phật Giáo nổi tiếng ở Ấn Độ. Rắn có thân mình màu xanh lá cây, dài khoảng hơn 3 thước; cả 5 cái đầu đều là của loại Rắn Hồ Mang (cobra). Chân dung Rắn 5 đầu này đã được phổ biến rộng rãi trên các mạng điện tử thông tin xã hội. Đố ai nhìn hình mà không rùng mình... 5 cú liên! Câu hỏi là con Rắn lạ kỳ này được... Trời giao cho công tác nhần nhủ dân gian về những gì trước khi năm Tỵ bắt đầu từ ngày 10-02-2013 Dương Lịch?

Rắn 5 đầu hiện “nằm thiền” trong một cái lồng sơn son thếp vàng và do các tu sĩ Phật Giáo trụ trì ở đền này chăm sóc. Hàng ngày nhiều khách thập phương, hành hương cũng có mà tò mò càng nhiều hơn tuôn đến đền Kukke Subramanya để chiêm ngưỡng dung nhan Rắn 5 đầu. Không ít người lo lắng Rắn này mang một “thông điệp” chẳng lành đến cho dân gian nên đã không quản ngại cầu khẩn cùng “ngài”.

-Bà Thần Rắn xuất hiện ở Việt Nam: Ngày 08-09-2012, một con rắn Hồ đen sì, dài hơn 4 mét, hai đuôi; đầu có hình chữ thập

màu vàng và mào đỏ chót, không biết từ đâu bỗng dung tìm đến tư gia ông Đinh Văn Hùng ở xã Tông Lạnh, Thuận Châu, Sơn La, rồi “đóng đô” luôn trong nhà này. Hoảng hốt trước sự “viếng thăm” lạ lùng, gia chủ bèn lập miếu cho rắn ở và ngày ngày phụng thờ hết sức tôn nghiêm, thành kính.

Tin này được đồn thổi khiến hàng ngàn người từ nhiều nơi xa xôi tìm đến Tông Lạnh mong được “diện kiến bà Chúa Rắn” để xi xụp hương khói “mong bà phù hộ”. Có người đến kính viếng rồi ra đi, có người trải chiếu trước miếu nhỏ, cương quyết ở lại với hy vọng sẽ được “bà Chúa Rắn” ban phúc lành hay thực hiện lời họ cầu khẩn; lại có người thờ cả mặt vào trong cửa miếu, hét toáng: “Bà Chúa Rắn ơi! Bà quàng vào cổ con đây này! Con nguyện hầu hạ bà suốt đời...” Người nào cũng bảo đây là rắn thiêng, “rắn thần” nên chẳng ai dám dùng bạo lực để xua đuổi, đánh đập. Trong khi khó “rắn thần” vẫn nằm khoanh thành 7 vòng, im lìm một chỗ trong miếu. Riêng ông Hùng, một người chuyên buôn bán, tin rằng đây có thể là một điềm lành.

Mơ thấy Rắn

“Người làm sao chiêm bao làm vậy”. Giác mơ không chỉ phản ánh bản chất của một người mà còn cho thấy các khía cạnh sâu thẳm trong đời sống tâm linh và đời sống thực tế của người ấy. Hơn thế nữa, giấc mơ còn là điềm báo trước một “sự cố” quan trọng nào đó. Riêng về Rắn, loài bò sát ghê gớm cũng mang nhiều ý nghĩa những khi xuất hiện trong giấc chiêm bao của con người. Bác sĩ người Ý Conrad de Gessner (1516-1565) một đêm mơ thấy mình bị một con rắn độc cắn vào đùi. Sáng dậy, chỗ (mơ) bị rắn cắn tự nhiên mọc sưng một mụn nhọt lớn, gây nhức nhối vô tả khiến 5 ngày sau thì ông qua đời.

Theo lời đoán mộng của dân gian thì việc mơ thấy Rắn, tùy mỗi trường hợp mà có ý nghĩa khác nhau:

-Thấy hình dạng Rắn dữ dội hoặc bị Rắn đuổi: Có kẻ thù nguy hiểm. Mà nếu đạp được lên mình Rắn hoặc giết được Rắn ấy tức là tránh được hay thắng được kẻ thù.

-Bị Rắn cắn hoặc Trăn quấn: Không tránh khỏi mưu mô ám hại của kẻ thù hoặc bị kẻ thù lấn át kịch liệt.

-Thấy Rắn nằm trong một ổ chim, tổ chuột, hang ếch: Bị đồng nghiệp hay bạn bè phản bội một cách thâm độc và hèn nhát.

-Gặp Rắn trong rừng: Kẻ thù là người xa lạ. Nhưng nếu Rắn ẩn mình ở một nơi kín đáo như túi áo, chăn nệm, ngăn kéo, lò sưởi thì kẻ mưu phản và cố tình làm hại lại là người thân trong nhà.

Ngược lại với các trường hợp trên, nếu mơ thấy Rắn có vẻ hiền lành: “Tài lộc gia tăng, trúng xổ số hoặc được của tự nhiên” - thấy Rắn mà vẫn tỉnh bơ: “Vượt qua dễ dàng các trở ngại” - thấy Rắn cắn lẫn nhau hay với một giống vật khác: “Được thế lực che chở hay quý nhân hộ phù” - Ăn thịt Rắn đã khâu: “Phát tài, ăn nên làm ra”...

Những người cảm tính con Rắn

Trong 12 con giáp, Rắn vẫn được “đánh giá” là tượng trưng của 3 báu vật: Trí tuệ - vận khí - thanh danh và tài phú. Bởi thế người sinh năm Ty thường thông minh, giàu năng lực và thành đạt.

Vì Rắn đại diện cho “âm hòa” nên người tuổi Ty có tài trí cạnh tranh kịch liệt, biết bố trí công việc một cách khoa học. Tuy bề ngoài có vẻ thâm trầm, lạnh lùng nhưng thật ra người cảm tính Rắn lại rất giàu tình cảm, đối xử với người chung quanh bằng thù tình cảm ân cần nhất. Ngược lại, cũng bởi rất giỏi nắm bắt tâm lý của kẻ khác mà người sinh năm Ty được nhiều người khác trọng nể.

Các phương diện kể trên đều vừa có ưu điểm lẫn nhược điểm. Vì biết vận dụng trí tuệ mà không ít người cảm tính Rắn vẫn “công thành danh toại” trong cuộc sống, giúp ích người, mang lợi cho đời, nhưng nếu họ đem khối óc ấy để làm những việc xấu thì tai hại vô cùng. Mặt khác nữa vì quá linh hoạt trong việc xã giao mà người cảm tính Rắn dễ bị ngộ nhận là màu mè, “nặng phần trình diễn” hoặc giao hoạt.

Người nam tuổi Ty: Nói chung, họ là những người có sức sống mãnh liệt, nuôi nhiều tham vọng, có óc tiến thủ. Nam giới tuổi Rắn vì thế thích theo đuổi các ngành nghề lao động trí óc. Mặt khác do giàu năng lực mà người nam tuổi Ty mê quyền hành, thích địa vị thành thử đôi phen có thể làm bất cứ gì, chẳng hạn tuy không đến nỗi “đội trên” nhưng sẵn sàng “đạp dưới” miễn sao đạt

được mục đích mong muốn.

Người nữ cầm tinh Rắn: Thường là những “mỹ nhân tuổi Ty” với ngoại diện tự nhiên xinh xắn, duyên dáng nhưng lắm khi lại “nhân tạo” bằng lối trang điểm, ăn diện quá lộ thành ra lòe loẹt. Thích lăng mạn đồng thời lại ưa sự phù hoa nên nữ giới cầm tinh Rắn rất “chịu” nghe những lời khen nịnh. Tổng quát thì nữ giới tuổi Ty vẫn là những nhân tài trong lãnh vực giao tiếp, rất linh hoạt trong các buổi tiệc tùng. Họ có sức thu hút thần bí, khiến “đối phương” giống như con chuột bị kẹp giữa răng Rắn. Vì đặc tính này mà phụ nữ tuổi Rắn phần đông thích nhàn hạ, sung sướng thay vì chăm lo việc nhà, con cái. Về tình duyên, gia cảnh thì chính người nữ tuổi Ty quyết định chứ không hẳn người phối ngẫu.

Tóm lại, nam hay nữ tuổi Ty thì có diện mạo nghiêm trang nhưng nội tâm lại đa cảm và họ có sức quyến rũ. Người cầm tinh Rắn không thích “đồng con nhiều cháu”; họ càng thành công rực rỡ vào lúc lớn tuổi - đặc biệt tuổi tác không làm cho họ mất đi sự vui vẻ yêu đời của thời thanh xuân.

“Tam hợp” của tuổi Ty là Dậu (gà) - Sửu (trâu) - Thân (Khỉ).

“Tam kỵ” với Rắn là Heo (Hợi) - Chuột (Tý) - Hồ (Dần).

Năm nay 2013 - Quý Ty - năm tuổi của những người sinh vào các năm 1917 - 1929 - 1941 - 1953 - 1965 - 1977 - 1989 và 2001. Xin chân tình cầu chúc Vạn Sự Tốt Lành: Nữ thì “trẻ mãi không già” chẳng thua gì “Rắn già rắn lột”; Nam thì “thăng quyền tiến chức” khác chi “Rồng Rắn lên mây” vậy!

Hoài Mỹ

Vạn Sự Tốt Lành!



Chờ Xuân

Năm nay Tết đến sớm
Đông chưa vội đi qua
Tuyết đâu, sao chẳng thấy?
Chỉ có mưa, tuôn nhòa!

Em vẫn mặc áo hoa
Dâng hương mừng trời-đất
Anh chấp tay niệm Phật
Nhớ tiên-tổ, quý-thần

Vẫn tìm được mùa Xuân
Trong mắt con an lạc
Bướm ong đều từ đây
Rộn rã mở khúc hoan

Tô cho hồng dung nhan
Dù gió gào tím tái
Vẽ cho dài mơ ước
Dù chiều, nắng vội phai

Sẽ vàng từng cội mai
Sẽ tươi ngàn lộc biếc
Hoa trở khắp đông-đoài
Gọi hồn Xuân trác tuyệt

Cổ Ngư

Thơ Khánh Hà

Biển đêm

Biển đêm loang loáng ánh trắng vàng
Tàu lướt đi êm ả nhẹ nhàng
Mênh mông trời đất chừng vô tận
Về đâu hạt bụi giữa mang mang

Vũ trụ bên này đang ngủ say
Bên kia đang thức giữa ban ngày
Giấc mộng êm đềm hay mộng dữ
Tình ra nhìn lại thoáng mây bay

Một cõi vĩnh hằng không như mộng
Lấp lánh vàng trắng tự thuở xưa
Giông bão đôi lần mây che khuất
Sáng rõ trong ngần như vẫn chưa

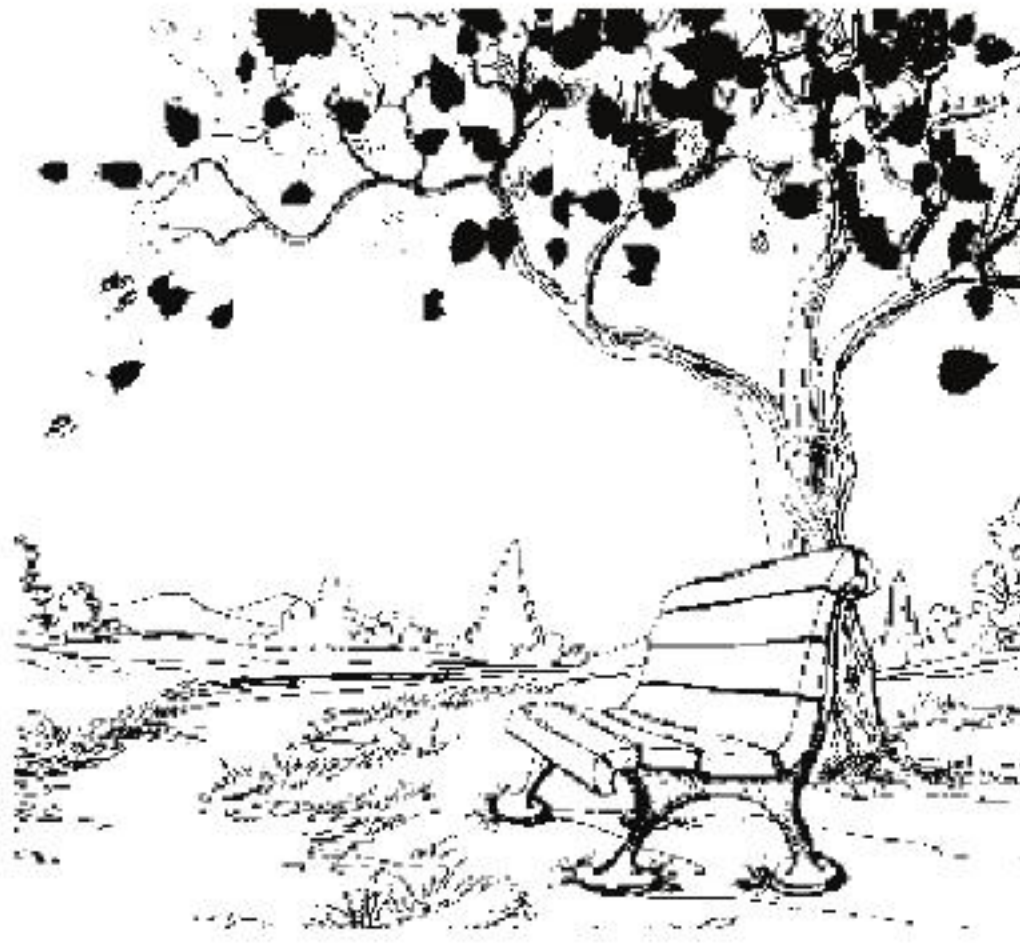


Tìm đâu xa

Tuổi già ngồi đếm thời gian
Hè qua thu tới đông tàn lại xuân
Mây bay nước chảy không ngừng
Sáu mươi năm lẻ tưởng chừng giấc mơ
Long đong đã tự bao giờ
Nổi trôi qua những bến bờ lạ xa
Đau khổ ta, hạnh phúc ta
Quay về, chợt thấy hóa ra bọt bèo
Còn đây một cõi trong veo
Từ nguyên sơ đã mang theo không rời
Còn đây một cõi rặng ngời
Quay về cư trú đời đời an nhiên
Tìm đâu xa cõi bình yên
Trong ta đã sẵn một miền an vui
Sớm mai thức với nụ cười
Tạ ơn trời đất, ơn người quanh ta
Ngoài kia nắng ấm chan hòa
Xuân trong trời đất trong ta tuyệt vời

Xuân muộn

Cổ Ngự



Có đến gần ba mươi năm, Tường mới lại về Việt Nam ăn Tết. Một lần ăn Tết tận Thượng Hải với đồng nghiệp trong chuyến công tác dài hạn, một lần ăn Tết Paris với người tình, vài năm đầu trên đất Mỹ đón Tết ở Houston, những cái Tết còn lại, tại Dallas, giông giống nhau, không có gì đáng nhớ, hay đúng hơn, không để lại chút dấu vết nào trong ký ức Tường. Một ngày bình thường, một thân một mình loay hoay với công việc, với lo toan, hưởng thụ, ngày đầu năm âm lịch chỉ là một ngày thật bình thường trong chuỗi ngày của tháng Một hay tháng Hai dương lịch. Hoạ hoẩn lắm, nếu ngày Tết rơi đúng vào ngày Lễ Tình Yêu, và đúng vào lúc Tường đang yêu, hôm ấy mới có hoa, có quà, có rượu ngọt. Nhưng thật sự, Tường cũng không nhớ mình có khi nào may mắn được một ngày như thế trong đời không, hình như không, hình như... không! Suốt chuyến bay dài, Tường chấp chờn buoi tìm, chấp vá, tường tượng lại khung cảnh của những mùa Tết xưa, bên ông bà ba mẹ, nghi ngút khói hương, nghiêm trang thành khăn, rực rỡ pháo, hoa, áo mới, phong bao, dưa mứt... Cả những ngày Tết không ra Tết của thời nước mất nhà tan, của những năm ly hương, hội nhập... Và bây giờ...

Tường nhìn ra cửa sổ. Mừng Ba Tết, bãi biển sáu giờ sáng đã đầy người, và những khoảng

cát mịn khoan nhing của từng *resort* đầy đủ tiện nghi này chắc chắn không phải dành cho người địa phương. Họ là ai, những người da vàng tóc đen kia? Dân Sài Gòn? Dân Hà Nội? Dân các thành phố lớn lánh cái nóng, cái ngột, cái ồn ào bức bối của bê-tông cốt sắt để đổ về chen chúc nhau trên từng thước vuông cát biển. Một mới của những gia đình khá giả. Tường nhớ mình đã ngạc nhiên khi nghe mọi người trong gia đình bác Ba rôm rả bàn tán chuyện đi Mũi Né trong bữa cơm trưa ngày Tường về đến Sài Gòn. Rồi cũng chợ hoa Nguyễn Huệ mấy hôm giáp Tết. Cũng cỗ bàn, cúng bái đêm Giao thừa. Cũng xuất hành, chúc tụng, biếu xén ngày Mừng Một. Và, đừng một cái, Tết đột ngột ngừng ở đó. Người ta hớn hờ đi xa, trốn nhau, trốn Tết, trốn thăm viếng, trốn hẹn hò, trốn bao phiền toái của những cô tục ngàn năm. Cũng không phải là không có lý! Rũ bỏ hết bận rộn, lo lắng, mưu toan của năm cũ, có gì hơn là đối mặt với thiên nhiên, với biển cả, để thanh tẩy, nghỉ ngơi, dọn mình tươi mới chờ năm đang đến? Nhưng bên cạnh cái ý tưởng rất *thiền* kia là bia rượu lênh láng, thức ăn thừa mứa, tiếng nhạc xập xình trong từng cuộc vui thâu đêm suốt sáng. Phải chăng người ta kéo nhau ra đây đốt tiền xả xui rồi ném hết những nhầy nhựa bản thủ của năm cũ xuống bãi cho sóng biển cuốn đi khuất mắt? Xoá vết?

Bình minh. Mỗi ngày bắt đầu bằng một bình minh. Vậy mà cho đến từng tuổi này, có lẽ Tường chỉ may mắn sống trọn vẹn với chừng mười buổi sớm. Ở bãi biển Vũng Tàu chờ mặt trời mọc với ba mẹ ngày còn bé. Vài lần thông dong cùng bạn bè đạp xe đi cắm trại thời trung học. Bình minh đầy sao hôm Peter ra đời và chỉ hai năm sau, một buổi sớm còn tối trời tối đất, đứng nhìn Cathy đặt thẳng bé đang say ngủ vào băng sau, đóng xăm cửa xe, lái đi không ngoái chào. Gần hơn cả, hôm mẹ mất, sau cả đêm thức trắng, sau khi thấm những đóm mồ hôi lấm tấm trên trán và một giọt nước trong veo lăn dài theo khoé mắt đã nhắm chặt, sau khi nhịp thở của mẹ loi dần rồi ngưng hẳn, Tường ra đứng ngoài bao lon, hít đầy vào phổi không khí ẩm mát, tai loáng thoáng tiếng chim và bỗng nhận ra mình đang ngập người trong một bình minh rực rỡ của mùa hè. Văng vẳng đâu đó ở khu nhà đối diện, cách một khoảng vườn rộng, có tiếng khóc ngằn ngặt của trẻ sơ sinh. Cũng là một bình minh, bình minh cuối cùng của kiếp người này và bình minh đầu đời của kiếp người khác. Bây giờ, nằm đây, nhìn ra biển, thấy một bình minh lồ lộ đắm đông, lòng Tường trống rỗng, dửng dưng đến nôn nao gan ruột.

Làm gì cho hết một ngày? Tường đã từ chối lời rủ rê của gia đình bác Ba đi thăm những "vùng sâu vùng xa" quanh Mũi Né, Phan Thiết. Đâu phải họ đi ngắm cảnh, mà đang nhắm nhe mua đất chờ thời, đánh hơi chỗ nào có thể nằm trong quy hoạch mở đường dựng phố là nhảy xô vào, vì nơi ấy đất nay mua một vốn, mai sẽ bán mười lời. Ủ, làm ăn lương thiện sòng phẳng mà, nhưng hình như đang gặp thời, năm ngoái, gia đình bác Ba trúng liền mấy cú lớn, dư dả để tậu một căn biệt thự mới tinh ở Phú Mỹ Hưng. Đón gió giỏi hay quen biết lớn với giới quan quyền, Tường không quan tâm, nhưng nhìn cách bày biện nhà cửa, ăn tiêu của gia đình bác Ba, Tường thấy đồng lương tư chức mấy mươi năm trên đất Mỹ của mình sao mà eo sèo, nhỏ nhặt đến tội nghiệp. Hề, như người Sài Gòn bây giờ nói... Làm gì cho hết một ngày? Tết mà, thông thả, có gì đâu phải vội. Nhưng quen thói, từ khi xô dép vào chân cho đến lúc tắm xong, Tường đã hoạch

định sẵn trong đầu một *planning*. Sáng: điem tâm - phơi nắng - tắm biển - tắm *piscine*. Trưa: ăn bún gỏi cá mai - về phòng nghỉ - xem tin tức - đọc báo. Chiều: lấy xe vào Phan Thiết - đi loanh quanh thăm thị xã - chụp ảnh xóm chài - về ăn tối với gia đình bác Ba. Hoạch định thì hoạch định, nhưng có thực hiện được hết từng ấy thứ hay không lại là chuyện khác, xê dịch, du di, thay đổi, thêm bớt chút đỉnh, cũng không sao, đồng nghiệp chẳng nhòm ngó, xì xào, xếp lớn xếp nhỏ chẳng nhăn mày nhíu trán, và bản thân Tường, tự thả lỏng cương, để không phải như mọi ngày, ở Dallas, soi gương mỗi sáng trước giờ đến sở, thấy quai hàm bạnh ra, tóc tai dựng ngược và từng bắp thịt gồng căng vì *stress*!

Tám giờ, bãi biển vội hắt người. Dân Việt vẫn không quen phơi nắng, người lớn, con nít, đàn ông đàn bà thành thị vẫn ngại mình đen hơn người bên cạnh. Giăng nắng nhiệt đới cả năm đã đủ, chẳng cần phải phơi mình trên bãi để đốt thêm chút da thịt dầu dưới làn vải quần vải áo làm gì. Vậy mà hay! Tiếng sóng biển không còn bị nhiễu, tiếng gió biển vi vút, bầu trời thật xanh, thỉnh thoảng điểm vài đóm ngũ sắc của vài thanh niên ngoại quốc chơi dù bay trên sóng. Tường nằm im, nhét máy nghe vào tai, khoan khoái chờ da thịt mình nóng dần lên, những hạt nước biển còn sót lại dần bay bốc cả. Đã bao lâu rồi mình mới có dịp phơn phơ nằm khênh ra như thế này, giữa thiên nhiên, nắng và gió? Hình như từ lần sang Paris thăm Tuấn, cách đây ba, bốn năm thì phải. Mùa hè, hai đứa đánh trần, nằm lăn ra bãi cỏ trước Điện Phê Bình cả buổi, tán gẫu chán rồi thi u thi u ngủ. Mùi cỏ gầy hăng hắc sát bên. Xe cộ dập diu sát bên. Tây đầm chơi đùa, ăn trưa, liú lo đàn hát hôn hít sát bên. Napoléon ngủ giấc ngàn thu sát bên. Mùa hè, cùng với Tuấn, Tường khám phá thêm được nhiều điều ngộ nghĩnh, lạ lùng của thủ đô nước Pháp... Mùa hè năm ấy, không tình yêu, nhưng một tuần lang thang đây đó với thằng bạn cũ thời trung học cũng tạm lấp đầy khoảng trống...

Giật mình dậy, tai vẫn còn rộn ràng giọng hát João Gilberto trên nền *bossa nova* đưa đẩy, mắt đã nhìn ngay xuống chiếc đồng hồ đeo tay. Phản xạ có điều kiện của một kẻ lúc

nào cũng cảm thấy thiếu hụt thời gian trong cuộc chạy đua vòng quanh hai mươi bốn tiếng. Về thôi, nướng vẩy đủ giòn rồi, nhào xuống hồ bơi đảo vài vòng rồi lên ăn trưa là vừa. Tường quảy chiếc túi nhỏ lên vai, gọi trả ghế rồi lững thững quay về khách sạn. Hồ bơi đầy người, rất ít đầu đen, vương tay vương chân phát bực. Lên tắm lại nước máy cho da khỏi rít. Đi ngang quầy lễ tân (tại sao không là tiếp tân?), thấy có bảng ghi "*Massage* thư giãn". Nhìn đồng hồ treo tường (lại nhìn đồng hồ!). Mới hơn mười một giờ. Còn sớm chán! Ừ thì *massage* một chút cho giãn gân giãn cốt nào!

Xông hơi xong, tắm vòi sen cho sạch sẽ mồ hôi xong, quán ngang hông chiếc khăn lông trắng muốt, người ngan ngát mùi bạc hà, Tường nằm úp sấp mặt trên ghế dài, chờ đợi. Người con gái vào, nhỏ nhẹ:

- Chào anh!

Tường muốn ngoái cổ lại nhìn mặt, nhưng vội đổi ý ngay, chỉ cất tiếng:

- Chào em!

Những ngón tay thành thạo, đôi lúc cả hai bàn tay và hai bàn chân lao vào công việc. Thoa dầu, nắn, bóp, bấu, chắt, bẻ, đập. Tường chỉ thấy loáng thoáng bóng áo trắng bên phải, bên trái, trước trán và cảm nhận được một phần trọng lượng của cô gái khi hai bàn chân của cô miết đi miết lại từ phần lưng xuống tới hông mình. Cô gái vẫn yên lặng làm việc. Chỉ có tiếng rì rầm của máy điều hoà không khí và tiếng va chạm lép bép của hai làn da, trơn nhờn qua lớp dầu tắm quất.

- Em tên gì?

- Dạ, em tên Cúc.

- Em làm việc ở đây lâu chưa?

- Dạ, cũng hơn năm rồi.

- Em có học *massage* trước khi vô làm không?

- Dạ, có chứ, ở *resort* này, phải có bằng mới được hành nghề đó anh. Em học *massage* bấm huyệt, *massage* thoa bóp dầu, *massage* mặt, *massage* chân nữa, nhưng khách đa số ưa *massage* kiểu này, nên *resort* dần dần bỏ hết mấy thứ kia, chỉ còn lại *massage* toàn thân với dầu thoa thôi anh.

- Lương em khá không?

- Dạ... cũng được!

Người con gái tên Cúc ngáp ngừng. Tường

nhớ ngay lời của Tuấn, lúc hai đứa tán dóc bên ly cà phê dưới tán lá vườn Tuileries: "Mấy em chỉ sống nhờ tiền bo, tiền *pourboire* đó mà. Bọn chủ bóc lột, không trả lương, chỉ cho ăn, ngủ và vài bộ quần áo thay đổi. Vất sức trẻ để tắm quất cho bọn béo mập được vài năm là kiệt quệ, rồi bị thải, nhiều em đành xoay qua việc chào bia rượu trong mấy quán nhậu, hoặc tệ hơn, hành nghề bia ôm, gái gọi. Nói cho cùng, cũng đâu khác tụi mình bao nhiêu, làm cho cổ xác, lương lên vài đồng, chức thăng vài bậc, khen thưởng vài tiếng, rồi đến lúc óc đủ già, lương đủ khá là hăng tìm đường đuôi khéo bằng cách cho ngồi chơi xơi nước hay mời về hưu non. Đúng là ít đã man hơn, nhưng..."

Không muốn cô gái hiểu lầm mình là người do chủ gài vào nghe ngóng tình hình, bắt mạch nhân viên, Tường vội đổi đề tài:

- À, quê em ở đâu, nghe giọng, anh biết em không phải người vùng này.

- Dạ, em người Đà Nẵng, làng em ở ngay chân Ngũ Hành Sơn đó anh!

- Ủa, Đà Nẵng có bao nhiêu là *resort* bên bãi biển Non Nước nổi tiếng, sao em không kiếm việc làm ở đó cho gần nhà, lặn lội chi vô tuốt trong này?

- Dạ, không được đâu anh ơi, lỡ gặp người cùng làng cùng xóm, dị lắm, mà, không phải khách nào cũng như anh đâu, nhiều người... nhiều người đòi hỏi chuyện này chuyện nọ... Giọng cô gái thoáng run. Chút ần ỨC vừa trôi lên vội bị nổi nhần nhịn chìm ngay xuống. Tường thừa hiểu điều cô gái không muốn nói. Một phòng kín, một người đàn ông gần như trần truồng, một cô gái tuổi mới ngoài hai mươi, một vị thế không xa chủ-tớ, cả chục lần tiếp cận mỗi ngày, hỏi sao tránh cho khỏi điều muốn tránh?

- À, anh... anh là Việt kiều phải không?

- Ờ, tôi sống ở Mỹ, về xứ ăn Tết, nhưng không ưa ai gọi là Việt kiều.

- Em xin lỗi anh nhe, tại em hay gặp mấy người đi tới đâu cũng khoe mình là Việt kiều này nọ.

- Người ta khác, tôi khác. Mà sao Cúc biết tôi là... Việt kiều?

Có tiếng cô gái cười khúc khích.

- Mới nói không ưa gọi Việt kiều rồi bây giờ lại kêu Việt kiều... Mấy anh mấy chị có cử chỉ khác người trong xứ, có lối ăn nói riêng,

miệng lúc nào cũng cảm ơn với xin lỗi. Nhiều khi đứng kề bên, ngửi mùi xà bông giặt đồ bám trên quần áo của mấy anh mấy chị cũng thấy khác nữa! Xong phần lưng rồi đó, anh quay mình lại để em làm thêm chút *massage* mặt với vai ngực nữa là xong.

Tường xoay người. Cô gái đứng bên giường, ngó nghiêng, tránh nhìn vào mặt khách. Thân mảnh, nét mặt hơi thô, không xấu không đẹp, không phải là khuôn dáng nhìn-một-lần-đã-nhớ. Tường im lặng, nhắm mắt. Cô gái tiếp tục công việc của mình. Những ngón tay vuốt ngang trán, ấn vào thái dương, xoáy trong vùng tóc, bầu xuôi hai bên má. Chúng lần xuống cổ, nhồi nắn từng bắp thịt vai, tay rồi bẻ răng rắc ở cuối mỗi ngón. Khi hai tảng ngực của Tường đã được miết đều, loáng dầu, săn cứng, cô gái dừng tay, ngáp ngừng:

- Anh... anh có muốn làm tiếp không?

Tường mở mắt. Cô gái không nhìn anh.

- Là sao? Hết giờ rồi à?

- Dạ, chưa... Nghĩa là... anh có muốn cho ra không?

Tường hiểu ngay. Những người con gái này phải hạ mình chiều khách đến thế sao? Tự sướng, làm sao để mê bằng được một bàn tay lạ mon trón, vuốt ve, nhưng Tường, với người con gái khác, có thể, với người con gái có cái nhìn quay nghiêng vào góc tối căn phòng này, không thể đòi hỏi gì hơn.

- Không, cảm ơn Cúc. Như vậy tốt rồi.

- Dạ!

Cô gái lui vào đứng cạnh góc bàn. Một mảnh giấy, bút *bic*, một đĩa khăn lau mặt, ly nước ngọt ướp lạnh. Tường ghi xuống số tiền sẽ tặng cô gái, ngang bằng với món tiền Tường bỏ ra khi vào đây. Cô gái lí nhí cảm ơn, thu dọn dầu, khăn, nhẹ nhàng khép cửa. Tường bước vào nhà tắm, xả cho hết lớp dầu nhờn. Chợt nhớ ra: cô gái chưa hỏi qua tên mình. Ừ, mà cũng chẳng cần thiết. Để làm gì?

Giờ ngủ trưa chập chờn cho phép Tường dàn dựng giấc mơ của mình. Tường thấy anh bước vào phòng bệnh. Mẹ mảnh và trắng nhợt màu giấy *pelure*, lẳng nhằng dây nhợ ở mũi, ở cổ tay, trợn tròn mắt, quơ quơ ngón chỉ ra hành lang, thì thào:

- Sao mẹ thấy nhiều xôi gấc quá, mọi người bày xôi gấc ra cúng giỗ gì thế, lại sắp Tết à?

Màu đỏ bầm của mảng tường bệnh viện đập

vào mắt anh cùng lúc với nỗi buồn dâng lên nghẹn ngang cổ. Mẹ lẫn mất rồi, và tiếng "cúng giỗ" làm anh xôn xang, như điềm gỗ báo trước điều chẳng lành. Anh ngồi xuống, nắm bàn tay xương xẩu, cố tìm cách trấn an mẹ. Nhưng người bệnh đã hoàn toàn rơi vào thế giới của chập chùng tượng tượng, ảo giác và hồi ức, không thể nào thoát ra được nữa. Tường đành đưa đẩy câu chuyện theo khung cảnh mẹ đang vẽ ra trong đầu.

- Vâng, con sẽ chia phần xôi cho ông bác sĩ với mấy cô y tá. Họ tốt lắm, Tết nhất mà vẫn tận tâm làm việc. Mẹ yên tâm, ở đây bác sĩ giỏi, chỉ nằm vài ngày là về nhà thôi. Con sẽ dẫn Peter về thăm, để mẹ lì xì cho nó, con hứa mà. Dạ, con cũng sẽ để dành phần xôi cho chú Năm, anh Hiền với em Quyền, mẹ đừng lo...

Không biết mẹ có nghe lời Tường nói không, nhưng thấy bà đập khe khẽ vào cổ tay anh, khép mắt lại, nói lầm thảm:

- Ừ, mẹ mệt rồi, con về đi, để cho mẹ nghỉ.

Tường thấy mình vẫn ngồi yên. Có phải những người đã khuất đang chờ bên giường bệnh để đưa dẫn mẹ về một cõi khác? Anh Hiền mất tích từ hồi cả gia đình chạy loạn từ Kontum vào Sài Gòn, mấy mươi năm không có tin tức, coi như đã chết. Chú Năm chết bệnh trong trại cải tạo. Thăng Quyền, con chú, chết vì lựu đạn nổ khi đang đi nhặt rác vụn cho một kế hoạch chương trình gì đó của thiếu nhi quàng khăn đỏ. Mẹ thấy họ về vây quanh, hay đó chỉ là thói quen liên tưởng khi nhớ đến những ngày giỗ chạp, Tết nhất, thức ăn bày biện trên bàn thờ, khói hương vương vất bên những tấm hình đã phai nét? Tường khẽ nắm bàn tay mẹ, lần từng gờ xương nổi như làn tràng hạt, miệng lầm nhảm "Nam Mô A Di Đà". Đầu đặn nhịp năm. Tường nhắm mắt lại, và trước mặt bỗng hút tới một con đường, rồi loá lên muôn màu sắc lấp lánh như chiếc kính vạn hoa. Tường bước vào đó, tiếp tục đọc trong đầu, âm âm từng tiếng: Nam-Mô-A-Di-Đà-Đồ-Cam-Vàng-Lục-Lam-Nam-Mô-A-Di-Đà-Chàm-Tím-Đen-Xám-Trắng-Nam-Mô-A-Di-Đà-Tóc-Tóc-Tóc-Tóc-Tóc-Boong! Tay mẹ giật mạnh. Mắt mở choàng. Biểu đồ thuốc giảm đau nhảy quăng. Biểu đồ tim hụt nhịp. Với tay bấm chuông. Một lần. Thêm một lần. Thêm một lần nữa. Nam Mô A Di Đà, y tá, bác sĩ đâu cả rồi, sao không đến cứu mẹ tôi?

Reng! Reng! Reng! Tường bật dậy. Chiếc điện thoại cầm tay cài thêm chế độ rung này bần bật trên bàn, kêu inh ỏi. Mẹ biến mất cùng tiếng tụng thầm. Trưa đỏ nắng ngoài cửa sổ.

- *Allo*, Việt hả?

- Ừ, tao đang định cúp máy. Chuông reng hoài không thấy mày trả lời.

- Tao đang ngủ trưa...

- Sướng ha! Mấy ngày Tết mà ăn no ngủ kỹ như vậy, sướng cả năm đó con!

- Chỉ nhằm nhĩ mê tín dị đoan! Gọi tao tán dóc đầu năm hả?

- Mày đang ở đâu vậy? Sáng chạy ngang nhà, thấy khoá cửa.

- Tao đang ở Mũi Né với gia đình bác Ba.

- Chùng nào về lại thành phố?

- Sáng mai, chi vậy?

- Có mày về chơi, tao tính rủ mấy đứa lớp cũ đi chúc Tết thầy Đại.

- *OK*, khi nào?

- Tối mai, được không?

- Rồi, mấy giờ, ở đâu?

- Tao tới đón mày lúc bảy giờ. Đi xa mấy chục năm, mày còn nhớ đường nhớ xá không mà bày đặt hỏi hẹn ở đâu...

- Nhớ chứ mày, khu trung tâm Sài Gòn nhỏ xíu, quên sao được. Với lại, *taxi* lái chứ có phải tao lái đâu mà sợ lạc đường.

- Ngon hé! Ờ, mà tối mai, mày sẽ có món quà Tết rất bất-ngờ-thú-vị!

- Gì nữa đây cha! Nói luôn cho rồi, đợi chi tới mai.

- Mày nóng lòng muốn biết hả?

- Đúng là đây đưa chi cho tốn tiền điện thoại, mày. Nói ồm ồm kiểu đó, đồ ai mà không thắc mắc.

- Mày còn nhớ Diệu không?

- Mày có tin tức của Diệu sao?

- Mày chưa trả lời tao.

- Nhớ sao không nhớ! Mày với thằng Tuấn tao còn nhớ, Diệu sao không nhớ được! Tao tìm Diệu cả hai chục năm nay...

- Vậy thì mai gặp.

- Mày nói sao? Diệu đang ở Sài Gòn hả?

- Ừ, nói cho đúng ra là đã và đang ở Sài Gòn từ gần mười năm rồi, nhưng cấm tụi tao không được cho mày biết tin.

- Chắc Diệu còn cấm tao...

- Chứ còn gì nữa! Nhưng biết tin mày về, Diệu kêu tao báo cho mày biết, để cùng đến chúc Tết thầy.

- Diệu... lúc này ra sao mày?

- Đằm hơn xưa và... vẫn còn độc thân. Thôi, tao cúp đây, bảy giờ tối mai há Tường. Chuẩn bị tinh thần để gặp lại người đẹp đi con!

- *OK*, mai gặp. *Thank you* Việt.

Tường thờ người, nhìn chiếc điện thoại trên tay như đang nhìn Việt. Mày dẫu tao chuyện này cả mười năm sao Việt? Diệu làm gì ở Sài Gòn trong khoảng thời gian đó? Còn mình? Tường thấy lướt nhanh qua trí nhớ những hình ảnh quay tít như chiếc đèn kéo quân. Diệu rạng rỡ với bó cúc và bách hợp trắng ngày lễ hỏi. Rồi Tường quyết định huỷ cuộc đính hôn. Diệu biến mất khỏi Dallas. Bật tắt. Không dấu vết. Sau đó là Susan, Julie, Cathy, những mối tình tạm bợ dăm ba tháng hoặc cùng lắm, kéo dài được vài năm. Cho đến từng tuổi này, Tường vẫn chưa bao giờ khoác lên người bộ áo chú rể ngày cưới. Có phải từ trong tiềm thức, sự sợ hãi khi tám bé, nỗi chán ngán lúc đã lớn khôn trước những trận cãi vã như cơm bữa của ba mẹ khiến Tường luôn dè dặt, do dự và không bao giờ đủ can đảm để ký xuống tờ hôn thú, chấp nhận trách nhiệm làm chồng, làm cha. Cũng vì thế mà mối tình đầu từ thời trung học của Tường bỏ đi không một lời giải thích. Cũng vì thế mà mối tình cuối ở tuổi bốn mươi ngoài của Tường tay bế con, tay xập cửa xe, chạy thẳng, không ngoái nhìn. Diệu, năm mười sáu, nhìn vào đôi mắt mang kính dày cộp của Tường, nói không vấp vấp: "Diệu thương Tường lắm, Tường có biết không?" một hôm hai đứa đứng trú mưa bên hiên thư viện văn hoá Pháp. Tường lúng túng, chỉ biết cười gượng và mãi mới đáp trả một câu cụt lùn: "Biết!" Rồi im lặng cho đến khi mưa tạnh, cho đến hết con đường dài đưa Diệu về nhà trong khu Bàn Cờ. Ở lớp, Tường nhìn quanh. Hình như chỉ mình có được điểm phúc này. Những thằng con trai khác chật vật chạy tìm tình yêu, có đứa bị từ chối thẳng thừng, có đứa trầy vi trát vảy mới đạt được điều mơ ước. Tường kiêu hãnh, nhưng chưa được bao lâu, đã nhận ra rằng "Tường của Diệu" chứ không phải "Diệu của Tường", như Việt vẫn thường đùa: "Nhỏ Thảo của tao" hay Tuấn nhấn nhé: "*Tuân's Mai*, cầm đưa nào léo hánh!" Cái tình yêu đầu đời chơi trò cút bắt, giành

giật nhau làm chủ trái tim ấy theo chân Tường và Diệu từ Sài Gòn sang đến Houston, rồi gầy lia ở Dallas. Có nhiều đêm, ngồi trong căn nhà trống, Tường điềm lại từng nhân dáng đã có ít nhiều thời gian chia xẻ với mình một đoạn đời, bao giờ gương mặt, cử chỉ, tiếng nói của Diệu cũng rõ nét và ở mãi đó cho đến lúc Tường mở choàng mắt nhìn vào khoảng đen trước mặt. Không phải là Cathy, mẹ của Peter, con trai Tường. Không phải Julie, cô sinh viên tóc hoe mắt biếc yêu thằng đàn ông hơn mình cả con giáp với tất cả sự sôi nổi, bông bột của tuổi đôi mươi. Luôn luôn là Diệu, khi với chiếc xe đạp *mini* thời trung học, khi với vòng hoa choàng cổ trên bãi biển Miami, khi lại tha thướt trong tà áo dài xanh ngày lễ hội. Những lúc ấy, Tường mới hiểu rõ mình cần Diệu như thế nào, mình nhớ Diệu, yêu Diệu đến thế nào... Điện thoại lại reo. Tường nhìn dòng số hiển thị.

- Lại mày nữa hả Việt, có chuyện gì mà gọi hoài vậy?

- Không, Diệu đây!

- Diệu?

- Ừ, Diệu. Nãy giờ Diệu ngồi uống nước với Việt, nghe lóm được mẩu đối thoại của hai chàng lính ngự lâm! Tối mai, Tường đến chúc Tết thầy nghe, Diệu có điều này muốn nói với Tường.

- Diệu... Tường... Tường thương Diệu lắm, Diệu có biết không?

- Biết!

Cổ Ngự



Bài Thơ Tháng Giêng

tháng giêng...
 mượn áng mây trời
 kết bài thơ...
 để cho đời thêm vui
 muộn phiền năm cũ sẽ trôi
 muộn phiền năm cũ sẽ phôi pha dần...
 tháng giêng...
 nắn nót ân cần
 từng câu, từng chữ, từng vần, từng cung
 lời thơ nốt nhạc quyện cùng...
 trời xanh mây trắng...
 ngại ngùng...
 tháng giêng.
 tháng giêng...
 giọt nắng nghiêng nghiêng
 nụ cười ai đó làm điên đảo lòng
 tóc dài buông xuôi...
 lưng ong
 giọt sương cũng phải chạnh lòng...
 ... lao đao
 tháng giêng...
 tay nắm tay nhau
 gửi trao một chút ngọt ngào...
 tháng giêng

thi hạnh

Độc thơ Cung Vĩnh Viễn

Nguyễn Mạnh Trinh



Có những bài thơ đã ở trong trí nhớ tôi suốt gần nửa thế kỷ. Không biết đó có phải là những vần tuyệt tác không? Tôi nghĩ chưa chắc ! Nhưng với riêng tôi đó là một phần kỷ niệm, là một phần đời sống của mình. Khi đọc lại, nó nhắc đến phần đời đã qua, nơi chốn đã sống và cảm giác đã trải. Những câu thơ nhắc lại những quá khứ thân gần của một thời đã qua nhiều khi là một phần thân thể của đời người chẳng thể tách lìa. Thơ có thể là của thi sĩ này hay của nhà thơ kia nhưng có lúc đã biến thành của riêng tôi trong bộ nhớ...

Buổi trưa hôm nay, qua cửa kính trên lầu quán cà phê nhìn xuống sân trường sắp vào hè, cầm tập thơ lại nhớ những bài thơ cũ. Bài thơ mà lâu lắm rồi tôi đọc ở trong một tờ báo xuân học trò trường Chu Văn An khoảng năm 63-64 tôi không nhớ rõ. Dù là thơ của học trò nhưng lại có giọng điệu phong cách của người già trước tuổi của cậu học sinh Cung Vĩnh Viễn.

*“Thôi thế già từ
cành cây ở lại
chìm trôi bay đi*

*Hai mươi tuổi lẻ
Niu chi ở đời
Ngày mai ngày mai
Môi hồng em ơi!”*

Tôi cũng chẳng nhớ mình đã đọc, đã thuộc và đã nhớ bài thơ ấy trong trường hợp nào, trong cảm quan nào nhưng tự nhiên qua những câu thơ bốn chữ ấy dường như nhớ lại một thời tuổi trẻ, của những giấc mộng của mơ ước đội đá vá trời, của những ngày còn mon men ở bờ tổ nhỏ nhoi mà đã nhìn về khoảng trời cao rộng. Lòng còn trắng bong, chưa bị đời lôi theo dòng trôi nổi nhưng vẫn tưởng là người đã nắm tất cả mùi vị đáng cay ngon ngọt của kiếp nhân sinh. Cái tâm tư mà có nhiều người gọi là ảo tưởng tuổi trẻ ấy làm tôi bồi hồi nhớ lại.

Độc thơ Cung Vĩnh Viễn , tôi thấy mình trở lại Sài Gòn, trở về lúc còn học những năm đệ nhất cấp ở khu trường chi nhánh chuồng ngựa ngày xưa. Tôi thấy mình đạp xe theo những tà áo trắng, và tưởng tượng những môi tình đẹp. Tôi thấy tôi ngồi quán chung với Cung Vĩnh Viễn. Tôi thấy tôi là một cậu học sinh Chu Văn An ngây ngô thuở ấy:

*“Nghe xao xác tiếng gọi bầy trong gió
đàn chim già nhón nhác hẹn hò nhau*

hai trăm đĩa của thời vào đệ thất
 đã thăng trầm qua mấy cuộc bể dâu
 hai trăm đĩa như hai trăm phân số
 chỉ có hàng tử số khác nhau thôi
 còn mẫu số thì giống nhau ráo trọi
 với cụ Chu cụ Nguyễn vốn chung nòi
 nên có đĩa chơi trò ngon hết sức
 vừa ra trường khoác áo trận vào ngay
 chốn bom đạn không lảng ba vì bộ
 mà khi không vội bỏ bạn bỏ thầy
 chúng nó chết khi tuổi đời non trẻ
 dám có thằng còn chưa kịp yêu ai
 đánh giặc về ghé chị Tình chị Quý
 để nếm qua một chút xiu mùi đời
 đĩa còn lại theo dòng đời trôi nổi
 cũng có thằng trôi mãi đến chìm luôn
 bây giờ nhớ biết làm sao mà gọi
 hay chỉ là khắc khoải tiếng kêu thương
 chợt thấy tiếc cái thời còn đi học
 sao không thân cùng cả lớp cả trường
 để bây giờ nghe bạn bè nhắc lại
 nhiều cái tên lảng đãng giữa mùi sương
 nếu có buổi hen nhau về chốn cũ
 đi một vòng thăm lại đất trời xưa
 chắc phải ghé nơi góc đường Lê Lợi
 chơi mỗi thằng dầm ba đĩa bò khô
 giải khát xong bằng một ly nước mía
 ra bến tàu ôn lại mộng thanh xuân
 không biết có thằng nào còn mong ước
 được đi xa mà nếm trải phong trần?
 buổi tối tới chia thành nhiều nhóm nhỏ
 đi đong đò ở các quán cà phê
 Xin các cụ dành cho tôi một chỗ
 Chiếc bàn con trong quán của bà Chi
 Em yêu dấu. Tên em anh khắc vội
 Nơi góc bàn sợ bà Thái rầy la
 Chiếc bàn cũ chắc đã thành tro bụi
 Và quán thì.. đâu phải quán ngày xưa?
 Bát phố Bonard. Ngồi quán chị Chi gần rạp
 Văn Hoa. Xuống xóm thăm chị Tình chị
 Khánh. Những nơi chốn quen thuộc của tuổi
 vừa mới lớn hay là của những chàng lính trẻ
 biên trấn đồn xa mong chờ ngày đi phép để
 về thăm. Và cũng thời gian ấy, biết bao kỷ
 niệm đẹp của một đời người.
 Thời ấy là thời của Cung Vĩnh Viễn, hay của
 chung những đứa học trò giống bọn tôi:
 “thời tuổi trẻ ta rất mê ngồi quán
 quán cỡ nào ta cũng thấy dễ thương
 cái quán cóc ở đầu đường đầu ngõ
 mà lắm khi cũng thấy nhớ lạ thường
 những cái quán đâu chỉ là quán xá

mà là nơi tụ họp bạn bè ta
 đĩa nào bị nhò bỏ cho một đĩa
 lại lần mò đến quán để ba hoa..”
 Thuở ấy, cũng là thời để ... yêu và để ... nhớ:
 “anh về thăm chỗ đợi xưa
 Cây cột đèn cũ hình như nhớ liền
 Chỉ cho anh dấu khắc tên
 Buổi chiều hôm ấy nhớ điên nhớ cuồng
 Cột đèn cũng động lòng thương
 Để cho anh gạch những đường đón đau...”
 Nơi chốn ấy, Sài Gòn là cả một trời yêu
 đương của tuổi vừa mới lớn của những chú
 chim non vơi vơi ngất trời cao ;
 “Sài Gòn của tuổi thanh niên
 Những nàng con gái như tiên giáng trần
 Con đường lá trái dưới chân
 Tay trong tay bước giung giăng sài gòn
 Sài Gòn mưa nắng nồng nàn
 Có cây sỏi đá cũng thơm mùi tình
 Cái giàn hoa giấy xinh xinh
 Trồng ngay trước ngõ nhà em nhớ hoài..”
 Năm 2011. Thơ Cung Vĩnh Viễn bây giờ
 buồn. Buồn như những cuộc đời lưu lạc. Bây
 giờ ký ức đã xa. Một mình một bóng trong
 cái cô quạnh của đất trời.
 “cõi ta riêng một góc vườn
 bóng cây bóng lá chập chùng bóng ai
 bóng chiều đậu xuống bờ vai
 đời còn sót lại một vài bóng quen
 với chai rượu để bên thềm
 rót ta một chén xô nghiêng thành sầu
 rót mời bạn chén còn nhau
 rót ta một chén nghiêng ngao tạc thù
 chén này phạt đĩa lu bu
 vẫn còn để chuyện hơn thua vương lòng
 chén này mời đĩa thông dong
 sống như đi dạo một vòng từ sinh
 cõi ta chỉ có một mình
 nhìn theo mây nổi kết hình bạn xa
 chén mời chén phạt cũng ta
 lẻ loi giữa bóng chiều tà quạnh hiu.”
 Hiện tại, một tiếng thở dài. Ở nơi quán khách,
 thấy mình tàn tạ. Thôi hết mộng ngày xưa.
 Chẳng còn thuở nào tung hoành đường đời.
 Hiện tại:
 “tới cuối đường rồi thân đã mỏi
 thôi thì trả ấn để từ quan
 ấn không ai nhận quăng thùng rác
 quan thì lớn quá chẳng ai kham
 về với căn phòng như hột quẹt
 nằm trên chót vót những tầng cao
 tối buồn ra đứng bao lon hẹp

thì thầm nói chuyện với trăng sao...
còn một niềm vui là uống rượu
mấy anh thầy thuốc lại không ưng
cuối tuần mới sấm quên lời dặn
uống trộm vài ly rất sên chừng
thân ta với bệnh như bằng hữu
bệnh tới rồi lui tựa giả đồ
tâm ta em cấy phù sinh từ
em bỏ đi rồi ai giải cho?"

Cuộc đời có những chuyến đi. Những ra đi để
hẹn một ngày về. Nhưng có những chuyến đi
không trở lại.

"Đã có lần đi tương rất xa
qua sông qua biển biệt quê nhà
nhìn quanh mới thấy là ta đã
đến một nơi mà chẳng gặp ta
có những lần đi chẳng tới đâu
hình như chẳng nhớ chốn hẹn nhau
quay về đâu có ai chờ nữa
ta ngăn người ra dưới mái sào..."

Tuy vậy vẫn có những chuyến trở về. Nhưng,
ở đâu là cảnh cũ tình xưa. Ở đâu những bóng
mây qua cửa thành phố cũ. Về để nhặt nhòa
thân phận của người xa xứ.

"...Về. Ra đầu ngõ đứng chờ
kẻ qua người lại hững hờ thể thôi
về, đi quanh quần đạo chơi
phố phường nhón nhác đưa đôi phần hương
Về. Thơ thần mấy con đường
Xa xăm một thuở tan trường đợi em
Về. Như kẻ lạ lẻo liên
hoài công khắc dấu mạn thuyền xót xa
Về. Ngồi trong bữa cơm nhà
Tôi chan nỗi tủi tôi và nỗi thương..."

Tôi đọc tập thơ Cung Vĩnh Viễn với tâm cảm
chia sẻ tận cùng của một người cố tri gặp lại.
Mặc dù trên thực tế, tôi và thi sĩ chưa bao giờ
gặp nhau nhưng sao những ngôn ngữ, những
tâm tình như có gì đồng điệu. Giờ những
trang sách, tôi thấy lại một thời những chàng
tuổi trẻ ngày ấy của một thời tuổi trẻ rời
trường lớp bước vào đời. Cũng những kỷ
niệm, cũng những nơi chốn, cũng những
quãng đời như những khúc sông xuôi ngược
theo dòng thời thế. Sống trong một thời đại
và lớn lên cùng với những ngày tháng chiến
tranh, tôi có lúc cũng muốn bắt chước Cung
Vĩnh Viễn, làm thơ như kể chuyện, với
những câu lục bát hay bảy chữ, tám chữ quen
thuộc nhưng tròn vẹn tròn ý. Có một lúc, tôi
thấy sự cố tâm làm mới trong thơ chỉ là một
cách thể trang điểm son phấn cho thơ và để

dàng gập sự cường điệu để trở thành gương
gạo. Làm thơ, để bộc bạch tâm sự mình. Quá
đủ để thành một người bạn thơ gần cận trong
đời. Thơ sẽ thành một phần đời sống thực tự
nhiên lúc nào không biết.

Thơ Cung Vĩnh Viễn. Là :

"thơ tôi giọt nắng giọt mưa
nghe hơi gió nhẹ chuyển mùa xốn xang
ở trong hiu hắt thu vàng
lòng như chùng một phím đàn lạc cung
thơ tôi những bước chân thầm
kẻ hành nhân muốn ngược dòng thời gian
lối về cỏ úa điêu tàn
thương gan chân bóng hoang mang đường
trần
thơ tôi tâm sự ngọn ngang
trái lòng ra với thân bằng gần xa
lời đơn sơ ý thật thà
như là câu chuyện trong nhà với nhau."

Đọc thơ Cung Vĩnh Viễn để thấy được tuổi
già, để thấy được ở đâu là những người mang
nặng trong đời tình với nghĩa. Thi sĩ làm thơ
cho vợ, mang tâm tình gửi cho con. Nhà thơ
gửi tâm sự của mình cho bằng hữu, cho quê
hương, cho thành phố thân yêu đã xa cách
nghìn trùng. Là người lưu lạc tha phương. Ai
mà chẳng có chung những mẫu số ấy. Làm
thơ , để mình đỡ cô đơn. Làm thơ để mong
có người đồng điệu chia sẻ. Ít ra, cũng có
một độc giả là tôi, đọc thơ như xem vào
gương để soi lại chính đời mình. Và , ở một
liên tưởng nào đó, tôi thấy được một người
đã gần tuổi bảy mươi sống ở một đất nước
Bắc Âu lạnh giá làm thơ để sống lại những
kỷ niệm. Lưu lạc tha phương dĩ nhiên là
buồn, ngay cả những người sống ở quận Cam
đông đảo và quen thuộc mà cũng có lúc thấy
lạc lõng giữa những vòng quay nhân sinh mù
mịt. Huống chi, với một cư dân sống ở vùng
tuyết giá. Cho nên tôi nghĩ, với Cung Vĩnh
Viễn, thơ là bếp sưởi để ấm lòng lại những
tâm tình buốt lạnh của một đời sống mịt mù.
Và, như thế, thơ lại có hồn hơn, để tôi, trong
buổi trưa hôm nay, cứ giờ đọc hết bài này
sang bài khác, để hồi sinh lại một phần nào
trong ký ức những cảm giác nhỏ nhoi nhưng
làm rung động cả những phân vương cảm
nhận của da thịt mình.

Nguyễn Mạnh Trinh

Thơ CUNG VĨNH VIỄN

Trích từ tập Thơ Cung Vĩnh Viễn, tập mới nhất, vừa phát hành tháng 12, 2012, tại Na-uy

VỀ THĂM ĐÀ LẠT

Tôi về thăm Đà Lạt xưa
hình như cả nắng lẫn mưa đôi màu

không còn cái nắng hanh hao
trời se se lạnh má đào hây hây
không còn những sợi mưa rây
vuơng trên mái tóc thả mây lưng trời
đôi Cù cây cỏ tả tơi
mặt hồ nhăn vết đồi đồi phê hưng
đứng trên đầu dốc Duy Tân
đâu rồi khách sạn Thủy Tiên năm nào
nhớ tuần trăng mật ngọt ngào
nhớ đêm thần thoại nhớ sao mơ màng
những chiều ngồi cà phê Tùng
xé bao thuốc lá viết dòng thơ say
nhà Thủy Tạ chìm mưa bay
nồng nàn men rượu ngất ngây men tình.
đời như một giấc mơ êm
thuốc Pall Mall thở khói mềm tròn vo.

Tôi về thăm xứ thần tiên
chỉ nghe xô xát bạc tiền lắm lem.

KHÚC TÌNH SÂU

Khi nhớ lại anh vẫn thường đau sót
cuộc tình xưa như giấc mộng mà thôi
ta yêu nhau trong hoang lạnh cuộc đời
trong tuyệt vọng của nỗi niềm ngang trái.

Chưa hò hẹn đã lo mình trẽ nải
gửi thư đi không dám đợi thư về
những nụ hôn trong đắm đuối say mê
vẫn se sắt chút vị mùi cay đắng.

Những kỷ niệm gói vào trong quên lãng
những tâm tình như gượng gạo gửi trao
những yêu đương đành đoạn đến thương đau
rồi cúi mặt đi về trong bóng lẻ.

Sẽ khổ lắm nếu cùng nhau kẻ lẻ
nên nỗi lòng giữ lấy một mình thôi
khi gặp nhau cố thấp nụ cười tươi
để che dấu cả hai lòng héo úa.

Tình chưa trọn mà như tình đã lỡ
chân chưa đi mà đã thấy lìa xa
những ước thề chưa ngỏ đã phôi pha
bóng hạnh phúc chập chờn như ảo ảnh.

Rồi thao thức những đêm trường vắng lạnh
mầm tai ương canh cánh ở bên lòng
sợ cuộc tình đã đến phút lâm chung
cho nước mắt ướt đầm trên áo gối.

Khi mùa hạn đã trùng vây khắp lối
cũng đành tâm mà bút ruột bỏ đi
để mỗi khi nhớ lại cuộc tình xưa
chỉ còn lại một cõi lòng đau sót.

KHÔNG ĐỢI KHÔNG CHỜ

Đâu phải cứ bền gan chờ đợi
thì rồi cũng sẽ được gặp nhau
người xưa hóa đá nghìn năm đó
mà vẫn tro thân với dải dẫu.

Nên buổi chiều nay ta có tới
bên bờ sông ấy đứng ngẩn ngơ
chắc cũng có điều chi bồi rối
nhưng quyết là không đứng đợi chờ.

Ta ngó chung quanh kiếm xóm làng
sông gì mà chẳng có đò ngang
chả có cây đa và quán nước
lữ khách làm sao bước nhỡ nhàng.

Ta ngẩng lên nhìn mây trắng bay
ngày xưa em bảo cứ nhìn mây
gửi theo thương nhớ vào trong đó
sẽ thấy em nơi bên nước này.

Thì ra sông nước mây chiều ấy
chẳng phải là sông nước chốn đây
cho nên ta có nghìn năm đợi
cũng chẳng bao giờ thấy áo bay.

SÓT LẠI

Tình cờ lật một trang sách cũ
thấy còn sót lại một tờ thư
mẫu giấy xé từ trong tập vở
một câu bóng gió nghĩa mơ hồ.

Cũng hiểu là câu bày tỏ của
một người bạn nhỏ rất ngây thơ
chập chững vào đời trong bờ ngõ
giữa khi thời đại rất xô bồ.

Thuở ấy lòng người ly tán quá
sống là cúi mặt học làm thính
cho nên dòng chữ băng quơ thế
nhưng mà gói ghém trọn lòng tin.

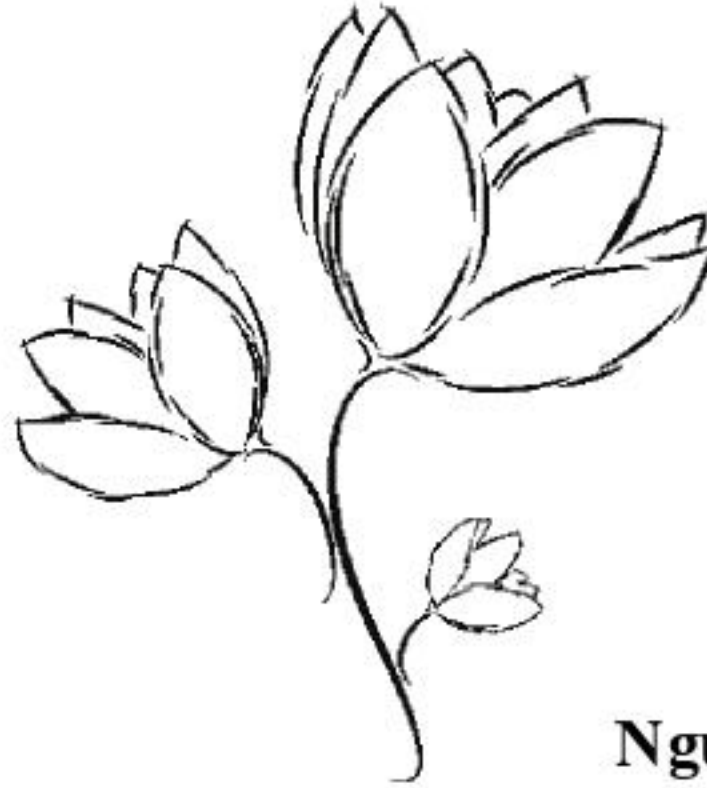
Đã mất về đâu bao tháng năm
bao nhiêu dâu bể với thăng trầm
vẫn còn sót lại trong tâm tưởng
một mối ân tình một cố nhân.

Áo Trắng

Thơ : Cung Vĩnh Viễn Nhạc : Vũ Đức Nghiêm

Thời học sinh, tôi mê tà áo trắng, Trưa tan trường lòng gió thướt tha
bay. Hay những chiều thu vàng nhân nhật nắng. Tà áo mềm quấn quýt bước chân
ai. Ai bảo em cũng học trường áo trắng, Lại còn thêm một mái tóc buông
dài. Trời hôm ấy, tôi nhớ là xanh lá, Xanh đến làm rộn rã cả lòng
trai. Bao nhiêu năm, tôi vẫn yêu màu trắng, Đến tuổi già nằm bệnh ở nhà
thường. Sau ca mổ tâm thần chưa ổn định, Thấy mơ hồ những áo trắng chung
quanh. Cô y tá trong áo choàng màu trắng, Không thướt tha như áo trắng học
sinh. Nhưng nụ cười đậu trên bờ môi thắm, Xoa dịu bao nỗi khổ của sinh
linh. Nói bao lời cảm ơn vẫn còn chưa đủ Tôi sẽ luôn luôn tâm niệm một
điều. Tôi đang ở một nơi trên trái đất, Đa số con người sống để thương yêu.

Thơ và muôn Hoa



Nguyễn Thủy Nam

Từ ngàn xưa, theo truyền thống văn hóa dù ở đông phương hay tây phương, mỗi lần có những lễ hội dân gian, các nghi lễ tôn giáo hay chúc mừng Lễ Tết đầu năm, hoặc ngay trong những dịp vui buồn hôn, tang, quan, tế... xảy ra trong đời thường, người ta không thể thiếu muôn hoa. Nói khác đi, muôn hoa luôn hiện diện, gần gũi với đời sống con người mọi nơi, mọi lúc, mọi thời khắc, mọi hoàn cảnh, trong mọi tình huống vui buồn của thế nhân.

Trong ý nghĩa ấy, nhân dịp xuân về Tết đến, Nguyễn Thủy Nam và các anh, chị, em trong Chương Trình Đêm Thơ của ĐPT Tiếng Nước Tôi Úc Châu xin mời quý thính giả thân thương, cùng dạo bước qua vườn thơ muôn màu của trăm loài hoa cỏ, nở rộ khắp chốn đất trời, mừng đón chúa xuân; đồng thời, Đêm Thơ hôm nay cũng muốn thân ái trao tặng đến quý vị, một bó hoa tươi thắm, đầy hương sắc, để thay cho một lời chúc tụng nồng nàn, gửi đến với quý vị trong những ngày đầu xuân mới...

Nếu người xưa chia bông hoa ra làm nhiều hạng: nào là vương giả chi hoa như hoa lan, hoa quỳnh; phú hào chi hoa như hoa thược dược, hoa mẫu đơn, hoa hồng, hoa đào; quân tử chi hoa như hoa sen, hoa mai, hoa cúc và dân dã chi hoa như bông vạn thọ, bông sim, bông lài, bông trang, bông súng... thì trong kho tàng thi văn nhân loại nói chung và của VN nói riêng, chắc hẳn chúng ta đã hơn một lần thưởng thức, say sưa với những loài hoa

tươi thắm đó, qua những vần thơ, điệu nhạc, kết hợp thành một lăng hoa lung linh, rực rỡ muôn hồng nghìn tía, luôn cần mẫn và lặng lẽ, dâng biết bao hương sắc cho đời.

Trước hết, xin mời quý vị thông dong dạo bước bên những ao hồ quen thuộc của đất nước VN, từ bắc chí nam, qua miền thùy dương thơ mộng, bạn có thấy chẳng: khi sắc xuân vừa nhạt phai và khi nắng hạ đang nồng nàn, nhuộm vàng lên cảnh vật, thì những **búp sen nho nhỏ**, thanh tú đã từ từ nhô lên giữa muôn trùng sóng nước hồ xanh, lặng lẽ tỏa hương thơm tinh khiết, phô màu sắc dịu dàng tươi thắm cho đời:

Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh bông trắng lại chen nhụy vàng.
Nhụy vàng bông trắng lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.
(Ca dao)

Bành Ngọc Xuân còn muốn so sánh bông sen tinh khiết bình dị kia với công phu tu học lễ đạo nhiệm màu:

Hồng hồng bạch bạch thùy trung liên
Xuất tự nê trung sắc chuyển tiên.
Hành trực ngẫu không bông hựu thực
Tu hành diệu lý khắp như nhiên.

Nguyễn Thủy Nam dịch ra như sau:
Sen hồng sen trắng nở trên hồ
Nhú từ bùn tanh sắc thắm phô.
Ngành thẳng, ngó không, gương khảm hạt

Tu hành lễ đạo khác chi mô!

Ngày xuân tháng Tết, đất nước VN thân yêu
của chúng ta không thể thiếu mai đào:
Ta thấy xuân nồng thắm khắp nơi
Trên đường rộn rã tiếng đua cười.
Động lòng nhớ bạn xuân năm ấy
Cùng ngắm xuân về trên khóm mai.
(Thế Lữ - Giây phút chạnh lòng)

Và:
Xuân về em có về không
Nhành mai cổ quận nở bông diêu kỳ.
(Bùi Giáng)

Nhưng đối với Mãn Giác thiền sư đời Lý, thì **hoa mai** không chỉ đơn thuần là một cảnh hoa xuân: hoa mai trong bài kệ của thiền sư, còn màu nhiệm, còn ý vị triết lý hơn, vì nhành mai nở muộn trong tiết xuân kia, theo thiền sư, chính là sự chứng đắc, liễu ngộ được cái bản lai diện mục, cái Phật tâm của những bậc tu hành:

Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.

Ngô Tất Tố đã dịch ra như sau:
Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai.

Xuân tượng trưng của Miền Nam VN vàng tươi hương sắc bông mai, thì biểu tượng xuân Miền Bắc VN rực rỡ, nồng nàn thắm sắc **hoa đào**:

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua.
Và:
Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa.
Bao nhiêu người năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?
(Vũ Đình Liên - Ông đồ)

Hoa đào thường được những chàng thi sĩ trẻ tuổi, đa tình ví von với những nàng xuân nữ xinh tươi, như bài thơ sau đây của thi nhân đời Đường Thôi Hộ:

Khứ niên kim nhật thử môn trung
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng.
Nhân diện bất tri hà xứ khứ,
Đào hoa y cựu tiếu đông phong.
(Đề tích sở kiến xứ)

Mà Nguyễn Du đã dịch thoát 2 câu thơ sau trong Tác phẩm Đoạn Trường Tân Thanh, một cách tài tình đầy sáng tạo:
Trước sau nào thấy bóng người
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.

Với Nguyễn Trãi thì hương sắc hoa đào tươi thắm luôn tô điểm, làm sống động rực rỡ nẻo xuân vui:

Một đoá hoa đào khéo tốt tươi
Cách xuân môn mơn mởn thấy xuân cười.
Đông phong ắt có tình hay nữa
Kín tiền mùi hương dễ động người.
(Hoa đào)

Với Cao Bá Quát, thì hoa với thi nhân luôn dịu dàng, thiết tha như một thoáng hương bay từ một chút tình tri kỷ:

Tình khách băng khuâng mấy dặm trường
Mai tàn sen đã ngát mùi hương.
Màu thu vườn cũ nay sao nhĩ
Hoa lạnh nơi này đã cột sương.
(Hoài cảm)

Nếu nhạc sĩ Trịnh Công Sơn tỏ ra tâm đắc với hương đêm dịu dàng, quyến rũ của một **đóa quỳnh hoa** thì với Nguyễn Đăng Trinh, hoa quỳnh nở muộn trong vườn sương, thiết thân như 1 mối chia sẻ chân tình, với biết bao ấm lạnh, thay đổi, mất còn của tình người, của thế nhân:

Nửa đêm hoa quỳnh nở
Gửi chút hương cho đời...
Nửa đêm em làm vợ
Sưởi chút ấm cho tôi!
Sáng ra hương tan mất
Sáng ra tình pha phôi.
Đời người hư hay thực
Thoáng hương em đâu rồi?
(Hương quỳnh)

Người đời thường nói: **bông phù dung** sớm nở tối tàn. Như vậy, hoa phù dung là tượng trưng cho cái đẹp mong manh, dễ vỡ, dễ thay đổi, dễ tàn phai... như nhà thơ Đặng Thanh Hương đã quan niệm:

Ru em câu hát ngày xưa
Đóa phù dung hồi bấy giờ nơi đâu?
Mười năm câu hát còn đau,
Vườn xưa hoa vắng, lá nhàu bước chân.
Người đi húng gió bụi trần
Cây phù dung đã mấy lần ra hoa
Em về nhật tháng ngày xa,
Nhật luôn câu hát ươm qua nỗi buồn...
(Hoa phù dung)

Và, những cánh **bông phượng** tươi thắm, nở đỏ rực cả một góc trời hè, khắp mọi miền đất nước VN. Phượng nở vào đầu mùa hạ, cũng là mùa thi cử, và cũng là thời điểm bắt đầu cho 3 tháng nghỉ hè sôi nổi, rong chơi sau một thời gian dài miệt mài học tập. Do đó, loài hoa tươi thắm này còn mang một cái tên rất hiền hòa, rất dễ thương:

"Hoa học trò"
Gửi em chùm bông phượng nhỏ
Lửa cháy từ mặt trời hè
Tháng sáu vui buồn thi cử
Sân trường vang rộn tiếng ve...
Và:
Phượng nở đầu mùa ly biệt
Nghiêng nghiêng vành nón học trò
Trên mái tóc thề xanh mượt
Và xanh, xanh thắm trời mơ...
(Nguyễn Thủy Nam: Chùm bông phượng trong trí nhớ)
Hay:
Chợt nhớ triền miên khúc nhạc ve,
Trời xanh thăm thẳm gọi trưa hè
Gió nam thổi dạt cành bông phượng,
Sông một dòng xuôi chẳng trở về.

Thành phố bừng lên vạt nắng hồng
Muôn nghìn lửa hạ nở tươi bông.
Hoa kia tô thắm màu môi lụa,
Tà áo qua sông còn ngai ngừng?
(Nguyễn Thủy Nam: Thành phố bông phượng đỏ và nỗi nhớ)
Ta còn thấy hoa phượng bay lãng đãng, phiêu du với ngày tháng, với một chút tình si; khi tha thiết, đắm say khi ưu phiền, nặng lòng ly

biệt, nhưng bao giờ cũng êm ái, dịu dàng, với niềm vui nỗi buồn tuổi học trò:
Hoa rong chơi từ thu năm ngoái
Hôm nay nghe phố gọi rủ nhau về.
Gió đã mờ, nắng đã vàng đã chín,
Hồn đã say, chân đã bước định ninh.
Trong ngất ngây ai cuối phố đợi mình,
Ai hát nữa, điều gì thao thức lạ,
Hoa khờ dại cháy mình trưa nắng hạ
Đề thu về tan tác cả lòng ai?
(Nguyễn Thị Hoài Thanh: Hoa Phượng)

Chắc các bạn đã không quên tâm tình tha thiết của chàng trai trên lối về quê cũ, thấy lòng băng khuâng bên những rặng đào, ươm nở màu xuân và dưới giàn **tường vi** xưa, luôn vang vọng những điệu buồn chia phôi, ly biệt qua bài hát Cô Láng giềng của Hoàng Quý, thì với Xuân Quỳnh, những đóa tường vi nhiều màu sắc ấy, đã theo nhà thơ, đi cho hết một mùa trăng thơ dại, qua những ngày tháng thẳng thẳm, lao đao, trôi nổi của phận người:

Trắng với hồng và tím tím nhạt
Tựa màu mây phiêu lãng cuối trời xa,
Hoa tường vi như thực như mơ
Cùng tôi sống một thời thơ dại...

Hoa phảng phất mối tình trong truyện cổ
Mang lỡ lầm oan ức đã xa xôi
Hoa tường vi thời trẻ dại của tôi
Bên mái rạ một mảnh vườn hẻo lánh...
Tôi có hoa bè bạn bên mình
Hoa hiểu cả những điều tôi chẳng nói.

Tôi đã qua bao thác ghềnh đá núi,
Qua thời gian, tóc thoáng sợi màu mưa
Hoa tường vi của những ngày xưa
Tôi vẫn nhớ một màu mây phiêu lãng...
(Hoa Tường vi)

Có một loài hoa mang 2 tên gọi khác nhau: miền Bắc thì là **hoa đại**, miền nam bình dân hơn, có tên là bông sứ... Loài hoa quen thuộc nơi đình miếu, chùa chiền vô cùng dân dã ấy, ai có ngờ đâu, đó là một loài hoa vương giả, cao sang vì gốc gác tên gọi của hoa này, là tên của cả một dân tộc, từng bao phen nổi tiếng oai hùng trong lịch sử: Champa, loài hoa thiêng biểu tượng của

muôn xưa đất nước Chiêm Thành:

Em thở thơm tho lượng đất trời
Mắt môi ngời ngời nét xuân tươi.
Vườn hương rực sáng em như ngọc,
Cành lá giao hòa nhịp gió vui.

Năm cánh tinh khôi mượt lụa là
Vàng tươi sắc động giữa bông hoa.
Xanh um tằng lá lùa sương biếc,
Mây tím chơi vơi bóng nguyệt tà...
Và:

Đơn sơ năm cánh dáng hoa hiền
Hương nhẹ âm thầm nở giữa đêm.
Nhắn gửi xa xôi về xứ tuyết:
An nhàn sinh nhật, giấc mơ tiên...
(Nguyễn Thùy Nam: Plumeria)

Cũng những cánh **bông sứ** tỏa hương thơm
địu dịu êm đêm ấy, nhà thơ còn muốn ngụ ý
kín đáo, qua những nét tâm tình đậm nhạt,
vui buồn của thể nhân:

Vườn nhạt nắng chiều mây trắng bay,
Gió đưa bông sứ rụng... rơi đầy.
Hoa kia dành tặng người tri kỷ
Hương thoảng dài lâu, chớ nhạt phai!
(Nguyễn Thùy Nam: Bông sứ Úc Châu 1)

Và:
Ô kia! Bông sứ rụng
Thoang thoang chút tình thơ,
Hương bay tràn cõi mộng
Buồn vui cũng nhạt nhòa!

Ô hay! Đường xa ngái
Bông rụng vào hư vô...
Hương phai tàn cõi mộng
Tàn cả chút tình thơ!

Tim nhạt bông sứ rụng
Nao nề lòng biển dâu!
Nghìn xưa ru cõi mộng,
Hương thừa bay về đâu?
(Nguyễn Thùy Nam: Bông sứ Úc Châu 2)

Những bài thơ trích dẫn bên": Plumeria, Bông Sứ Úc Châu 1 & 2..." là những bài thơ Nguyễn Thùy Nam dành tặng cô Trương Kim Anh ở Na-uy. Cô là ái nữ của nhà chí sĩ Trương Bảo Sơn & nhà văn Nguyễn Thị Vinh; đồng thời, cũng là người bạn thân thiết Nguyễn Thùy Nam đã có

duyên gặp gỡ và kết giao trên đường hành hương đất Phật tại India, năm 2004.

Trong cuộc đời, rồi sẽ có ai đem lòng cảm thương cho một loài bông nhỏ, khiêm tốn nép mình trong khu vườn xưa, âm thầm nở bông giữa đêm trăng khuya khoắt, tỏa hương dịu dàng thơm mát. Và cũng như bông lài, bông sói, bông sen... **bông ngâu** thường được người ta ướp hương những chén trà xanh bốc khói, để sưởi ấm lòng nhau, trong những buổi sớm mai lạnh lạnh chớm đông về:

Những bông hoa nho nhỏ
Chỉ có chút hương đêm.
Ăn vào trong kẻ lá
Như môi tình lặng câm.

Vượt qua tháng, qua năm
Vượt qua đời, qua xuôi
Bỗng gặp một mùi hương...
Mùi hương không hẹn trước
Tình yêu đến bất ngờ.

Em đâu biết bao giờ
Mùa hoa ngâu ấy nở
Anh như cây đàn khóa
Sợi dây còn ngân vang.

Em đi hết lòng em
Lại gặp lời hát đó.
Hoa ngâu ở nơi nào
Em cũng không biết nữa
Em chỉ biết tình em
Như ngâu vàng vẫn nở.
(Xuân Quỳnh: Bao giờ Ngâu nở hoa)

Nói đến loài hoa **antigone** chúng ta không thể không nhớ đến huyền thoại thi ca TTKH. Nhớ đến TTKH không phải chỉ vì bà là nữ sĩ đầu tiên và độc nhất nhắc nhở đến loài hoa tim vỡ ấy mà còn vì giá trị nghệ thuật tuyệt vời của mấy bài thơ ít ỏi của bà: Hai sắc hoa Ti gôn, Bài thơ thứ nhất, Bài thơ đan áo & Bài thơ cuối cùng. Nhà thơ nữ với chân dung và hành trạng bí mật cũng như câu chuyện tình bi đát, thắm đẫm màu hoa máu ti gôn đã trở thành một huyền thoại thi ca VN, để lại trong lòng khách yêu thơ nhiều thế hệ, những nghi vấn bí ẩn trùng trùng, đã hơn 8 thập niên qua

chưa có lời giải đáp:

Người ấy thường hay ngắm lạnh lùng
Dải đường xa vút bóng chiều phong
Và phương trời thăm mờ sương cát
Tay vít giầy hoa trắng cạnh lòng.

Và:

Người ấy thường hay vuốt tóc tôi
Thở dài trong lúc thấy tôi vui
Bảo rằng hoa đáng như tim vỡ,
Anh sợ tình ta cũng thế thôi.

Hay:

Nếu biết rằng tôi đã lấy chồng
Trời ơi người ấy có buồn không/
Có thăm nghĩ đến loài hoa vỡ
Tựa trái tim phai, tựa máu hồng...

(TTKH: Hia sắc hoa Tì gôn)

Những bông **hoa sim tím**, tím ngắt trên đồi
quê, loài hoa đã gắn liền với tình yêu đầu đời,
phiêu lãng như một áng mây xa, mang theo
hạnh phúc phù du của chàng thi sĩ, với những
vần thơ đã làm say mê, thổn thức biết bao thế
hệ:

... Ngày xưa nàng yêu hoa sim tím

Nàng vá cho chồng chiếc áo ngày xưa...

Hay:

Những đồi hoa sim

Những đồi hoa sim

Tím cả chiều hoang biên biệt...

Nhìn áo rách vai

Tôi hát trong màu hoa:

Áo anh sứt chỉ đường tà

Vợ anh chết sớm mẹ già chưa khâu!

(Hữu Loan: Màu tím hoa Sim)

Người ta cũng đã bỏ nhiều công phu thuần
dưỡng một loại hoa rừng, để đem về phố thị
những cánh **hoa bằng lăng**, những cánh hoa
tím buồn rung rung trên phố hạ; hoa bằng
lăng kia mang vẻ đẹp mơ màng, hoang dại,
nhưng cũng không kém vẻ yêu kiều, tha
thướt, dễ làm say đắm và rung động lòng
người nơi phố thị ngược xuôi:

Góc phố nhỏ hoa bằng lăng đã nở

Tím ngắt một chiều, nắng hạ còn vương...

Sắc bằng lăng cuối mùa bằng bạc

Tóc chúng mình cũng phai theo thời gian...

Và:

Hoa bằng lăng sao tím lờ lờ

Nở hết cả góc trời nhưc nhối!

Cái thuở ban đầu bồi rối

Dại dột vin màu hoa thủy chung...

Đoạn đường ngắn kia đi chẳng tới cùng

Tình bé bỏng, bằng lăng hoa mỏng mảnh...

(Bùi Kim Anh; Bằng lăng)

Những mùa nước nổi chơi vơi, mênh mông
bát ngát giữa trời đất phương Nam, dân quê
miền Nam tìm hái những chùm **bông điên
điên**, đông đưa theo gió đồng chớm lạnh
đầu mùa, những chùm bông vàng hây hây,
vội vẻ đẹp đơn sơ, dân dã đó được người ta
chế biến thành những món ăn quê mùa, chất
phác, mang hơi hướm thân thương của biết
bao gió nội hương đồng:

Tôi biết có nồi canh điên điên

Cá bông lau, đậu bắp mỡ hành.

Em ngậm cái màu bông chín nòn

Thẹn thùng không nói được tiếng “Anh”

Bông điên điên trên sông xưa lắm

Mùa nước lên tôi nhớ Tháp Mười.

Bông điên điên trên sông vàng lắm

Tôi thả tình bèo dạt hoa trôi.

Và:

Bông điên điên trên sông xưa lắm

Em chèo ghe tôi hái trộm về

Trời giận nên làm con nước lớn

Lụt tháng mười em mất bến quê...

Đâu biết cả nồi điên điên luộc

Ăn thay cơm trên sóng thủy thần.

Em ngậm cái màu bằng nước mắt

Kỷ niệm buồn như một tiếng anh...

(Bùi Chí Vinh: Bông điên

điên)

Cũng là một loài hoa dại, cánh vàng ươm
rực rỡ, có mùi thơm đắng, ngai ngái, thoang
thoảng rất lâu trong nắng chiều; nhưng khác
với bông điên điên, **loài hoa dại** này chỉ
thích mọc trên những vùng cao nguyên đất
đỏ: Mộc Châu, Lâm Đồng, Pleiku, Ban Mê
Thuột...

Tóc em cài dải quỳ

Vàng hực nắng Ban Mê.

Suối ru lời tha thiết,

Gió diu bước em đi.

Đường về buồn xa lắm,

Chiều xuống trên đồi nương.

Sắc dã quỳ đầm thắm
Rực rỡ bóng hoàng hôn.
Và:
Con đường cài dã quỳ
Viền quanh bờ cỏ biếc,
Đề lòng ai da diết
Thơm chút tình Ban Mê...

Dáng xưa cài dã quỳ,
Dài xôn xao kỷ niệm,
Dài hơn năm tháng cũ,
Vội đất trời Ban Mê...
(Nguyễn Thủy Nam: Dã quỳ)

Đề kết thúc bài tiểu luận với chủ đề Thơ và
muôn Hoa, chúng ta hãy cùng chia sẻ mỗi
bâng khuâng, niềm bồi hồi, xúc cảm của Đỗ
Quý Toàn khi nhà thơ tình cờ chợt thấy một
cánh hoa báo xuân, nở lẻ loi bên đường, nơi
vùng đất tạm dung xa xôi:

Buổi sáng đứng chờ chuyến xe lửa,
Bỗng đưa mắt nhìn xuống bên đường:
Một nụ hoa vàng chói rực rỡ
Nhìn kỹ đúng là hoa Báo xuân.

Hoa báo xuân đầy ở làng mình,
Nơi đây chỉ có một bông lẻ,
Khép nép trong bụi cỏ rồi ren,
Bao người qua lại chẳng ai ngó!
(Gặp hoa Báo xuân trong thành phố)

Cánh hoa Báo xuân nở lặng lẽ, cô độc bên
đường, lẫn trong ngàn cây nội cỏ, chẳng ai
buồn ngó tới, phải chăng, cũng chính là thông
 điệp cho những mùa xuân hiu quạnh, nhạt
phai và lặng lẽ nơi xứ người, xui khiến khách
tha hương, ngẩn ngơ nhớ tiếc tới những mùa
xuân cũ, với muôn hồng nghìn tía, trăm hoa
đua nở, rộn ràng đón bước xuân sang... mà
giờ đây, chỉ còn là sương khói mông lung, chỉ
còn là dư âm kỷ niệm, lặng lẽ phôi pha trong
vùng ký ức ngậm ngùi:

Xứ người tuyết đổ lạnh lùng
Đón xuân hiu quạnh nát lòng hoài hương.
(Hà Huyền Chi: Xuân hiu quạnh)

Nguyễn Thủy Nam

Phác

Tuyết rắc như rải đường
Sợi tóc mềm bạc nhược
Lấp loá từng cơn

Mặt phố chưa kịp tron
Lào xào muối hạt vỡ
Chập chòn từng hơi thở
Éo uột bay lên
Hóa khói mờ

Cây thân tro
Con chim sâu
Nâu
Buồn rầu
Lích trích
Hát
Một mình

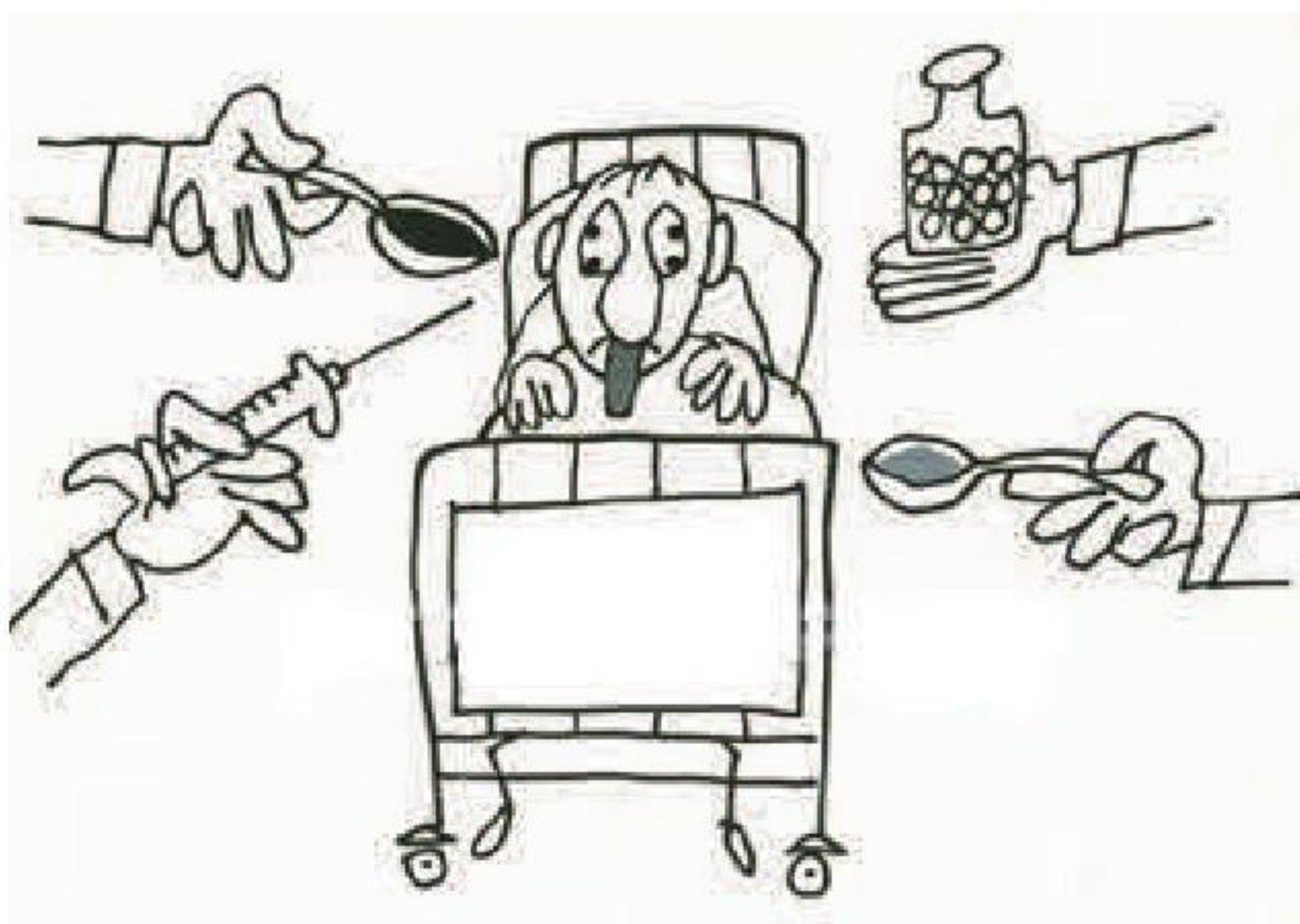
Tiếng cười con trẻ
Từ đâu ủa về
Tung tóe
Vỡ hoàng hôn

Cổ Ngư



Năm Rikshospitalet suy nghĩ lan man

Tâm Thanh



Tôi đã nhiều lần vào bệnh viện để thăm người bệnh hay viếng người chết; lần nào cũng mang cảm giác chán đời, ngao ngán. Trên đường từ bệnh viện về nhà, tôi thường thấy không chuyện gì trên đời cần tranh giành, không báu vật nào nên bám víu, không địa vị nào đáng cầu cạnh. Lần này, một ngày tháng 11 (tháng mà người Na-uy thường lên rừng hái thạch thảo về đặt trên mộ người thân), tôi vào bệnh viện Rikshospitalet, để khám bệnh! Khám... lớn, hẳn nửa ngày, nên tôi có dịp cảm nghiệm khá nhiều. Lần này là cảm nghiệm mới, không phải cái bi quan cố hữu. Tôi thấy một khía cạnh hoàn toàn mới mẻ về bệnh viện, về nhân viên y tế Na-uy. Về một nền văn minh mà tôi hân hạnh sống trên 30 năm!

Giấy gọi ghi 8g30, nhưng tôi tới vào lúc 7g30, vì sợ trễ hẹn. Cửa chính của khu C6

khép mở liên tục cho nhân viên qua lại. Ai là bác sĩ, ai là y tá, ai là y công, ai là nhân viên hành chánh, tôi không thể phân biệt qua vẻ mặt, tuổi tác hay y phục thường. Họ điem nhiên vào phòng làm việc sau một đêm ngủ an lành hay trần trọc, tạm quên những giấc mộng riêng tư, thay đồ, khoác lên bộ đồng phục nghề nghiệp, mỗi người bắt tay vào phận vụ mình. Tôi chờ đợi sẽ được gọi đúng giờ, nhưng trước nửa tiếng, một bà y tá (người Á châu) đã tiếp tôi và hướng dẫn vào phòng nằm. Đúng giờ, một bà khác vào bắt tay tôi, tự giới thiệu tên, đưa cho tôi cái áo màu lam sòn mòng nhưng giặt ủi thẳng nếp, bảo tôi thay, 10 phút sau bà sẽ trở lại. "Ồm quá!" vợ tôi nói, tôi quen nghe nàng vẫn nói như vậy, nhưng lần này tôi chạnh lòng. Chưa tới 10 phút "bà nâng áo" trở lại và tôi mới biết bà là bác sĩ. Bà hỏi hôm nay tôi có ăn gì không (tôi được chỉ thị nhịn ăn), có bệnh nào

khác ngoài bệnh hôm nay khám không, đi tới đây bằng gì v.v. Sau đó bà "briefing" các việc sẽ làm hôm nay, và bảo tôi không được lái xe về, vân vân. Bà nói ôn tồn, mạch lạc, lấy ngón tay nhấn vào nhiều chỗ trên cánh tay tôi và tỏ vẻ ái ngại khi thấy mạch máu của tôi ẩn sâu, khó chích kim. Bà ghi chép xong, đi ra thì bà y tá Á đông đẩy cái bàn lăn tới lấy máu. Bà chích ba phát không trúng mạch, xin lỗi và bỏ đi ra. Bộ điệu bối rối của bà khiến tôi đoán bà đầu hàng và đi tìm cứu viện. Quả nhiên, hơi lâu sau, một cô y tá thứ nhì, người Tây, tới thọc hai mũi đầu vân trật lất. Tôi có một cái mạch "quen", tuy chìm nhưng mỗi lần nhân viên phòng thí nghiệm chích là trúng liền; tôi ngửa miệng định chỉ chỗ, nhưng kịp thời nghĩ lại nói vậy chẳng khác gì dạy thuốc cho bác sĩ. May mắn, phát thứ ba trúng. Nhưng tôi ngạc nhiên hết sức khi làm xong, cô không rút kim ra, mà cột chặt nó vào cánh tay tôi và vặn rô-bi-nê bít lại! Nhiều phút sau một cô thứ ba xinh lắm, tới, cũng bắt tay, xưng tên và chức vụ y tá, nói lát nữa sẽ có người tới đẩy tôi xuống dưới. "Dưới đó chắc là âm phủ," tôi nói đùa cho vợ bớt lo. Cô y tá xinh đi một lúc thì trở lại với một ông đẹp trai, tóc kết kiểu Phi châu, có thể là gốc Phi. Cô giới thiệu tên ông và nhiệm vụ là đẩy xe tôi xuống Gastrolab. Tôi nói tôi chưa sẵn sàng. "Sao vậy?" cô hỏi. Tôi nói chích thuốc mê rồi mà tôi tỉnh queo. Cô cười nói xuống dưới đó mới chích thuốc mê. Tôi nói tiếng Việt với vợ ở lại, "Dưới đó không cần thuốc mê, chỉ có Cháo Lú." Tới nơi, tôi cảm ơn người đẩy giường, ông đáp lại một cách lịch sự, với chút tự hào nghề nghiệp. Những câu trao đổi và chào hỏi ngắn mà ân cần, thủ tục tuy hơi rườm rà, nhiều "công đoạn", nhưng tất cả tạo cho tôi cảm giác an toàn. Cô y tá thứ tư, cũng xinh, tiếp tôi trong phòng khám gồ ghề máy móc. Cô sửa lại mền cho tôi, bảo tôi nằm nghiêng về bên trái. Cô đặt tay lên vai tôi, nhấn nhẹ và nói "Ông chờ chút, bác sĩ đang đọc hồ sơ của ông". Nói xong cô cho tôi ngậm một cái ống ngắn, bảo "Đề thọc ống rọi" cô nói và chỉ vào sợi dây to thù lù bằng ngón tay, đen thui. Tôi hơi ngán, nhưng ông bác sĩ đã xuất hiện, bắt tay, cười tươi, lặp lại vài câu, đại khái như cô y tá đẹp vừa nói. Chẳng biết ai ra tay, nhưng tôi biết tôi được chích thuốc mê rồi thẳng luôn. "Ông tỉnh lại

rồi hả?" một giọng từ nơi xa xăm, nhưng gương mặt lơ mơ quen – bà bác sĩ "nâng áo". Tôi định hỏi "Bắt đầu chưa?" thì lại chìm vào giấc ngủ tiếp. Khi tôi tỉnh lại thì vợ cho tôi biết từ khi được đẩy lên phòng, tôi tiếp tục ngủ hơn hai tiếng đồng hồ, trong thời gian đó bác sĩ và y tá có vẻ rất lo ngại, họ vô nước biển cho tôi. Riêng nàng khi nhìn tôi ngủ như chết, có những ý nghĩ linh tinh, tôi không cần kể ra đây. Khi được báo là tôi tỉnh, ông bác sĩ dưới Gastrolab chạy sparkesykkel ("xe đá") tới báo cáo kết quả tạm. Tôi thấy nét mặt ông thân thiện, giọng hồn hên của ông biểu hiện sự quan tâm, tận tụy với bệnh nhân và ông có khả năng chuyên môn đáng tin cậy.

Đau ở đâu trong người, ta cũng tưởng cái rồn vũ trụ đau, bây giờ tôi bình tĩnh hơn và hiểu y tế có những thủ tục riêng, nhằm phục vụ tốt cho mọi người theo nhu cầu, theo một ưu tiên khách quan. Một thí dụ gần gũi về thủ tục nhập viện công bằng của Na-uy xảy ra ngay trong gia đình tôi. Cách đây vài năm vợ tôi tự nhiên đi cầu ra máu, thế là chẳng cần yêu cầu, lập tức nàng – con người sợ bệnh viện và lấy máu – được đưa vào bệnh viện ngay. Lần này dù tôi đau bụng tới mảy mắt, nhưng phân không có máu, thân nhiệt 37,6 C, tôi không đủ tiêu chuẩn nhập viện. May mắn, bác sĩ cố định của tôi đã từ tốn, nhưng hữu hiệu, khoa học, từng bước để tôi được chữa trị: thử phân, thử máu, gửi đi chụp CT. Khi hình CT cho thấy những dấu hiệu đáng ngại, cô mới gửi thư giới thiệu đi Rikshospitalet. Rõ ràng là thẩm quyền nghề nghiệp đã được phân phối hợp lý: khi bác sĩ cố định đủ yếu tố để xếp bệnh nhân vào hàng ưu tiên khám nghiệm thì bệnh viện nhận. Bù lại, muốn sự giới thiệu của mình có hiệu nghiệm, đề nghị được lắng nghe, tất nhiên bác sĩ cố định không được giới thiệu tùy hứng, không được quan trọng hóa trường hợp bệnh nhân của mình. Sự tin cậy giữa bác sĩ và bệnh viện không dựa trên quen biết và cảm tính, mà theo những nguyên tắc nào đó (tôi không biết, nhưng chắc chắn phải có).

Những lần trước vào bệnh viện Na-uy tôi "tiếp cận" với chuyện sinh lão bệnh tử.

Lần này tôi tiếp cận với một nền văn minh. Một nền văn minh gần như huyền thoại – lương y như từ mẫu. Tôi cố ý tránh hai chữ "tình người", hai chữ mà khi nói tới lòng tốt và cư xử của nhân viên bệnh viện, rất dễ bị cảm dỗ dùng. Hai chữ tình người đẹp đẽ đã thành nhảm chán, hơn nữa gần như nguy hiểm. Nguy hiểm vì người ta tưởng nhân viên bệnh viện tử tế là vì họ bố thí tình cảm. Và bố thí là việc tùy hứng, ông bà tốt với tôi thì tôi mang ơn, cộc cằn với tôi thì tôi chịu. Nhưng nhân viên y tế Na-uy khác, tôi cảm thấy họ tử tế vì văn minh. Văn minh thấm nhuần vào tác phong; một người hấp thụ nền văn minh nào thì tự động ứng xử theo nền văn minh đó. Khuôn mẫu tác phong đạo đức của một nhân viên y tế không do mỗi người tự bên tự diễn (dưới danh nghĩa tình người) mà nằm trong bài bản rõ rệt. Khi thấy tất cả nhân viên y tế tôi gặp hôm nay (khoảng 10 người, từ người phụ đầy giường tới y sĩ chuyên khoa) đều hành xử văn minh như nhau, tôi hiểu họ được huấn luyện cùng một bài bản, mà những xã hội văn minh như Na-uy mới có, và chỉ những cá nhân có căn cơ mới hấp thụ được.

Bây giờ tôi mới hiểu tại sao nhiều thanh niên thiếu nữ có lý tưởng đã chọn nghề y tá, y sĩ. Xứng đáng được "on gọi" này là những người không tham tiền bạc hay danh vọng, mà hiểu thầy thuốc là nghề phục vụ cái quý giá nhất trên đời – sức khỏe. Sức khỏe, theo quan niệm y khoa tự cổ chí kim, là sự hài hòa quân bình của tâm và thân (psyke og soma). Chỉ kê toa cho thuốc hay mổ xẻ thân xác, mà không an ủi nâng đỡ tâm thần bệnh nhân bằng tấm lòng lương y như từ mẫu, là chưa hoàn thành thiên chức. Chưa kể việc điều trị miễn phí sau này, chỉ cần đi khám bệnh tôi đã nhận ra mình có điểm phúc sống trong một xã hội mà những người thực sự hành xử theo thiên chức ấy chiếm số đông. Văn minh tạo nên họ và họ tạo ra văn minh.

Tâm Thanh

Trên bãi

Tôi bơi về hướng mặt trời
Đường nắng mở ra sáng loá
Núi chồng lên núi
Đảo ôm choàng lấy nhau
Rất lạ
Tôi ôm trọn lấy một ngày
Chợt nhận ra
Đêm hôm trước
Đã xa

Dấu cát lồi
Vết chân người
Chân chim, chân dã tràng
Chân sóng
Cứ đè chồng lên nhau, xoá lấp
Chỉ có cát
Ở lại
Mịn màng
Chờ được vuốt ve

Tôi bơi về hướng em
Trăm chiều tóc xoắn
Mùa hạ lung chừng trời
Thả xuống
Môi ngon

Nha Trang



Đôi lời tâm tình - Nguồn thơ suối nhạc



Là người Việt Nam, không một ai trong chúng ta có thể phủ nhận được một điều là tiếng Việt hay, đẹp, hàm súc và phong phú. Từ đó chúng ta cũng không ngạc nhiên gì khi trong kho tàng văn chương, đặc biệt thi ca Việt Nam từ cổ chí kim đã cho ra đời nhiều tác phẩm có giá trị văn học và nghệ thuật. Điển hình và nổi bật nhất là tuyệt tác phẩm của thi hào Nguyễn Du. Hơn thế nữa trong tiếng Việt, qua sáu dấu giọng thật độc đáo như : **ma, má, mà, mả, mã, mạ**, mà khi chúng ta chỉ cần đọc qua cũng đã nghe thấy được những thanh âm trầm bổng như các nốt nhạc. Thật vậy âm nhạc chính là những âm thanh mà thính giác của chúng ta tiếp thu và cảm nhận được, hoặc hơn thế nữa chính con tim của chúng ta cũng dễ rung động với những âm thanh, nhạc điệu trong âm nhạc. Từ đó để chúng ta thấy rằng trong lời thơ được diễn tả qua tiếng Việt của các thi sĩ ít nhiều cũng đã có sẵn nhạc tính. Cụ thể là trong nền âm nhạc Việt Nam, đã có không biết bao nhiêu là thi phẩm đã được phổ thành ca khúc.

Theo bước trên con đường nghệ thuật đó, tôi đã có cơ duyên và vinh hạnh được quen biết một số thi sĩ như Dương Kiên, Phạm Ngọc, Nhượng Thu, Miên Du, Trường Đình, Đăng Trình, Nguyễn văn Cường v.v... Với tâm hồn nhạy cảm, tràn đầy những ý tưởng, cùng biết bao cảm xúc, rung động từ con tim, những thi sĩ nói trên đã khéo vận dụng các ngôn từ phong phú, bóng bảy trong tiếng Việt để diễn đạt những tâm tư, tình cảm riêng của mình qua lời thơ. Nguồn thơ của họ như dòng nước chảy miên man, gần như không bao giờ dừng lại, tựa như dòng suối mát thật ngọt ngào... Thật ra tôi chỉ là người lữ khách dọc đường, đã may mắn và hạnh phúc mỗi khi có dịp đi dạo dọc theo những con suối thơ đó..., rồi chính những lúc dừng lại, ngồi nghỉ chân mới chợt khám phá ra rằng dưới chân mình là dòng suối thơ tươi mát với những âm thanh

trầm bổng, có lúc rì rào, có lúc du dương, nhẹ nhàng trôi..., rồi khi tâm hồn thật lắng đọng, những sóng âm thanh tuyệt diệu có sức thâm nhập, thẩm thấu vào từng tế bào để rồi ru hồn lữ khách ngất ngây theo từng lời thơ, rồi dòng suối thơ cùng hòa mình, rung động theo từng hơi thở, từng nhịp đập của con tim người lữ khách để dần dần, nhẹ nhàng trở thành suối nhạc du dương, tuyệt vời. Thật hạnh phúc khi dòng suối thơ đã được giao duyên cùng dòng suối nhạc, hòa nhịp chảy theo dòng đời miên man.

Rì rào dòng suối thơ

Du dương dòng suối nhạc

Hòa trôi theo dòng đời

Hạnh phúc thơ, nhạc, đời...

Ca khúc được hình thành từ những dòng thơ tinh hoa vẫn chưa đủ để chấp cánh bay cao. Muốn được vẹn toàn, ca khúc cần có sự góp sức của nhạc sĩ hòa âm phối khí có tài năng và lòng nhiệt tâm, sau hết là giọng hát truyền cảm của ca sĩ để chuyển tải lời thơ ý nhạc đến thính giả thưởng thức.

Ghi lại đôi dòng này như một kỷ niệm văn nghệ, một lời cảm tạ chân tình đến các thi sĩ thân quen như Dương Kiên, Phạm Ngọc, Nhượng Thu, Miên Du, Trường Đình, Đăng Trình, Nguyễn văn Cường v.v..., các nhạc sĩ hòa âm phối khí như Quốc Dũng, Quang Đạt, Hải Phương, Phạm Kiên Hoài, Tuấn Khanh v.v... cùng các ca sĩ như Bảo Yến, Quỳnh Lan, Khắc Dũng, Hoàng Quân, Diệu Hiền, Cam Thơ v.v...

Sau hết tôi cũng không quên một số bạn đồng môn cùng khóa, thân nhân và thân hữu xa gần vẫn luôn là những thính giả thân tình quen thuộc, sau khi nghe nhạc đã chuyển lại những phản hồi thật khích lệ. Từ đó mà tôi vẫn còn giữ được nguồn cảm hứng sáng tác cho đến ngày hôm nay. Xin ngàn lần đa tạ.

Bergen, mùa thu 2012
Trần Thụy Minh

Trên công trường Annette Thommessen

Đoàn Mai Tâm



Thời gian gần đây, chính phủ Na-uy khuyến khích người dân sử dụng xe đạp trong phố để tránh ô nhiễm môi sinh, nên cả một hệ thống đường dành cho xe đạp chằng chịt đang được hình thành. Nhìn những con đường mới dành riêng cho xe đạp gần nhà uốn lượn qua công viên, qua những lạch nước bằng những cây cầu gỗ xinh xắn, trong ngày đầu mùa hè hấp dẫn, bỗng dung tôi nổi hứng, dự vợ cùng đạp xe vào phố. Đây là lần đầu vào phố bằng xe đạp, nên tôi chịu ngay đề nghị của vợ xin làm hướng dẫn viên, vì nàng đã lần mò tự tìm đường đạp xe vào phố mấy lần rồi.

Tôi đạp xe theo sau nàng qua những tên vùng quen thuộc, nhưng lại có quá nhiều sự thay đổi bằng những con đường mới, công viên mới, thỉnh thoảng có cả khu nhà mới. Vừa đạp xe, chúng tôi vừa mãi mê nhìn cảnh vật nên càng gần tới trung tâm thành phố Oslo, chúng tôi đạp càng chậm. Cho đến khi, chúng tôi đạp xe dọc theo những khối đá xanh

vuông vức trải dài hơn chục mét và xếp chồng chất lên nhau, khắc hàng chữ Annette Thommessen Plass, tên của một người đàn bà tôi từng quen biết lúc sinh thời được đặt cho cái công trường vừa hoàn thành, đã khiến chúng tôi dừng hẳn lại.

Khóa hai chiếc xe vào chỗ dành riêng cho xe đạp, chúng tôi dạo quanh công trường trên những phiến đá màu nâu nhạt trước những bức tường kính của những biệt thự cũng mới vừa được hoàn thành. Nằm ngang công trường là đoạn chuyển tiếp gồm những bậc tam cấp rộng chừng hơn bốn mét dẫn lên cây cầu treo dành cho khách bộ hành cũng với bề rộng tương tự cùng với những chỗ cho khách đứng ngắm cảnh bên thành cầu. Cây cầu treo ở độ cao chừng hơn năm chục mét, bắc ngang qua hẻm mấy chục đường xe lửa nằm song song với nhau phía dưới, để nối liền với khu nhà cao tầng đang xây và nhạc viện danh tiếng Opera xây lấn trên mặt biển về phía đông thành phố vừa được khánh thành.

Đi trên cầu, nhìn theo các đường tàu về hướng nhà ga trung ương, tôi nhớ đã có lần bà Annette Thommessen đưa tôi đến đó và mua cho tôi một vé tàu đêm về thành phố dầu hỏa Stavanger để tìm việc làm theo nguyện vọng của tôi, dù lúc ấy, tôi chưa học hết số giờ tiếng Na-uy bắt buộc dành cho người tỵ nạn. Và trong lúc đi lên, đi xuống trên đoạn chuyển tiếp giữa công trường với cây cầu treo, tôi nhớ đến lần đầu tiên bà Annette Thommessen dẫn tôi dạo chơi trên đài trượt ski Holmenkollen cũng với những bậc tam cấp tương tự. Ngồi lại trên công trường trong buổi chiều đầy nắng giữa dòng người qua lại, ngắm nhìn từng nét chữ tên của bà Annette Thommessen vắt từ bề mặt khối đá này sang bề mặt khối đá kia, tôi thấy bà cùng với những người công dân tiêu biểu khác của đất nước này, mà tôi đã được gặp trên bước đường vượt thoát khỏi «thiên đường cộng sản» hiện đang có mặt.

Như Ông Tor, người đầu tiên dạy cho chúng tôi biết về quê hương mới qua mấy giờ học tiếng Na-uy ở trại tỵ nạn Bataan, một vùng quê hẻo lánh nước Phi Luật Tân. Chúng tôi học được qua bài ông dạy thì ít, do trở ngại ngôn ngữ, nhưng học qua nhân cách của ông về một người Na-uy, tính tình hiền lành, kỷ luật tự giác thì nhiều. Ông thường mang theo vào lớp các tờ báo Aftenposten, Dagbladet mà ông vừa nhận được từ Na-uy chỉ cho chúng tôi xem những hình ảnh thời sự đang xảy ra ở Na-uy với cả địa danh, bên giờ học tiếng Na-uy khô khan thành vui thú. Lớp học, dù chúng tôi có đến trễ về sớm, thì ông vẫn cứ đến sớm để chuẩn bị và ra về đúng giờ. Ông chuẩn bị không chỉ bài vở, mà cả đến việc còn con như lau bảng, kê bàn ghế lại cho ngay, thậm chí ông còn la cà đến chỗ chúng tôi ở nhắc đi học cách khéo léo bằng những chuyện vui đùa rất tinh tế.

Ngoài giờ học tiếng Na-uy, thỉnh thoảng chúng tôi còn được ông Tor hướng dẫn ông Đại Sứ Na-uy từ Manila cách xa hằng mấy trăm cây số đến thăm. Mỗi lần ông Đại Sứ đến, chúng tôi thường nhờ ông gửi thư cho thân nhân giùm, vì tiền gửi một cái thư đi nước ngoài rất đắt, mà bây giờ làm gì chúng tôi có tiền. Có lần ông Đại Sứ rời trại, nhân viên của ông mang theo cả bao năm mươi cân

thư. Không những thế, ông Đại Sứ còn nghỉ nhận những nhu cầu dù rất nhỏ như trái bóng đá, bóng chuyền cho thiếu niên, và nhờ người mua chuyển vào cho chúng.

Thời gian trôi, chừng hơn sáu tháng, vào một buổi chiều, sau khi ông Tor rời lớp học trở về nơi ở của mình nằm trong khu dành riêng cho nhân viên, thỉnh linh, ông nhận được danh sách đi định cư của chúng tôi gửi đến cho ông. Ông vội vàng quay ngược lại lớp học, mặc dù khoảng cách giữa hai nơi khá xa với người đi bộ. Khi ông Tor còn cách khu chúng tôi một quãng, vài người đã nhận ra dấu hiệu vui mừng ông bày tỏ và chúng tôi ủa ra sân vây quanh ông. Ông Tor buông bản danh sách ra cho chúng tôi chuyển tay nhau xúm lại xem như ngày xưa tôi dành xem kết quả thi tú tài với các bạn vậy. Theo danh sách, chúng tôi được chia ra đi định cư làm hai đợt, tôi thuộc đợt hai, vào ngày hai mươi lăm tháng ba năm tám mươi hai.

Qua hai lần đổi phi cơ với hơn hai chục giờ bay kể cả thời gian đáp, cất cánh và chờ đợi ở các phi trường trung gian, chúng tôi đến được phi trường Fornebu bằng chiếc phi cơ DC 10. Lúc ấy vào khoảng 10 giờ sáng, tuyết lẫn trong gió bay mù mịt bầu trời, xe ủi tuyết xuôi ngược cào tuyết trên đường băng vừa đủ chỗ cho phi cơ hạ cánh. Lần đầu được nhìn tuyết tôi cũng thích, nhưng trong lòng không khỏi ngao ngán, vì từ nay cuộc đời mình gắn liền với một đất nước có thời tiết khắc nghiệt như thế này.

Rời lòng phi cơ, chúng tôi chạy vội về hướng cửa kính đang hé mở. Ở đó, người đứng giữ cửa kính chờ đón chúng tôi ở bên trong là một người Việt, người Việt đầu tiên tôi thấy ở Na-uy. Ông kéo từng người chúng tôi với hành lý trên tay, toàn thân phủ đầy tuyết vào bên trong cửa kính. Ông còn giúp thông dịch cho nhóm chúng tôi mãi về sau, và qua sinh hoạt của người Việt ở đây, tôi được biết tên ông là Ngô Thanh Tâm.

Từ phi trường, chúng tôi được đưa về Viện Phục Hồi Sức Khỏe (Statens Attføringsinstitutt) tiếng Na-uy viết tắt là SAO. Và buổi tối hôm ấy, tôi được xếp vào nhóm mười người độc thân được ông phó

giám đốc nội vụ cơ quan cùng người tài xế đưa đến khu nghỉ hè Bogstad Camping. Ở đây, chúng tôi được chia ra ở trong hai căn nhà nằm len lỏi giữa vùng tuyết ngập quá đầu gối; tôi ở căn nhỏ, chung với ba người khác. Sau khi chia chúng tôi vào nhà xong, ông phó giám đốc hướng dẫn cho chúng tôi sử dụng đồ dùng trong nhà. Ông còn quay lại dặn thêm một lần nữa, đặc biệt cách sử dụng lò sưởi trước khi ra về.

Chừng một tuần sau đó, một hôm, xuất hiện một người đàn bà chừng ngoài 50 tuổi dáng cao to, trên ngực áo mang huy hiệu cò vàng ba sọc đỏ lộ tuyết đến gõ cửa căn nhà tôi đang ở. Khi tôi vừa mở cửa ra, bà tự giới thiệu tên là Annette Thommessen, bà nói bà muốn vào nhà thăm tôi. Tôi rất hoang mang, vì bà đến quá đường đột, ngay vào lúc các bạn cùng nhà với tôi đi vắng mà bà còn mang huy hiệu cò vàng ba sọc đỏ trên áo, cái biểu tượng này người cộng sản đã dùng để đánh lừa, đưa tôi vào biệt giam. Sự ngỡ vực che lấp sự trong sáng nguyên thủy của tâm hồn, tôi đã từ chối tiếp bà. Và để cho việc từ chối được lịch sự, tôi hẹn cho qua chuyện là mời bà trở lại vào lúc các bạn có mặt ở nhà đầy đủ.

Tuy thế, bà vẫn vui vẻ, kiên nhẫn trở lại theo như tôi đã hẹn và còn mang theo người con gái của mình. Cuộc gặp gỡ giữa mấy anh em chúng tôi với bà hôm ấy rất vui và sôi nổi ngay từ phút đầu. Chắc tại có con gái bà làm ‘chất xúc tác’ chăng? Kết quả là một cuộc cùng dạo chơi với hai mẹ con bà quanh đài trượt ski ở Holmenkollen. Và sau đó về nhà bà dùng cơm chiều, rồi ở lại chơi cho đến khuya.

Thời gian sau, khi sự giao tiếp qua lại giữa chúng tôi với bà trở nên tự nhiên hơn, tôi biết mục đích của bà trong những cuộc giao du với chúng tôi là phát hiện những khó khăn nơi những người phải sống xa quê hương hầu tìm cách giúp đỡ. Và qua đó, tôi cũng được biết bà đã từng tự nguyện làm nhiều việc để cứu vớt thuyền nhân tỵ nạn Việt Nam trên biển Đông, cũng như giúp đưa họ đến định cư trên đất nước này. Hiện bây giờ, ngoài việc làm cố vấn cho cơ quan tiếp nhận người tỵ nạn, bà còn chủ trương Hội Bạn Người Tỵ

Nạn Việt Nam.

Riêng cá nhân tôi, ngoài những khó khăn chung như bao thuyền nhân khác, tôi còn có những khó khăn riêng, mà lần nào gặp, bà cũng hỏi và hỏi cách rành mạch. Mãi về sau, khi bà biết tin vợ sắp cưới của tôi có giấy xuất cảnh, bà đã vất vả cố gắng báo tin ấy cho tôi, bằng hai cái điện tín liên tiếp, vì bấy giờ chỗ tôi ở không có điện thoại, mà cũng ít khi tôi có ở nhà. Ngày thân nhân tôi đến phi trường, đích thân bà chở tôi bằng xe riêng của bà cùng đi đón. Trong cuộc vui đoàn tụ, bất ngờ bà hỏi: “Tại sao lần gặp đầu tiên anh lại tránh né tôi?”. “Tại cái huy hiệu cò vàng ba sọc đỏ trên ngực áo của bà” tôi trả lời, và giải thích thêm, “vì tôi đã từng bị cộng sản dùng biểu tượng này đánh lừa đưa tôi vào biệt giam, và tôi bị bỏ đói và bị hành hạ nhiều năm”. Bà choàng ôm lấy vai tôi xót xa.

Thời gian sau khi tôi đã ổn định đời sống, công cuộc bênh đỡ cho người tỵ nạn của bà gặp khó khăn, phức tạp hơn nhiều, nhất là vào đầu thập niên chín mươi, nhiều phần tử quá khích hăm he đòi ‘làm thịt bà’. Một hôm, vào cuối năm chín mươi tư, thỉnh linh tôi nhận được tin dữ, bà Annette Thommessen đã ra đi. Tôi cùng với mấy người bạn ngày xưa, tìm đến văn phòng làm việc cho người tỵ nạn của bà ở tầng hai, số hai mươi lăm Torggata. Trên bàn làm việc của bà vẫn còn đó một lá cò vàng ba sọc đỏ. Và trong ngăn kéo bàn vẫn còn những tấm hình chụp chung với người tỵ nạn Việt Nam cùng những bằng chứng cho thấy, để bênh đỡ cho người tỵ nạn, bà phải trải qua biết bao khó khăn. Trong ngày lễ an táng bà, vòng hoa được đặt từ trong lòng nhà thờ chính tòa St. Olav lan ra đến ngoài, và đám đông khóc thương bà như khóc thương người ruột thịt máu mủ của mình. Đứng trên bờ huyệt, đám đông nhìn cổ quan tài mang theo thi hài bà chìm dần vào lòng đất, nhưng nhân cách và lòng xót thương người của bà đi theo chiều ngược lại len lỏi vào lòng mình.

Ngoài bà ra, mỗi lần nhớ về những người tôi đã gặp trong bước đầu tỵ nạn, tôi cũng nhận được tin về họ. Ông đại sứ Na-uy ở Phi Luật Tân ngày xưa, nay đang sống giản dị trong chung cư ở Stovner như bao người công dân

khác. Ông Tor vẫn dạy tiếng Na-uy cho người ngoại quốc, vợ đã chết, ông sống chung với người con trai độc nhất hiện chưa có gia đình cũng trong chung cư như vậy. Ông Ngô Thanh Tâm, người thông dịch, người đồng hương đầu tiên tôi gặp ở đây, hầu như cuộc đời ông chỉ có một mục đích là làm cho cộng đồng người Việt ở đây hợp tác và phát triển lành mạnh. Sự thao thức trong ông càng bền bỉ khi mọi người buông xuôi, cộng đồng chẳng còn sinh hoạt gì nữa; nó tựa như ánh sáng trên ngọn hải đăng lóe sáng lên trong những đêm trời đông bão.

Những người tôi đã gặp rải rác trên bước đường tỵ nạn, mỗi người một đức tính, đã làm cho tôi yêu đất nước đã cứu mang họ; nhờ họ, mà tôi đã khôi phục được niềm tin vào lòng tốt của con người, tự đứng dậy bước tới được. Càng sống và làm việc ở đây, tôi càng yêu đất nước này, đất nước đã tạo cơ hội đồng đều cho mọi công dân và khuyến khích họ phát triển tối đa khả năng để đóng góp cho xứ sở. Ngồi trên công trường Annette Thommessen, một công trình kiến trúc tân kỳ trong lòng thủ đô, tôi càng yêu đất nước này hơn bao giờ hết, vì chính tại nơi này, người ta đã ghi nhận và tri ân một cách xứng đáng từng công dân không phân biệt nguồn gốc phát xuất mà tùy vào sự hy sinh của họ phụng sự cho hạnh phúc của con người (Bà Annette Thommessen sinh năm 1932 tại Paris, Pháp, đến Na-uy định cư năm 1954).

Đoàn Mai Tâm



Được Anh Vinh tặng gia sản sách và thơ của anh, nên có bài thơ.

Chữ Người Mình

Vô tình năm tháng, bỗng nghe tin
Về cội biết đâu gót đặng trình
Thân sây văn chương còn nặng nợ
Dạ sâu đất nước vẫn định ninh
Bạn xa ký thác lời quê cũ
Cõi lạ xin chào Lễ Từ Sinh
Cúi mặt ai xưa trắng lữ thứ
Nước người một góc chữ người mình

Nguyễn Văn Thà

Oslo, 29 X 2012

Tản mạn

Tiếng vĩ cầm chiều mưa
Tùng lóng tay rung phím
Nhạc Mozart phủ xanh lá hạ
Ngoài cửa sổ - ướt mềm
Dòng suối trắng êm đêm
lướt thướt
Tóc che nghiêng nửa mặt
Xoã một góc dương cầm đen
Ngón ngang giai điệu
Cảnh hồng nghiêng vào trang sách
Thả xuống giọt hương trong
Chiều phai dần cuối phố
Đường về trượt trơn
Dốc lòng

Cổ Ngự

QUÀ

Quà là một món hàng được cho đi, thường để biểu lộ tình cảm của mình đối với người nhận. Trẻ em thích quà, người lớn thích quà, con trai thích quà, con gái thích quà. Thường thì ai ai cũng đều thích nhận quà cả. Quà thường không chỉ có giá trị ở phần vật chất, mà còn ở phần tình cảm nữa. Đong giá trị tình cảm dựa trên món quà mình nhận được là điều không nên, nhưng hình như vẫn khối người làm thế. Có một anh chàng muốn tặng quà cho người yêu của mình. Anh ta âu yếm nói rằng:

Anh mong rằng món quà anh sắp tặng cho em, sẽ làm cho ngón tay của em càng thêm xinh đẹp.

Cô gái rất hồi hộp, nghĩ chắc là người yêu của mình sẽ tặng cho mình một chiếc nhẫn hột xoàn đây. Lòng mừng khắp khối, nhưng vẫn giãy nãy nững nịu:

Mình phải để dành tiền để xây dựng tương lai nữa, nên anh đừng mua cho em món nào đắt quá nha anh.

Anh chàng bình tĩnh đáp:

Anh bảo đảm với em là sau khi em nhận món quà này, thì những ngón tay của em sẽ đẹp hơn gấp bội, mà còn rẻ nữa, vì đó là ... cái dũa móng tay.

Cái dũa móng tay 99 cents thì làm sao có thể so sánh với viên hột xoàn mấy ngàn đô la, nhưng dẫu gì thì tôi cũng phải đồng ý với anh bạn kia là cả hai món ấy đều có một mục đích giống nhau, là làm tăng thêm nét đẹp của những ngón tay phụ nữ. Tuy đồng ý như thế, nhưng tôi, à mà không phải chỉ riêng tôi, nhưng có lẽ nhiều phụ nữ khác cũng thế, cũng vẫn thích được tặng viên hạt xoàn hơn là cái dũa móng tay. Tuy hai món hàng có cùng một mục đích, nhưng thường thì chúng ta vẫn thích nhận món nào ... đắt tiền hơn.

Bởi thế nên đã mua quà tặng cho phụ nữ thì phải chọn món nào đắt tiền, càng đắt càng tốt, không thì sẽ bị mang tiếng là keo, là keo, là chảy nước, chảy mỡ v.v... Đó, bạn thấy không, đã có lòng tặng quà, có công đi mua quà, (đó là chưa nói đến chuyện phải nặn óc để suy nghĩ nên mua thứ gì) bao nhiêu "đau khổ", thế mà nếu mua món nào không "đủ ký" thì còn bị mang tiếng mang tai nữa thì eo ôi... thôi... khỏi tặng.

Nhưng không tặng quà cũng không được vì một năm ngoài ngày sinh nhật ra, chúng ta còn có những ngày như: kỷ niệm quen nhau, kỷ niệm ngày cưới, valentine, giáng sinh, mothersday, ngày thế giới phụ nữ, ôi thôi đủ thứ là ngày nọ ngày kia.

Có anh chàng nọ rất sang, sinh nhật vợ anh mua tặng viên hạt xoàn nước hạng nhất. Tưởng vợ anh sẽ mừng rỡ ôm hôn anh riu rít, rồi từ đó sẽ thương ông xã mình hơn. Ai dè khi nhận món quà ấy, mặt cô vợ xụ xuống. Tội nghiệp anh chàng không hiểu gì hết. Ngày chưa cưới nhau, cô nàng rất thích những món quà đắt tiền, nhưng bây giờ lại không cho chồng mua tặng món nào đắt tiền cả. Chàng không thể nào hiểu được rằng; ngày xưa thì tiền anh anh xài, tiền em em xài, nhưng bây giờ thì tiền chúng ta chúng ta xài chung, nên người này mà xài tiền nặng tay thì người kia cũng phải còng lưng cày trả. Vì thế nên nếu quý anh nào xài chung một trương mục với vợ thì đừng bao giờ nên mua tặng vợ món nào đắt tiền, cứ để bà ấy tự mua thì hay hơn!!!

Không biết ông nhạc sĩ Trịnh Công Sơn nghĩ gì khi viết câu: "Sống trên đời này, người giàu sang cũng như người nghèo khó". Theo tôi thì câu này nên sửa lại là: "Sống trên đời này, người giàu sang sướng hơn người nghèo khó" mới đúng, vì dù muốn hay không thì thực tế vẫn là như thế!

Anh chàng nọ có người yêu rất giàu, con gái cưng của một nhà triệu phú nào đó. Một hôm anh thì thầm với người yêu:

Em yêu, nếu anh cưới em thì bố mẹ em sẽ mua xe hơi đời mới nhất cho anh chứ?

Vâng!

Bố em sẽ mua villa cho chúng mình chứ?

Vâng!

Bố em sẽ cho anh làm giám đốc công ty của ông ấy chứ?

Vâng!

Em yêu, em đồng ý lấy anh chứ?

Không!!!

Ừ, cứ vậy đi, cho đúng với "triết lý": Tiền của anh là của em, mà tiền của em... cũng là của em luôn.

TH

Đàn ...

Theo Tự Điển Việt Nam thì “đàn” là “nhạc cụ có dây hoặc các nốt phím dùng để tạo ra các loại âm thanh trong nhạc”. Khi nói đến “âm nhạc” thì chúng ta vẫn nghĩ tới những âm thanh réo rắt của những cây đàn dương cầm, vĩ cầm, tây ban cầm, hoặc những nhạc cụ dân tộc của chúng ta như đàn tranh, đàn bầu, đàn nhị, đàn cò v.v... Đã là đàn thì phải phát ra những tiếng mà đại đa số thích nghe vì hay, còn như nếu không hay thì chiếc đàn đó cần phải đem đi sửa hoặc đem đi... vứt thùng rác. Thật ra, khi dây dợ hần hoi thì đàn nào cũng là đàn hay cả, khác nhau chỉ là “thợ đàn” có lành nghề không thôi. Dương cầm sang trọng, vĩ cầm thanh cao. Đàn bầu cô độc, đàn tranh giao hoà?... thế còn “đàn bà” thì sao? À, đây là câu hỏi không đơn giản, vì trong tất cả các loại đàn, thì “đàn” này hình như là loại đàn khó “chơi” nhất đây bạn ạ. Khó là đúng rồi, vì nếu không thì ông nhạc sĩ Song Ngọc đâu có thốt lên câu: “Tôi ước mơ trong cuộc đời không có đàn bà”. Đây, bạn thấy chưa, nhạc sĩ là người rành rồi cung đàn nốt nhạc, mà còn thốt lên như thế thì anh em chúng ta, những kẻ nhìn nốt nhạc cũng như nốt ruồi thì làm sao mà có thể “chế ngự” được thứ “đàn” khó khăn ấy?

Đàn có phát ra được những tiếng thanh thoát hay không, réo rắt hay không thì ta phải nói tới người đánh đàn. Người thợ mộc thì phải biết xử dụng nhuần nhuyễn và thành thạo cái búa cái đinh. Người sửa xe thì phải biết phân biệt dầu nhớt, và người nhạc công thì phải biết thành thạo về nhạc cụ của mình. Không những chỉ đơn thuần biết đánh, mà còn phải đánh cho đúng thì nghe mới được. Nhưng làm “thợ đàn” thì khó hơn thợ mộc hay thợ may rất nhiều, bởi vì “thợ đàn” không những phải đánh cho đúng mà còn phải đánh cho “có

hồn”. Có hồn là sao? Đơn giản là phải bỏ cả hồn của mình vào bản nhạc, có thể thì người nghe mới cảm được, mới feelings được nỗi xót xa, niềm hạnh phúc, nỗi buồn chứa chan hay niềm vui bất chợt của bài hát. Nói thì đơn giản nhưng thực tế thì không đơn giản chút nào đâu đó.

Có ông tâm sự rằng: “Đàn nhà người ta lạc dây thì chỉ việc thay dây là ngon lành trở lại, còn “đàn” nhà tôi thay bao nhiêu thứ rồi mà nó vẫn... lạc cung. Khổ thật!”.

Tội nghiệp, có lẽ vì ông bạn này thuở thiếu thời rất lười học, chỉ giỏi đòi mẹ sắm cho bằng được cây đàn, nhưng ôm về rồi thì lại không biết gảy?! Hay nói đúng hơn là gảy mà không gảy đúng nốt nên âm thanh phát ra chất chúa, nghe không lọt lỗ tai. Vậy thì chắc bạn phải đồng ý với tôi là đàn tự nó không hay ho gì cả, nó chỉ hay khi có người biết chơi nó đúng cách mà thôi. Còn như nếu bạn có cây đàn nào đó mà bạn không biết chơi, hoặc bị đứt dây hay lạc cung, thì bạn cứ để yên đấy, đừng đụng tới. Cứ treo nó lên trên vách để trưng, hay để làm kiêu cũng được.

Nghe tôi nói thế thì ông bạn tôi phá lên cười và bảo: “nhưng...cây “đàn” nhà tôi lại không có đẹp để gì, nên để trưng cũng không ai thèm dòm”. Ôi giỏi ơi, thế thì có chết không cơ chứ! Vậy thì tôi chỉ còn cách khuyên bạn là: “Hãy để dành thời gian học “đàn”, không được thoái lui hay lười biếng nữa, vì chỉ có thế thì mới “khắc phục” được cây “ĐÀN” mà bạn đã khó công hay... lỡ một lần khờ dại... tậu về mà thôi.

Thi Hạnh

Nha trang – chuyện cũ

Phạm Tín An Ninh



Xa quê nhà đã lâu. Mỗi khi đi đến một địa danh xa lạ nào đó, nhất là có dịp lái xe chạy dọc theo một bờ biển đẹp, lòng tôi lại nôn nao cái cảm giác như đang trên đường ngược về Nha Trang - Thành phố đã chôn giấu giùm tôi bao hang động tuổi thơ, dấu tích của những mối tình học trò một thời vụng dại, mà sau con sóng tháng tư năm nào bất ngờ ập xuống, ngổ tất cả đã biến mất, có còn chăng cũng chỉ là chút sương khói mơ hồ trong lòng một người lưu lạc.

Ngày xưa, khi còn là cậu bé học trò, tôi từng nghĩ trên thế gian này có lẽ không nơi nào thơ mộng, đẹp đẽ và dễ thương bằng Nha Trang của tôi. Với tôi, nơi ấy còn là xứ thần tiên nữa. Bởi khi nào buồn, chỉ cần đạp xe dọc theo con đường Duy Tân lộng gió, nhìn biển trời mênh mông, nghe tiếng sóng rì rào, là cảm thấy lòng mình như vừa được vuốt ve, âu yếm. Ngôi trường Võ Tánh trên đường Bà Đa Lộc cũng nằm gần biển, nên cả một thời đi học, nhờ mỗi ngày được vỗ về bằng âm thanh rạt rào của biển và tình mến yêu của thầy, của bạn, mà tôi đã quên đi nỗi buồn tuổi thơ bất hạnh, ngược mặt hăm hở nhìn bầu trời xanh bao la với bao khát khao, ước vọng.

Như những thằng học trò đến tuổi biết mơ mộng khác, tôi cũng có vài mối tình ngây ngô vụng dại. Chỉ nghe mấy thằng bạn đùa nghịch gán ghép mình với cô bạn nào trong lớp, là về nhà vội vã tập tành ghép vần làm những bài thơ với lời lẽ si tình như một gã từng trải yêu đương. Sau này, mỗi lần nghe bài hát *Phượng Hồng*, phổ từ thơ của ông Đỗ Trung Quân nào đó, tôi lại thấy lòng lâng lâng cảm xúc,

ngỡ như đang trở về tuổi 14,15, với những “*bài thơ cũ còn hoai trong vỏ, giữa giờ chơi mang đến lại mang về*”. Tôi nghĩ, có lẽ cũng như tôi, nhiều chàng học trò ngày xưa vẫn còn đang cất giữ những bài thơ đầu đời ấy trong ký ức. Bây giờ tuổi già, đem ra đọc lại chắc chắn sẽ nở nụ cười ngượng nghịu với một chút băng khuâng man mác trong lòng.

Người ta cũng ca ngợi Nha Trang như là thành phố của tình yêu. Bởi Nha Trang không chỉ có đất trời thơ mộng mà còn sản sinh và đón nhận nâng niu bao nhiêu cô con gái đẹp từ các xứ Huế, Bắc Kỳ, trôi dạt đến đây. Đất lành chim đậu. Và có một thời, các cô nữ sinh Nha Trang đã làm khốn khổ trái tim của biết bao SVSQ Hải Quân, Không Quân, những chàng trai say mộng hải hồ, lướt gió tung mây. Tiếc là Nha Trang đã không cho tôi mỗi tình lãng mạn say đắm nào để có trọn cảm xúc khi nghe ca khúc Nha Trang Ngày Về của ông nhạc sĩ Phạm Duy, nhưng vài mối tình học trò ngây ngô ngày ấy cũng đã để lại trong tôi bao kỷ niệm khó quên.

Năm 1963, tôi đang học năm cuối trung học thì bao nhiêu biến cố xảy ra, dồn dập: Những cuộc xuống đường, biểu tình, bãi khóa để chống chính phủ Ngô Đình Diệm. Trước cổng trường luôn có cảnh sát và lính gác. Nhiều học sinh bị bắt. Nghe nói có vài người nhảy núi. Một số giáo sư trẻ bị động viên, rời trường vào lính. Không khí ngột ngạt, căng thẳng.

Đúng vào thời điểm này, thành phố Nha Trang xuất hiện một người đàn bà điên. Trông bà trọng tuổi, lúc nào cũng ăn mặc

sạch sẽ chỉnh tề với chiếc áo dài nhung đen. Trên cổ đeo nhiều vòng vàng. Có người bảo là vàng giả, nhưng có người lại bảo vàng thật, vì gia đình bà giàu có, con cái học hành tử tế. Gần như ngày nào người ta cũng thấy bà xuất hiện ngoài phố, chấp hai tay sau lưng đi bộ dọc theo con đường Phan Bội Châu, Độc Lập, vừa đi vừa nói những điều không ai hiểu được. Đặc biệt bà luôn ghé lại và ở khá lâu trong nhà sách Nguyễn Lê và Ty Thông Tin. Ở đây có treo tấm ảnh chân dung của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Hai địa điểm này tôi thường có mặt. Lần nào cũng thấy bà đưa tay chỉ vào tấm ảnh mà chửi. Không ai biết là bà có ân oán gì với ông Diệm, vì khi chửi bà cũng không gọi tên và kể về người trong tấm ảnh có tội tình gì. Có người biết chuyện, bảo là bà chẳng hề dính dáng gì tới chuyện chính trị hay cá nhân cụ Diệm, mà dường như bị ông chồng đào hoa phụ tình. Bà hận lắm. Thấy tấm ảnh cụ Diệm mà cứ tưởng là chồng bà. Oan và tội nghiệp cho cụ. Chắc chắn đến khi bị bọn phản tướng sát hại, cụ cũng không hề biết đã từng bị một người đàn bà chửi oan mình như thế..

Có lẽ đã chứng kiến nhiều lần, nên dần dà chẳng còn mấy ai quan tâm đến bà. Ngoại trừ tôi. Không biết mặt mũi của tôi có được cái hồng phúc giống cụ Ngô hay ông chồng đào hoa của bà ít nhiều gì không, nhưng cứ mỗi lần nhìn thấy tôi, ngay cả những khi đi chung, lẫn lộn trong đám bạn bè, bà vẫn tìm đến chỉ mặt tôi mà chửi. Sau này, vừa thấy bà là tôi vội vàng bỏ chạy, nhưng bà vẫn rượt theo và cổ la lớn mấy lời nguyên rủa từ phía sau lưng. Biết bà điên và nghĩ trước đây cũng là một người tử tế, nên tôi cũng thấy thương hại, tội nghiệp cho bà. Nhưng mỗi lần bị chửi bới vô cớ trước đám đông, nhất là khi có đám con gái, tôi ngượng ngùng, lại thấy sợ và oán bà. Có thể nói bà là nỗi ám ảnh của tôi lúc ấy. Đôi khi trong giấc mơ, thấy bà rượt theo mình, mặt mày hung dữ như mấy bà phù thủy trong tranh phiếm họa. Thức dậy, tôi thở phào nhẹ nhõm nhưng cũng toát mồ hôi. Tôi đâm ra “hận” bà vì sau đó, tôi đành phải bỏ cái thú vào nhà sách Nguyễn Lê và mua sách, nhưng chỉ cốt để ngắm cô con gái mới lớn của bà chủ, có đôi mắt to với đôi môi mọng đỏ, đẹp như thiên thần và mấy cô bán sách khá xinh, cũng như không dám bước vào Ty Thông Tin

đọc mấy tập Thế Giới Tự Do mà ông thầy sử địa gốc biện lý, giáo sư Nguyễn Hữu Thứ, thường ra những câu hỏi từ các đề tài trong đó, và cũng dễ được nghe giọng nói Bắc Kỳ rất dễ thương của bà chị quản thủ thư viện, ca sĩ Hoàng Yến (lúc ấy đang mặc áo bầu).

Sau đó, chỉ thỉnh thoảng tôi mới thấy bà, nhưng dường như con điên trong bà ngày một tệ hơn. Trông bà già và ốm đi nhiều lắm. Có lần chứng kiến một đám con nít đi theo treu chọc để bà múa may la hét lung tung, tôi động lòng dừng xe lại la rầy và khuyên bảo các em không được quấy rầy bà. Thấy tôi, bà vội vàng chạy tới. Không biết lúc ấy bà có còn nhớ tôi không, và có thay đổi thái độ vì tôi vừa mới giúp bà, nhưng tôi vẫn ám ảnh những lần bị bà xỉ vả trước đây, nên vội vã đạp xe đi. Bất giác tôi nhớ đến mẹ tôi. Mẹ mất khi tôi mới ba tuổi. Tôi chưa hề biết cảm giác của một đứa con có mẹ. Nếu có một người mẹ điên như bà, để tôi lo lắng, chăm nom, biết đâu tuổi thơ của tôi sẽ hạnh phúc hơn. Ngẫm nghĩ, tôi càng thấy tội nghiệp và thương bà, ân hận vì trước đây từng nghĩ bởi vì bà mà thành phố Nha Trang đã mất đi một chút yên lành, đẹp đẽ đối với riêng tôi.

Những năm đi học, tôi ở nhà ông chú, một tiệm buôn nằm ngay ngã tư Trần Quý Cáp - Quốc Lộ 1, gần Ty Thông Tin. Ông chú tôi làm nghề thầu khoán, nên những ngày cuối tuần nhà thường có khách. Để tránh bớt không khí ồn ào và bị sai vặt, tôi thường viện cớ đến nhà thẳng bạn cùng lớp học bài, nhưng thực ra là chỉ để chơi đùa và đàn địch hát ca. Điều đặc biệt quyến rũ tôi hơn là cô em gái có răng khềnh rất dễ thương của nó, học sau bọn tôi hai lớp, bên trường Nữ Trung Học. Hai đứa, cô bé và tôi, thường đóng vai Ngọc Cẩm – Nguyễn Hữu Thiệt, bắt chước giọng, hát mấy bài song ca cho thẳng bạn tôi, anh cô bé, tập đạo đàn theo.

Nhà ở khu Rộc Rau Muống, phía dưới một con hẻm lớn từ đường Trần Quý Cáp. Ngôi nhà bề thế nằm kín đáo dưới mấy tầng cây bàng phủ bóng. Mẹ nó mất sớm, nên ba nó thường vắng nhà. Nghe nói ông sống với bà tình nhân trẻ ở đâu đó, vì không muốn đưa bà về đây để phải phiền muộn cảnh mẹ ghẻ con chồng. Ông cưng con, thuê một chị giúp việc từ trên Thành về ở đây luôn. Chị rất siêng năng, vui vẻ làm hết mọi việc trong

nhà. Ngôi nhà rộng rãi trở nên thừa thãi nên ba nó cho thuê nguyên cả dãy nhà sau gồm khá nhiều phòng ốc. Nhà trước và khu nhà sau được ngăn ra bằng một hàng rào song sắt. Điều đặc biệt là cái giếng nước nằm ngay giữa hàng rào, để hai nhà có thể dùng chung.

Một hôm, thằng bạn nháy mắt cho tôi biết một tin vui: Gia đình vừa mới dọn tới gồm mấy anh em mà có đến ba cô con gái, cô nào cũng xinh. Ban đầu, tôi tỏ ra thờ ơ trước cái tin với cái vẻ hí hửng đó của thằng bạn thân, để chứng tỏ ta đang “ăn cây nào rào cây nấy”. Khi ấy tôi còn ngu ngơ chưa biết cô em gái của nó đang là cánh “hoa biền” của một anh chàng SVSQ Hải Quân bồ trai nào đó. Cho đến một hôm bất ngờ đụng đầu trên dốc con hẻm, khi thấy hai người ôm nhau từ giã, tôi mới hốt hắng, biết canh bạc này chỉ mới bắt đầu mà mình đã trắng tay. May mà lúc ấy tôi chưa kịp tỏ tình và cũng chưa biết si tình, nên chưa “chết ở trong lòng một ít”, chỉ thấy ngượng ngùng băng khuâng một chút. Không được làm người tình, tôi bèn quay sang làm anh cô bé, để lâu lâu còn được nghe nũng nịu và nhất là được vỗ về chút tự ái của người thua cuộc.

Sau khi “con tim đã vui trở lại”, tôi bắt đầu (và ra mặt) nhòm ngó khu nhà phía sau. Cái giếng mà trước đây gần như thứ bảy và chủ nhật nào, sau khi tắm biền về, tôi và thằng bạn đều ra tắm lại, thích thú đùa nghịch, đổ cho nhau những gầu nước trên đầu, bây giờ ngại người ta nhìn thấy hai “bộ xương cách trí”, nên đành tắm vội trong phòng tắm. Nhưng cái giếng ấy lại trở nên vô cùng quan trọng đối với bọn tôi. Là chỗ có thể nhìn thấy “mục tiêu” rõ ràng nhất, khi các cô nàng ra xách nước, giặt áo quần trên thềm giếng. Cô em thằng bạn, sợ bọn tôi phá đám mối tình đầu, nên bây giờ trở thành bà mai, con chim xanh đặc lực của hai ông anh. Bọn tôi dần dà biết được tên, tuổi, trường lớp của ba cô nàng. Đặc biệt hơn là hoa nào đang có chủ và hoa nào đang trong tình trạng đợi chờ. Cô chị thường đi vắng vào ngày cuối tuần bởi tình yêu đang thời kỳ mặn nồng, ở nhà thường chỉ còn lại hai cô em. Hai thằng tôi bò qua thành giếng sang nhà hàng xóm. Thằng bạn thì mang theo cây guitar đàn cho cô chị hát, còn tôi thì vờ hỏi cô em chuyện học hành, dịch họ những bài Pháp văn, giải nghĩa vài điển tích

trong Cung Oán Ngâm Khúc, lâu lâu tặng một bài thơ tình con cóc. Dần dà tôi lọt mắt xanh cô em út Quỳnh Chi(*), học đệ ngũ bên trường Nữ, rất hiền lành dễ thương. Cũng chỉ là tình yêu học trò, ngây thơ trong sáng. Thỉnh thoảng để giúp vui, tôi đem chuyện bị bà điên rượt kẻ cho hai chị em nghe. Có khi tôi còn nhại tương đi và giọng hét của bà. Hai cô nhìn nhau sợ sệt.

Cuối năm đệ nhất, khi chuẩn bị kỳ thi Tú Tài 2 thì tôi bất ngờ lâm bệnh. Một buổi sáng chủ nhật, thức dậy, thấy người hơi sốt, khó chịu. Tưởng chỉ cảm cúm, uống vài viên thuốc aspirin là khỏi. Không ngờ đến trưa cơn sốt lên cao, người nóng như lửa đốt, đến nỗi không thể cử động, nói năng gì được. Ông chú vội vàng chở tôi đến bác sĩ. Bác sĩ trực hôm ấy là bà Chung Thị Luông, có phòng mạch ở đường Công Quán, gần rạp ciné Minh Châu. Nghe nói bà chích cho hai mũi thuốc thì tôi tỉnh lại. Tôi nhớ lúc vừa mở mắt ra, đang còn mơ màng, tôi đã thấy bà bác sĩ đẹp quá chừng. Biết danh bà từ lâu nhưng đó là lần đầu tiên tôi mới trông thấy bà. Và dường như sắc đẹp của bà bác sĩ đã giúp cho những thằng bệnh nhân trẻ con mới lớn như tôi mau tỉnh táo hơn là thuốc. Sau đó bà đề nghị chú tôi nên đưa tôi đến bệnh viện tư của bác sĩ Thạch nằm trên đường Trần Quý Cáp để điều trị. Tôi đã nằm ở đây hơn một tháng và đành phải bỏ thi kỳ ấy.

Một hôm, Quỳnh Chi đến thăm khi tôi đang lên cơn sốt, nằm mê man. Không biết cô bé đến từ lúc nào. Tỉnh dậy tôi thấy cô đã ngồi bên cạnh. Sau khi phụ cô ý tá diu tôi ngồi dậy, cho uống một ly nước cam vắt, cô bé nắm lấy tay tôi, nhìn thật lâu vào mắt tôi, rồi buồn bã nói lời từ giã. Tôi mệt quá chưa kịp nói lời gì thì nàng đã bước ra cửa. Tôi cố gắng đưa bàn tay lên vẫy, nhưng không thấy nàng quay nhìn lại. Chỉ còn nghe tiếng chân bước vội xuống những bậc tam cấp.

Và đó cũng là lần cuối cùng tôi gặp Quỳnh Chi..

Sau khi lành bệnh, tôi đến thăm anh em thằng bạn dưới Rộc Rau Muống. Vừa mở cửa, cô em buồn bã cho biết là mấy chị em Quỳnh Chi đã dọn đi nơi khác, vì có bà mẹ điên, trên cổ mang đầy vòng vàng, không biết vì sao tìm được nơi mấy cô con gái ở, đến la

hét, khóc than cả một buổi. Và đây cũng không phải là lần đầu các cô dọn nhà với lý do như thế!

Tôi giật mình, nhớ lại bà cụ điên thường rượt theo tôi ở nhà sách Nguyễn Lê và Ty Thông Tin. Bất ngờ và xúc động, nước mắt tôi trào ra. Tội nghiệp cho bà và cho cả mấy cô con gái xinh xắn, thùy mị và học hành chăm chỉ của bà, trong đó có cô con gái út Quỳnh Chi. Tôi cảm thấy ngượng ngùng như mình vừa phạm tội, vì đã mấy lần thản nhiên kể chuyện không mấy đẹp về bà trước chị em Quỳnh Chi. Và cũng có thể, vì mấy lần rượt đuổi theo tôi từ Ty Thông Tin, mà bà đã khám phá ra căn nhà trọ của mấy cô con gái ở cuối con hẻm khá kín đáo này.

Sau đó, tôi vào Sài Gòn học tiếp vài năm thì đi lính. Cuộc chiến ngày một khốc liệt, kéo tôi theo như con lốc xoáy. Thời gian trong lính, mỗi năm tôi chỉ về thăm Nha Trang một đôi lần bất chợt. Đầu tháng 4/75 Nha Trang đổi chủ sau con hồng thủy. Gia đình tan tác. Cha tôi và tôi vào tù. Chỉ một năm sau cha tôi chết, còn tôi thì bị lưu đầy hơn tám năm từ nam ra bắc. Ngày trở về, Nha Trang nghèo nàn, xơ xác và buồn thảm như còn phủ màu tang. Đi trên con đường Phan Bội Châu – Độc Lập cũ, giờ đã đổi tên, bỗng dung tôi nhớ tới người đàn bà điên ngày trước. Tôi tưởng tượng đang có rất nhiều người đàn bà điên khác, mất chồng, mất cha, mất con, mất nhà cửa sau cuộc đổi đời oan khiên bi thảm. Họ đã bị đuổi ra khỏi thành phố này hay gia đình không dám để họ chạy ra ngoài vì sợ phải rước thêm phiền lụy. Bất giác tôi rung mình có cảm giác mọi thứ đều trở thành xa lạ. Thành phố này không còn là Nha Trang của tôi ngày trước nữa. Mấy tháng sau, tôi cùng vợ con xuống biển ra đi, lẳng lẳng già từ Nha Trang giữa một đêm mưa tầm tã. Dường như ông trời cũng đang sụt sùi trước cuộc chia ly.

Sau này, và cho mãi đến bây giờ, tôi không có cơ hội nào gặp lại bà cụ điên và mấy chị em Quỳnh Chi. Bà cụ thì chắc đã qua đời từ lâu rồi, còn mấy chị em Quỳnh Chi không biết trôi dạt về đâu, sau bao nhiêu thăng trầm dâu bể. Cầu mong cho tất cả đều may mắn vượt qua bao dông bão để có cuộc sống an bình. Riêng Quỳnh Chi, một cô gái xinh xắn, thùy mị, hiền lành, xứng đáng để có một gia

đình hạnh phúc. Xin nguyện cầu bà cụ được an nghỉ nơi cõi thiên đường thanh thản nào đó, chẳng còn gì để phải bận lòng ở chốn trần thế đảo điên. Và xin tất cả, hãy cho tôi được nói một lời xin lỗi, dù rất muộn màng.

Hai anh em thằng bạn thân thiết của tôi cũng không còn ở trong ngôi nhà dưới Rộc Rau Muống. Thằng bạn vào lính sau tôi một năm và đã chết ở trận Pleime, chỉ sau bốn tháng rời khỏi quân trường Thủ Đức. Cô em gái xinh đẹp của nó, sau này không lấy chàng SVSQ Hải quân ngày xưa, mà làm vợ một đồng nghiệp. Giáng Sinh năm 70, nhân theo đơn vị tham dự một chuyến hành quân bất ngờ, giữ an ninh cho một khóa Võ Bị làm lễ ra trường, tôi có dịp gặp hai vợ chồng. Cả hai đều dạy học tại Đà Lạt, đẹp đẽ hiền lành, sống rất hạnh phúc. Sau 75, vì anh chồng gốc sĩ quan biệt phái, nên cả hai đều không được “lưu dụng”, phải về tá túc nhà cha mẹ chồng ở Sài Gòn, buôn bán chợ trời kiếm sống. Năm 81, vợ chồng và hai đứa con mất tích trên đường vượt biển từ Rạch Giá. Tôi rất đau đớn khi biết tin này, lúc vừa mới ra tù. Nhiều lúc tôi trách ông trời, sao nỡ bắt công với những con người quá hiền hậu dễ thương.

Nha Trang đã cho tôi nhiều niềm vui nhưng cũng đã để lại trong tôi bao nỗi buồn, những vết đau như vậy đó. Không biết Nha Trang bây giờ có còn đẹp và thơ mộng như ngày xưa? Vừa rồi tôi có đọc ở đâu đó, người ta xếp Nha Trang là một trong mười thành phố du lịch tồi tệ nhất thế giới. Tôi đau lòng lắm. Nhưng cho dù có đẹp đẽ, lộng lẫy “hoành tráng” đến đâu đi nữa, Nha Trang cũng chỉ còn trong tôi như cổ tích, một nơi chốn thần tiên cho tôi cùng đám bạn bè thơ dại, những thằng học trò của một thời quá đổi dễ thương mà giờ đây phần đông đã chết trong chiến tranh, tù ngục, vài thằng sống sót thì cũng tàn mác khắp muôn phương.

Phạm Tín An Ninh

() Quỳnh Chi không phải là tên thật*

Lòng Mẹ Bao La Như



Nguyễn Văn Thà

Đời anh Lê Kỳ có hai điều làm anh hãnh diện: thứ nhất, 14 cái cầu anh chỉ huy xây dựng từ Miền Trung, Miền Cao Nguyên cho tới Miền Nam trước năm 1975; thứ hai, đưa con gái tiên sĩ của anh, tiên sĩ ngành kỹ thuật xây dựng giàn khoan dầu ngoài biển, ngành sở trường của người Na-uy.

Cha của anh Kỳ là người hay chữ. Sau khi tốt nghiệp trường Cao Đẳng Công Chánh Hà Nội, ông được bổ đi làm ngành công chánh ở An Lão, tỉnh Bình Định. Và ông còn mở thêm đồn điền cho mình ở đó. Mẹ anh cô hàng bán sách xinh đẹp ở Hà Nội, người gốc Bắc Ninh. Bà thích đọc tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn, thuộc nhiều thơ mới, và dù là người Bắc, nhưng bài bà thích nhất là bài thơ Đây Thôn Vĩ Dạ của Hàn Mặc Tử mà bà hay ngâm bằng giọng Huế chuẩn những khi ngồi khâu vá hay những khi thông dong. Mẹ anh hiền lành như bao bà mẹ muôn thuở. Cha anh cũng hiền, chỉ nghiêm khắc chuyện học của anh. Câu nói chìa khoá của ông làm anh nhớ mãi: "L'instruction, c'est une clé par laquelle tous les portes s'ouvrent: Kiến thức là chìa khóa mà nhờ nó mọi cánh cửa sẽ mở cho ta." Ông cụ rất trọng chữ tín. Ông hứa nuôi dạy con bạn khi vợ bạn mất trong thời gian bạn đi

kháng chiến, và ông đã chăm sóc chúng đàn ông còn hơn con mình. Sau này anh Kỳ đọc được trong sách xưa những giáo huấn mà cha anh đã thực hiện: "Trong trường hợp, ví dụ, anh hứa đưa con của bạn mình đi chạy nạn và hứa sẽ bảo vệ và chăm sóc nó, và nếu đến một lúc nào đó chỉ còn một miếng cơm nhỏ không còn chia được nữa cho con của chính mình và con của bạn, thì mình phải dành miếng cơm đó cho con bạn mà mình đã hứa sẽ bảo vệ và chăm sóc." Và đây là bài thơ tâm kỳ và thơ mộng nhất của Hàn Mặc Tử:

Đây Thôn Vĩ Dạ

Sao anh không về chơi thôn Vĩ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền
Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay...
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó,
Có chở trăng về kịp tối nay?
Mơ khách đường xa, khách đường xa,
Áo em trắng quá nhìn không ra...
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà?

Nói tóm lại đời anh Kỳ bị ảnh hưởng bởi ba điều: bài thơ Đây Thôn Vĩ Dạ từ mẹ, câu châm ngôn về giá trị của giáo dục và tấm gương giữ chữ tín triệt để từ cha anh.

Khi anh Kỳ học hết trường ở Bình Định, cha anh hỏi anh muốn chọn trường nào, Chasseloup Laubat ở Sài Gòn hay Pellerin ở Huế, anh Kỳ thưa ngay: "Dạ, Pellerin."

Ở Huế một thời gian anh mới thấy rằng bài thơ Đây Thôn Vĩ Dạ chỉ là bài giáo đầu cho muôn vản thơ mộng, thơ mộng từ lảng tâm thân mật, đến những góc phố người muôn năm cũ hờn ở đâu bây giờ, sông Hương nằm nghe hương phấn bao đời, những hồ sen gọi mời vô thủy vô chung, và muôn vản gây say từ những đôi mắt lẩn khuất sắc hời, những dáng liễu mời giông bão tới, những nường đã *cởi vòng dây trói Không - Mạnh: Em đang hừng, em đang đầy và em đang căng, em có thể hừng và đầy và căng và yêu anh từ chỗ anh đang đi bên em đến bất cứ chỗ nào anh nằm xuống ôm em.*¹ Thế mà chàng thư sinh Lê Kỳ suốt bốn năm theo học và cuối cùng lấy được cái bằng tú tài toàn phần ở đó, những nường lá trúc che ngang mặt chữ điền đó vẫn chưa hớp được hôn chàng. Xem ra tương lai trước mặt với mảnh bằng tú tài toán đậu ưu đã xua giạt được hết.

Anh bắt xe về quê An Lão ngay ngày hôm sau coi bảng kết quả thi. Khi xe tới thành phố Qui Nhơn, trời đã tối; không còn xe về quận miền núi ấy. Anh chưa biết tính sao thì một cô quang gánh cùng chuyến xe, lại bên anh, ân cần:

"Anh tính về đâu nữa?"

"Về An Lão."

"Ấy, bây giờ đi không được đâu. Đường vào đó, giờ này mất an ninh, đi liêu, mất mạng như chơi. Hay là anh về nhà cha mẹ em nghỉ một đêm, sớm mai có xe lam vào trong đó, rồi hãy đi."

Giọng nói, dáng dấp, nụ cười cô làm anh yên tâm. Anh theo cô về nhà cha mẹ cô. Một chiếc giường con sạch sẽ, chiếc chiếu cói còn thơm mùi cói do cô trải, ánh đèn dầu êm êm nghe tiếng đại bác, tiếng bom xa xa vọng về từ phía núi rừng Trường Sơn. Sớm mai, sau khi ăn tô cháo gà tiêu xanh, ớt đỏ và uống tô nước chè xanh, cô lại cùng anh Kỳ ra xe, vai

gánh một gánh hoa đủ màu soạn sẵn tươm tất, đầm đìa tươi tốt đầu từ đầu hôm, ra chợ bán. Cô có vẻ sửa soạn hơn hồi hôm, duyên hơn giữa những màu hoa, cười cười nói nói hai lúm đồng tiền. Hai cái lúm đồng tiền trên đôi má nâu giòn ấy vừa lên xe anh còn nhớ, nhưng chưa hết nửa đường chúng đã lặn mất trong tâm tưởng.

Chuyên vào Sài Gòn thi (và đậu) vào trường kỹ thuật Phú Thọ, anh đi qua nhưng không buồn ghé nơi mình đã trọ một đêm ấy. Những lần sau cũng vậy.

Ở Sài Gòn học bốn năm, xem ra anh bị cuốn tròn trong mạng lưới thần kỳ đan bằng những chuỗi số, những bản vẽ kỹ thuật, chúng che chắn anh khỏi những cô gái của *những giọt tango bleu*² hay *những thân thể chín muồi tội lỗi*.³

Học xong, vì đậu cao, anh được bổ về làm phó ti, rồi hai năm sau, trường ty Công Chánh Bạc Liêu, xứ của những nường con gái trắng như bông bưởi, thơm nồng như bông bưởi và mộng tròn trái ngất ngư, nhưng ngũ quan chàng trai trẻ ấy dường như vô cảm.

Miền Nam Việt Nam đã đến lúc cần thêm người tiếp máu cho cuộc chiến đã đến hồi một được hai thua, những giòng máu mà chính phủ cho tới sau năm đó, năm Mậu Thân, muốn để dành để sau khi hết binh lửa, xây dựng đất nước; anh Kỳ bị động viên. Rất nhiều nước mắt của các nường nhân viên. Anh cảm thấy hãnh diện hơn là bị lụy.

Anh gia nhập đoàn công binh chiến đấu, đi xây dựng đồn bót, cầu đường trên khắp bốn vùng chiến thuật; đơn vị cuối cùng là tiểu đoàn công binh có hậu cứ ở Pleiku. Trước đó, tiểu đoàn anh đóng chung với lính sư đoàn 1 và mấy tiểu đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng ở Đông Hà. Trong chiến dịch Lam Sơn 719, căn cứ bị pháo kích dữ dội có hơn 200 quả mỗi ngày, và sau đó đơn vị anh, theo đoàn quân chiến dịch, đi làm cầu, đường đã chiến bên chiến trường Hạ Lào. Anh đã trải qua muôn vản kinh hoàng; gan lì không phải là thể mạnh của anh. Sau chiến dịch, anh được nghỉ phép. Mẹ anh đưa chuyện hôn nhân ra bàn với anh, anh, không như những lần trước, đồng ý ngay, làm chính mẹ anh ngạc nhiên, cha anh càng ngạc nhiên hơn. Hai vị còn ngạc nhiên hơn khi anh nói anh đã có sẵn ý trung nhân. Người đó chính là cô Lụa, người con gái quang gánh độ nọ đã cho

anh trọ một đêm. Cha anh nghe qua chuyện kỳ ngộ kỳ cục đó, không hài lòng lắm, nhưng ông không hoàn toàn bác bỏ ý con trai mình, ông chỉ nói: "Người có học như con, mà lấy người như vậy, sau này con tâm sự chuyện trò với người ta làm sao!" Anh Kỳ hiểu cha anh muốn nói đến cái cô đơn của đôi vợ chồng không cùng mức văn hoá, thậm chí có trường hợp người phối ngẫu này phải chịu đựng cái vô văn hoá từ người phối ngẫu kia. Anh không quan tâm lắm. Chiến tranh đang càng ngày càng khốc liệt, đối với những người vào sinh ra tử như anh, cái cô đơn mang tính văn hoá như thế là chuyện xa xỉ và xa vời. Chuyện lấy Lua chẳng qua như chuyện uống liều thuốc an thần cấp thời, dù là thuốc nội hóa, mua được trong hiệu thuốc ngay trước ngõ trước khi phải đương đầu với thử thách lớn lao. Chẳng thử thách nào lớn hơn là đời người lính vào lúc ấy. Nhưng liều thuốc tên Lua ấy có thai ngay và sinh con gái. Nàng đặt tên cho con là Mai Anh, nghĩa là mai anh về, dù thấy cô Lua nhớ thương trông mong chồng đến chừng nào. Ngày sinh Mai Anh cũng là ngày đơn vị anh được vội vã điều từ Pleiku xuống sửa, đứng ra là vá víu, quốc lộ 14 từ Pleiku về Phú Bồn, đường đã bị bỏ hoang cả mấy chục năm, đặc biệt làm chiếc cầu phao sinh từ qua con sông nằm ngang quốc lộ. Chiếc cầu đã cứu được rất nhiều người, dù trước khi cầu xong, đã chết rất nhiều người vì pháo của cộng sản bắn rớt bất kể, vì bị xe cán, vì kiệt sức, vì giành giật. Đây là chiếc cầu thứ 14 anh tham gia xây dựng, nhưng là chiếc cầu anh nhớ nhất vì nó làm anh đau đớn mỗi khi nghĩ tới và cũng làm anh hạnh diện nhất.

Anh may mắn được sống sót về được Phú Bồn, được tái phối trí với đơn vị công binh, nhưng rồi cũng rã hàng. Anh về gặp lại vợ con. Những ngày êm đềm, những đêm êm êm không còn nữa với những chiếc loa mồm loa mép giải, những rình rập kiên trì như vắt rừng. Người Bình Định vào lúc đó yêu nước nhiều, nên giết đồng bào "ngụy" cũng nhiều, làm nhục thì khỏi nói; ngày quân Đại Nam chiếm được Bồ Đàn còn thua xa. Tất cả còn có thể chịu đựng được, nếu không có những cái loa đêm ngày rêu rao điều nhân nghĩa trong khi thù hận vẫn bày ra đó, như trong lò sát sanh những tay đồ tể vỗ ngực cao rao cái hay cái đẹp của chuyện căm sát sanh. Loa sắt

rồi còn loa thịt. Loa sắt với dạng hình cổ định còn chịu được, loa thịt cấu tạo bởi thù hận sắt máu đầu đầu mà chắc như đinh đóng cột, bởi xảo quyết của những bản nông bao đời làm kiếp chồn, bởi cơ miệng co quắp thiếu tiếng cười dư chửi rủa, khi chu khi loe đủ mọi góc độ. Loa loa loa bao quanh anh, bóp nát tâm trí anh. Anh mệt lã. Anh bây giờ mới hiểu được tại sao rất nhiều người lính đã tự sát trước ngày cái loại người ấy tràn vào. Không phải chỉ có lính, mà cả bà Hiền hàng xóm đã tự tử sau khi nghe bài Tiên Quân Ca vang lên trong đài, và bà vừa khóc vừa nói với con: "Thôi rồi, tội bay ơi, tội nó cử chính cái bài này trước khi bắn ông nội tội bay." Cái bài mà bà phải chạy trốn mấy chục năm nay, nay lại mò vào, hung hãn như một con chó ngao âm phủ.

Người ta mời anh, sau một tuần "cải tạo" vào làm ngành cầu đường, sở trường có tiếng của anh. Anh nín thở qua cầu.

Ghe anh đi vượt chửa qua biển Đông thì đã được tàu dầu Na-uy vớt. Anh, vợ anh cô Lua và con gái Mai Anh được chăm sóc chu đáo ngay từ ngày đầu đến Na-uy. Bé Mai Anh đi nhà trẻ. Anh đi học tiếng Na-uy vốn không khó gì lắm với một người rành tiếng Pháp như anh, rồi anh thi lại ngành chuyên môn công chánh và được đi làm ngay vì anh có tay nghề cứng và cũng vì người Na-uy thích xây đường. Họ là những người đến hội nghị bảo vệ môi trường bằng xe hơi. Anh yêu đời, càng trẻ lại và đẹp trai ra, nhất là những ngày cuối tuần, ngày lễ đi dạo phố, trong những bộ đồ vét mới thẳng nếp, rất hợp với dáng người cao ráo, lực lưỡng như anh. Anh bây giờ mới đích thực là anh, hình ảnh một người đàn ông chừng chạc thanh thang trong cuộc đời mà anh cương quyết trở thành khi anh đậu bằng tú tài toàn phần ở Huế. Lua học tiếng, học cho có học mà thôi. Rảnh rồi, Lua bắt đầu soi gương, để ý làm đẹp cho nhan sắc có phần khiêm nhường: thoa phấn trắng, bôi kem dưỡng da cho làn da cháy nắng lam lũ miền Trung, và nhất là đeo những đôi giày, đôi ủng cao gót để độn cao cái thân hình không được cao lắm của mình. Anh Lê Kỳ thấy thế thời vui. Lua chỉ lo việc nội trợ. Anh đi làm lương cao đủ sức nuôi cả gia đình, và anh kiên luôn

chuyện kèm và dạy thêm cho con gái Mai Anh toán, dĩ nhiên, và tiếng Việt. Sau khi dạy cho bé Mai Anh xong cuốn Văn Tiếng Việt của cụ Bảo Vân, với bài khó nhất: bài Nhà Ông Bá: *Nhà ông Bá lợp ngói, ba gian, có cây mít...*, bé Mai Anh đọc được trôi chảy tiếng Việt, anh Kỳ tập cho nó đọc những bài thơ hay. Thơ thì anh có cả một kho trong đầu của mẹ anh truyền lại, và anh truyền lại cho Mai Anh, từ những bài đồng dao Xúc Xắc Xúc Xè lúc còn bé, cho đến những bài thơ mới, ngắn như bài Tiếng Thu, dài như bài Tha La Xóm Đạo, và cả bài thơ Đây Thôn Vĩ Dạ nữa, dĩ nhiên, khi Mai Anh đã lớn. Anh còn cho con tập viết bài này và đóng khung đề trên bàn viết của mình. Lua không nói năng gì. Tuy cũng có lúc Lua thắc mắc tại sao không cho con đọc văn xuôi bình thường như những đứa học trò khác mà lại đọc thơ như vậy, anh trả lời: vì trong thơ có cấu trúc toán học; và dĩ nhiên, Lua chẳng hiểu gì.

Thế rồi một hôm anh đi làm về với Mai Anh anh đón từ trường, cha con thấy Lua nằm gục trong phòng tắm, mình bận áo đầm trắng, thơm thơm Chanel số 5, tóc mới chải, đầu đồ gục cạnh cạnh bồn tắm, chân còn đeo đôi giày cao gót hàng hiệu anh mới mua tặng, mà một chiếc đã bung khuy dây cài vắng ra một góc, nhưng Lua vẫn còn sống, thều thào:

"Em thử đôi giày..."

Anh Kỳ cố gọi xe cứu thương nhưng không còn kịp nữa. Lua nhắm mắt sau khi chỉ còn đủ sức dặn anh:

"Anh ở lại... Anh ráng nuôi con nên người."

"Em không cần phải dặn."

"Nhưng anh hứa đi, cho em yên lòng ra đi."

"Ừ, anh hứa. Nhưng em sẽ qua khỏi mà."

Anh cứ ở thế nuôi dạy con. Anh cũng như cha anh, nghiêm khắc với con cái chuyện học hành. Nghiêm khắc và có dư kiến thức. Mai Anh luôn luôn đứng đầu lớp là chuyện đương nhiên. Khi Mai Anh được nhận vào môn xây dựng, trường cao đẳng kỹ thuật hàng đầu NTH ở Trondheim, anh xin nghỉ công việc lương cao của anh, và với đồng lương trợ cấp thất nghiệp, anh thuê một căn hộ nhỏ gần trường để cha con ở chung, hầu anh có thể tiếp tục giúp đỡ con. Anh nấu cơm, kể cả đưa

bữa ăn nóng lên cho con ăn ở trường và kiếm một góc giúp con làm bài tập toán trong ngày. "Mấy loại toán đó dễ ợt." Có lần anh khoan khoái nói với tôi như vậy. Sau năm năm Mai Anh đã dễ dàng lấy được cái bằng cao học với số điểm cao nhất, rồi cô có ngay công việc lương cao, địa vị cao trong hãng chế dàn khoan ngoài khơi Aker Offshore, và lập gia đình với người "môn đăng, hộ đối" với mình về mặt kiến thức và địa vị.

Anh ra ở riêng, lẻ loi trong một căn hộ nhỏ, đìu hiu, giữa phố phường lạnh lùng nhân tính; người bạn xú chung quanh là những khối bê tông biết đi không hơn không kém; người đồng hương không bom cay, thì cũng là bom gây ói nộ chậm, gần họ thế nào có ngày cũng dính, anh kể với tôi. Bốn bức tường trắng mênh mông với bức ảnh đen trắng của người vợ quá cố ngày ngày nhìn xuống anh như hoài niệm của một thời gian nan chinh chiến, lao đao hậu chiến cộng sản rồi hải ngoại. Anh xin đi làm trở lại, nhưng không được làm ngành cũ như ý muốn, chỉ làm công nhân quen trong một xưởng máy. Ngày lại qua ngày, nhưng không được như những ngày trước. Mai Anh đến thăm cha luôn. Một hôm nó nói:

"Ba à, ba hi sinh cho con vậy là đủ rồi. Ba còn phải sống cho ba nữa, mẹ thì không còn sống lại được nữa. *Man må leve videre*⁴ mà ba. *Livet er for kort*⁵."

Anh Kỳ nhìn con.

"Ba à, con có một người bạn gái làm cùng sở, nó có một người dì nó năm nay 30 tuổi, xinh lắm, đang ở Việt Nam. Nó bảo nếu ba muốn, nó sẽ làm mai cho. *Livet er for kort*. Ba đã 60 tuổi rồi."

Anh Kỳ im lặng.

"Thôi, ba không cần quyết định bây giờ. Kỳ sau con đến, ba con mình nói tiếp chuyện đó."

Anh Kỳ mặt đỏ dần.

Mai Anh liếc xéo: "Mà người ta người đất Thần Kinh đó nghe ba." Rồi vừa cười vừa ngâm: "Sao anh không về chơi thôn Vĩ..."

Mặt anh Kỳ đỏ gay, những mạch máu nơi cổ, nơi hai cánh tay trườn lên thấy rõ. Chùng như giòng thơ đang hồi hả chờ đoàn lũ các nường lá trúc che ngang mặt chữ điền đậm dật vào từng mạch máu thăm anh. *Em đang hừng, em đang đầy và em đang căng, em có thể hừng và đầy và căng và yêu anh từ chỗ*

anh đang đi bên em đến bất cứ chỗ nào anh nằm xuống ôm em.

Hỏi thỏ anh Kỳ có chiều gấp gáp.

”Mà chị ta tên gì?”

”Hạ Hương!”

Em đang hưng, em đang đầy và em đang căng...

”Mùa Hạ sông Hương ... Hương mùa Hạ nào ù say trần gian...” – Mai Anh hát, nghe như tiếng ma nữ thấp thoáng mời người lên đò bên Lú chiều hôm.

Rồi nó ra về, hôn lên trán ba nó, khoảng ngực trắng, nụ hôn thoang thoang muôn hương.

Và anh Kỳ ứa nước mắt.

Hạ Hương có khuôn mặt đẹp mà buồn buồn mèn mẹt gọi mơ mòng ân ái: *Omne animal post coitum triste*⁶. Cho nên anh Lê Kỳ lậm ngay, dù chỉ mờ mờ nhàn ảnh qua mạng còn thô sơ hời ầy, đến nỗi anh không may may chao động khi nàng cho biết nàng đã li dị và có hai con, con trai 10, con gái 15 tuổi. Rồi hai người toan tính chuyện hôn nhân và sau hôn nhân anh sẽ bảo lãnh luôn cả ba mẹ con sang Na-uy. ”Anh là bóng mát của đời em và hai con em.” Hạ Hương thăm thì tạ ơn chàng. Và trong khi chờ đợi, anh Kỳ che mát đời ba mẹ con bằng những đồng đô la xanh xanh màu lá. Đụng tới đô la, là đụng mọi thứ và qua đó lột trần được mọi thứ. ”Lấy ai không lấy lại lấy gái nà dòng hai con.” ”Cái giống đàn bà đa trá. Bỏ cho sớm, kéo lại thiệt thân.” Câu cuối cùng này, mẹ anh nói, khi biết rằng, anh gởi mười ngàn đô về xây nhà và ráp luôn máy bơm nước và xây bể chứa nước cho cha mẹ Hạ Hương cho trọn bộ, ”Để em yên lòng qua bên đó với anh.” – Hạ Hương giọng ân cần, trong khi số tiền anh gởi về cho mẹ già anh trong hai mươi năm anh xa xứ chỉ bằng một nửa

”Thôi, bỏ người ta tội nghiệp. Mình đã lỡ hứa với người ta rồi.”

”Sao không tội nghiệp những người ngoài đường luôn đi. Hứa gì mà hứa! Thấy nguy hiểm và mình biết quay lui thì đâu có gì sai trái. Các cha trên toà giảng gọi đó là phản tỉnh. Tỉnh lại đi anh ơi.” – Em gái anh nói như thế qua điện thoại.

”Em nói vậy sao được. Cái duyên số nó đã đưa đẩy đến nước này.”

”Anh nói năng như một con mụ nhà quê

dốt nát. Số với lại phận!” – Em anh nói.

”Nuôi cho mày ăn học có bằng có cấp hơn người mà sao mày ngu đến như thế.” – Mẹ anh nói

Những lời nói nặng đến như thế vẫn phải thua đậm tiếng thì thầm của Hạ Hương mỗi đêm. Sau hơn một năm dài nhớ thương trên mạng, anh Kỳ với giấy cho phép tạm trú cho Hương và hai con nàng trong tay, anh háo hức bay về cưới nàng. Chàng phơi phới ra khỏi phi cảng, sau khi đốt nguyên 200 đô để qua cửa ải cho lệ. Nhưng chàng rề, sau khi chỉ kịp chào hỏi qua loa với người đẹp, được mấy tay bà con chỉ đỏ đưa ngay ra xe bao và đưa ngay ra Huế; anh không được ghé xuống Dầu Giây, Long Khánh để thăm mẹ già (cha anh đã mất) với lý do họ đưa ra là phải đi gấp vì ông công an phụ trách vụ ngoại kiều chịu ký giấy kết hôn cho anh và Hạ Hương đang đợi họ, trước khi ông ta đi gấp ra Hà Nội họp, và công an ngoài đó ganh ghét việt kiều và hay làm khó dễ, chớ không như trong này. Mọi nghi ngờ đối kháng còn lại nơi anh Kỳ bị triệt tiêu ngay khi tay cầm tay và nàng kín đáo, nhẹ nhẹ đặt nụ hôn đầu lên trán anh, khoảng ngực trắng nõn, và cả một trời nhiệt đới hương bay. Anh Kỳ ứa nước giải.

Sau khi làm giấy hôn thú xong xuôi, Hạ Hương thúc dục anh vào chào mẹ anh ngay, đến nỗi anh không kịp cùng nàng cầm tay đi trên những con đường thành nội, thành ngoại, trường Đồng Khánh một thửa mà nàng nói nàng hồi trước có học ở đó, được xem lại thôn Vĩ Dạ và bao nhiêu cảnh trí thơ mộng khác như anh đã dự tính trước khi về cưới Hạ Hương.

Hôm đưa Hạ Hương trở vào Nam, anh kêu cửa mãi nhà mẹ anh, mà không thấy ai mở cửa. Người hàng xóm thấy thế, chạy kêu em gái anh Kỳ, và khi em anh đến, em anh cho biết mẹ anh bị cảm đang nằm trong nhà. Cô em gái kêu mãi bà mới mở cửa. Khi được hỏi, sao bà không mở cửa ngay, bà điềm nhiên nhìn vào mặt Hạ Hương, nghiêm giọng:

”Tao cứ tưởng là kẻ cướp.”

Suốt ba năm anh Kỳ sống với Hạ Hương

ở Na-uy là thời gian thỏa chí bình sinh nhất của anh. Nàng như một tặng vật cho chàng, mỗi ngày một mới, mỗi ngày là mỗi khám phá kỳ diệu, mỗi ngạc nhiên thú vị trên thân thể nàng, nơi trang phục, nơi lời nói, ý nghĩ. Cái đất Thần Kinh ấy đã trang bị cho nàng một kho tàng văn hoá tinh luyện bao đời vương giả, từ dàng đi nhẹ như không chạm đất, thể nằm nũa như lơ lã nũa kính cần hiền dăng, lối ngồi khi cao sang mệnh phụ khi khép nép khiêm cung, những món ăn nấu khéo như ngự thiện, những tách trà thơm từ tay ngọc thơm. Cùng nhau nhìn mặt trời lặn, nàng có ngay *Mặt trời như trái cây tuyệt vọng*. Đi dưới cổ thành Oslo, mưa bay nghiêng nghiêng, lòng nàng cũng nghiêng theo *Mưa vẫn mưa bay trên tầng tháp cổ*. Ngồi xuống với nhau trên thạch bàn nhìn đá sỏi vu vơ, nàng dặn dò: *Ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau*. Nằm xoa tóc bên anh trên đồi xanh chiều vắng, nàng liêu trai mên mệ: *"Về đồi mây thấp hương nằm mộng/Rồi ngủ quên giữa trời mênh mông / Về nguồn xưa gối tay nằm bệnh/ Về cội xưa nủ tay nghìn trùng."* Khi tôi kể lại cho vợ tôi đôi nét về một Hạ Hương thấm nhuần văn hoá mà anh Kỳ đã hãnh diện kể cho tôi nghe, một Hạ Hương hiện thân của một nền văn hoá Miền Nam nhân bản tôi rất hãnh diện, bà phang ngay: "Đừng có tương bợ nghe mấy cha nội. Hồi em ở cư xá sinh viên, em đã từng nghe mấy con sinh viên ở chung phòng làm đi với viết kiêu trên mạng, tụi nó còn phun ra những câu thần sầu hơn vậy nhiều."

Sang được ba năm một tuần, sau khi ăn mừng vì được giấy cư trú vĩnh viễn, nàng Hạ Hương người bỗng tắt hẳn hương phấn, cứ than mệt mỗi khi vào giường, cần nhần mẫu giấy anh đánh rơi, chén trà anh chưa kịp cất. Hai đứa con đi học về không chào "Thưa ba con đi học về" nữa, mà lầm lũi li li. Rồi ba mẹ con lựa quần áo bỏ vào va li và bảo là sẽ đưa xuống bỏ vào thùng thâu quần áo cũ của hội từ thiện. Rồi Hạ Hương bắt đầu hỏi tiền.

"Tiền gì?" Anh Kỳ sững sốt. "Anh một mình đi làm, chỉ đủ trang trải tiền nhà, tiền ăn, và mọi chi phí trong nhà, rồi tiền hằng tháng gởi về cho cha mẹ em, tiền túi cho em và mấy đứa. Tháng nào hết tháng đó."

Mặt Hạ Hương đanh lại, lá trúc không còn che nổi mặt chữ điền, đưa tay chỉ vào mặt anh Kỳ 63 tuổi, nói như măng xà rít:

"Nì, lâu nay tui nhing, tui không noái đó nghe, chơ tui biết dư là khi eng độc thân eng phải đóng thuế cao loại mộộc, còn khi eng có vợ có con ching phù chỉ bắc eng đóng thuế bậc hai, cheng nhau mỗi tháng cả chục nghìn kroner chơ không íc. Không có mẹ coong tui làm chi eng được bộn tieng rừa. Tieng eng, eng cứ thù, eng bỏ nhà băng, eng để mẹ coong tui tơ bơ tác bắc như tui ăng mầy."

"Em đừng nói quá như vậy. Chơ tiền phụ cấp trẻ em của hai đứa, em lãnh em giữ mà."

Hạ Hương tru tréo:

"Trời ơi là trời, người chi mà bằang tieng. Tieng của ching phù cho coon níc, chơ phải của eng mô, mà eng xót lòng xót dạ. Thiệc là ôộc độộc!"

"Anh tốn tài biết bao nhiêu cũng chỉ để xây dựng gia..."

Anh Kỳ chưa nói hết câu, thì từ ngoài hành lang có tiếng ngâm e e của thằng con trai Hạ Hương:

"Bắc thang lên hỏi Ông Trời"

Tiền mà cho gái có đòi được không?"

Còn cô con gái lâu nay e dè, khép nép trước mặt anh, trề môi:

"Tieng tróóc đút lỗ, thang khổ nổi chi."

Anh Kỳ giận tím gan, nhưng sau đó anh vẫn nghĩ đây chỉ là những điên loạn nhất thời của những con người cùng khổ, vì nghèo khổ quá lâu, nên chuyện coi đồng tiền là tiên là phật đã trở thành quán tính, nên mới cặn tầu ráo máng với anh đến như vậy, và anh vẫn tin Cái Thiện vẫn còn nằm trong đáy lòng họ, nhất là nơi Hạ Hương, một người đàn bà hương sắc, văn hóa thuần nhả đến như thế. Anh im lặng và đi làm chờ ngày lương tri hồi sinh. Nhưng một ngày kia anh đi làm, về nhà không thấy mẹ con Hạ Hương đâu nữa; chỉ thấy chiếc bì thư không với tiêu đầu sở ngoại kiều UDI đã mở bỏ trên bàn ăn vừa như để thông báo lý do ra đi của họ, vừa như để chửi vào mặt cái ông kỹ sư Lê Kỳ già đầu mà ngu. Tấm hình đen trắng của người vợ chân quê quá cố mà anh đã gở xuống bỏ vào rương trong nhà kho dưới hầm trước khi rước Hạ Hương sang đang bay thấp thoáng trên tường và nhìn xuống anh bữu môi.

Mai Anh vừa đi làm vừa tiếp tục nghiên cứu

ngành của mình, và ba năm sau bảo vệ thành công luận án tiến sĩ. Ngày ấy anh Kỳ vừa bằng cháu ngoại vừa nghe con mình thuyết trình luận án. Ngày vui nhất đời anh. Bài phỏng vấn của Mai Anh với chuyện hi sinh, nuôi dạy con của cha cô được đăng tải trên các tờ báo lớn. Cha xức lấy cô, một cựu học sinh lớp hè tiếng Việt của giáo xứ, để chứng minh rằng học tiếng Việt chẳng những không gây trở ngại mà còn làm cho các học sinh học giỏi hơn. Hội người Việt lại được thêm một trường hợp "về vang dân Việt" dán lên tường. Khi biết tin Mai Anh đậu tiến sĩ, nhìn hai đứa con tiêu tốt của mình, Hạ Hương bỗng khóc nức nở. Ngay ngày sau Hạ Hương tìm đến văn phòng của Mai Anh và đứng chờ. Vừa thấy Mai Anh đi ra, Hạ Hương chạy lại. Sau vài câu chào hỏi xã giao, Hạ Hương năn nỉ:

"Con về nói với ba Kỳ cho mẹ trở lại đi. Mẹ rất ân hận."

"Bà bỏ ba tôi bà đi như vậy mà bà còn trở lại được sao?"

"Tại mấy đứa em của mẹ, tội nó xúi."

"Bà là người lớn, bà phải chịu hậu quả của sự chọn lựa của bà."

"Mẹ thì mẹ chịu mọi hậu quả, nhưng tội nghiệp cho hai đứa con của mẹ, giờ tội nó học hành chẳng tới đâu cả. Giá mà mẹ còn ở với ba con, thì nhờ ba con dìu dắt, kèm cặp, giờ này chúng nó không vào được đại học, thì cũng cao đẳng. Thì như con đó, nhờ ba con giờ con mới nên danh nên phận, có đâu như hai đứa con của mẹ... Mà ba con lúc trước cũng hứa là sẽ dạy mấy đứa..." Rồi Hạ Hương ôm mặt khóc, mặt hốc hác, thảm thương như mọi bà mẹ Việt Nam mong cho con nên người mà không được.

Mai Anh đã biết cái sự trọng chữ tín đã làm khổ đời ba cô như thế nào, nên nói dối tinh bơ, làm chính cô cũng nhọc nhằn về cái tinh bơ của mình, vì thực sự lúc đó anh Kỳ vẫn còn ở vậy.

"Muộn rồi, thưa bà. Ba con đã có người khác rồi."

Hạ Hương từ vai hiên mẫu bước ngay qua vai bà chẳng, từ đất Thần Kinh nhảy sang chợ Cầu Muối:

"Chồng tao ở Việt Nam bảnh gấp mười lần thằng cha Kỳ tao con bỏ cái một nửa lợ. Già khú đế mà phách lỏi."

Tết năm nay, tôi cũng xin nghỉ ở nhà ăn tết và đồng thời trốn lạnh đôi ngày. Một mình, thấy trống trải lạ thường. Bỗng nghĩ đến anh Kỳ mà đã lâu chưa gặp lại, tôi bốc điện thoại vừa để chúc tết anh vừa đàm đạo cho ấm ngày xuân lạnh lẽo, thì nghe đầu giây bên kia giọng một người đàn bà, đúng hơn giọng của một cô gái trẻ, trẻ qua giọng nói trong veo và tươi vui:

"Dạ em là Hương, Xuân Hương, vợ anh Kỳ. Dạ em được hân hạnh hầu chuyện với ai vậy ạ?"

Tôi ngạc nhiên, và bỗng cảm thấy vui, thấy hứng khởi như đang đọc một cuốn tiểu thuyết mà đúng tới chỗ có gút truyện hấp dẫn, gay cấn, tôi xưng tên và nói tôi là bạn anh Kỳ và muốn gặp anh Kỳ nói chuyện. Cô nàng vui vẻ, lễ phép:

"Dạ nhà em đang đi ra sứ quán Việt Nam để lấy chiếu khán, rồi mai về Việt Nam."

"Vậy hả! Vậy thì vui rồi. Mà ở Việt Nam chị ở đâu?"

"Dạ, em ở thôn Vĩ Dạ. Em bán cà phê ở đó."

Có cái gì đó thôi thúc tôi hỏi một câu rất bất lịch sự:

"Vậy anh Kỳ gặp được chị ở đó à?"

"Dạ. Anh Kỳ nói anh đi loanh quanh suốt mấy ngày ở thôn Vĩ, bữa cuối cùng mới chân, vào quán Xuân Hương của em..."

"Vậy thì chúc mừng anh chị. Mà anh chị cưới nhau đã bao lâu rồi?"

"Dạ được gần ba năm rồi... Ồ, quên, được ba tháng..."

"Chắc cuối năm sẽ có con cho anh Kỳ bỗng."

"Dạ, chắc không có đâu. Mà có hay không, không quan trọng. Chúng em đã có 14 đứa con ở Việt Nam rồi."

Tôi ngó người:

"Chị nói gì tôi không hiểu."

"Thì anh Kỳ lúc làm kỹ sư công chánh ở Việt Nam trước đây, anh đã xây được 14 cái cầu ở Việt Nam. Đó là những đứa con tinh thần của anh ấy, là những tặng vật anh ấy để lại cho đời. Con anh ấy cũng là con em. Năm nay em đòi anh ấy đưa em về thăm đứa con thứ 14, đó là chiếc cầu phao anh chỉ huy làm ngày 16 tháng Ba năm 75 trên con sông chạy ngang qua quốc lộ 14 từ Pleiku đi Phú Bồn trong cuộc di tản chiến thuật kinh hoàng. Dù

bây giờ cầu không còn, nhưng anh Kỳ và em sẽ đi thăm khúc sông đó. Và anh Kỳ sẽ thấp hương với em ở đó cho các đồng bào thọ nạn cùng tử sĩ năm nào. Những chiếc cầu khác anh ấy đã dẫn em đi thăm những lần trước anh ấy về thăm em.”

”Trời đất, chị nói vừa như một triết nhân vừa như một thi sĩ. Chỉ có người đất Thần Kinh mới nói được như vậy. Như Trịnh Công Sơn, như Trần Vàng Sao, Nhã Ca, Túy Hồng và còn nhiều nữa, những văn nhân, nghệ sĩ kỳ lạ của xứ Huế.”

”Dạ, anh nói quá, em làm chi mà sánh được với mấy người nớ...”

Tôi bỗng thấy mùa xuân bây giờ mới thực sự đến, những cánh tuyết rơi mịt mù gây nản ngoài khung cửa bỗng biến thành muôn muôn cánh hoa đào hân hoan mưa xuống Na-uybăng giá. Tôi mừng cho Đất Nước tôi. Tôi mừng cho anh bạn Kỳ cuối cùng đã tìm được người lá trúc che ngang mặt chữ điền thứ thiệt.

Năm nay bà xã tôi về Việt Nam ăn tết.

Nguyễn Văn Thà
Oslo, 22 XII 2012

Chú thích:

1. Của Túy Hồng.
2. và 3. Thơ Nhã Ca.
4. Người ta phải tiếp tục sống.
5. Đời người quá ngắn ngủi.
6. Mọi loài thú đều buồn buồn sau khi giao cấu. (Ngạn ngữ La Tinh).

Còn những câu sau là của Trịnh Công Sơn.

****Nhân vật, sự việc trong truyện là sản phẩm của trí tưởng tượng, (mặc dầu không có chuyện tưởng tượng nào dựa trên hư vô). Vì câu thơ *Lá trúc che ngang mặt chữ điền* trong bài thơ về thôn Vĩ, xứ Huế là sợi chỉ đỏ xuyên suốt truyện, nên các nhân vật nữ phải là người xứ Huế, và các nàng-nhân-vật đó được tác giả vẽ ra từ những quan sát của tác giả về một số phụ nữ Huế đặc thù từ một tập thể phụ nữ Huế có kẻ tốt lẫn người xấu. Không ai kết án Nam Cao là kỳ thị người làng Vĩ Đại, khi ông dùng các người làng Vĩ Đại để dựng lên các nhân vật "xấu" và "xấu xa" tới mức điển hình trong các tác phẩm của ông - Tác giả.**

Tự nhủ mình

Tôi nói hoài mà tôi không nghe:
Hãy an nhiên mà sống,
Nhìn trời đất mà vui.
Ngày mai dầu thế nào
Thì cũng chẳng làm sao!

Đăng Trình NTV

ĐÔI LỜI TÂM SỰ

Tôi sẽ đi xa
vào một ngày không định trước.
không cơ hội từ giã bạn bè,
như chiếc lá khô rơi tĩnh lặng...
Tôi đi
không mang theo hành trang,
kể cả hành lý xách tay!
Tôi muốn ra đi không lưu luyến.
Xin gởi lại bạn
Những sách vở
Cả một đời chắt chiu, thương mến
Cám ơn bạn nhận lời tôi ký thác.
Cho sách vào thùng, nén từng cảm xúc,
lòng bồi hồi...
Rồi cũng phải xa thôi!
Cám ơn bạn, người sẽ gìn di sản
Đề tiếng mẹ không khi nào mất tích!
Đề những trang chữ im lìm
trở thành hữu ích!

Đăng Trình NTV



CUỘC THĂM VIẾNG BESØKET

Nguyên tác: Sidsel Mørck
Bản Việt ngữ: Dương Kim

Nhà văn nữ Sidsel Mørck sinh ngày 28 tháng 11 năm 1937 ở Oslo, thủ đô Vương Quốc Na-uy. Sidsel Mørck lớn lên tại tỉnh Sandeffjord. Sau bảy năm làm phụ tá ở một tiệm sách, bà là thư ký hành chánh. Năm 1967 Sidsel Mørck ra tập thơ đầu tay, «Et Ødselt Sekund»¹. Sau đó bà xuất bản khoảng mười bốn tác phẩm nữa. Các tác phẩm của Sidsel Mørck được nhiều người thích. Bà cũng làm thơ, viết bài ca cho thiếu nhi.

Tôi đợi một lát rồi mới bấm chuông. Tôi đứng trên cầu thang trước căn nhà nhỏ màu vàng, nhìn lớp sơn bị chóc trên khung cửa; cửa kiếng có dây kéo, quả nắm bằng thau thiếu một đỉnh ốc. Đây là căn nhà mà giờ đây tôi không còn ở trong đó, nhưng nó vẫn ở trong lòng tôi. Luôn cả khu vườn nữa, với lối đi nhỏ dẫn ra đường lớn.

Sân cỏ rậm tươi tốt, bụi hồng đầy những nụ hoa, cây lê già với những cành không, cong queo. Đã lâu lắm rồi nó chưa ra trái. Có cả mùi cỏ cháy, tôi nhớ hết mọi chuyện: Mette, Ragnhild và Anders; chúng tôi đang chơi ở trên đường, nghe thấy còi xe cứu hỏa, chúng tôi nhảy lên xe đạp, đạp đi.

Mấy chiếc xe màu đỏ, đàn ông trong nhữ bộ đồ đồng phục đen; lửa vàng đang trườn ra ngoài với tốc độ dữ dội, chúng tôi tới thật gần, đến tận vùng nguy hiểm, cảm thấy khói và hơi nóng, bị xua đi, lại trở lại...

Ánh sáng là lạ, dịu dàng trong đêm xuân. Tôi thấy ngại việc phải vào nhà, ánh sáng không chiếu vào các phòng. Bố tôi mất cách đây đã 4 năm rồi, căn nhà như cũng chết theo cùng lúc.

Một cái bóng trên màn cửa? Mẹ đã nhìn thấy tôi, cửa mở ra trước khi tôi kịp bấm chuông.

*

Chúng tôi ngồi như thường lệ, tôi trong chiếc ghế xanh lá cây, mẹ trong bộ sô-pha, có đệm thêm một cái gối lót lưng. Đó là chiếc gối của bố, mặt bên này vải nhung nâu, mặt bên kia vải thêu đã sờn. Cà phê nguội, mâm bánh gần như chẳng ai mó tới, bánh nhiều đủ cho một bữa tiệc con nít. Tôi mua bánh để mẹ nướng. Chúng tôi vừa là khách, vừa là chủ nhà, cách đây lâu lắm rồi, hai mẹ con đã ở chung với nhau.

Chắc đây là lần đi thăm thứ tư trong

năm, hoặc có lẽ là lần thứ năm. Những cuộc nói chuyện điện thoại lúc nào cũng kết thúc như vậy:

«Con sẽ đến chơi sớm chứ»

«Dạ vâng, nhưng con bận lắm»

Tôi đan, mấy cây kim đan kêu lách cách, một âm thanh nặng nhọc trong căn phòng yên lặng. Tôi đan áo với lòng bứt rứt: Một xuôi, hai ngược, một xuôi...

«Mẹ, xem này! Áo gi-lê tặng mẹ. Mẹ mặc màu xanh dương hả?»

«Cho mẹ à? Trời ơi, con tốt quá! Len tuyệt quá!»

Mẹ mỉm cười ngạc nhiên. Nom bà như một cô gái, một cô gái nhỏ đang ngồi trên chiếc ghế sô-pha người lớn. Bà diện váy thêu, gấp nếp; áo sơ-mi trắng, guốc sơn dầu bóng. Tóc mới, lộn tóc hơi cứng.

Mẹ đã trang điểm vì tôi. Bà vui mừng trong những giờ phút như vậy, hy vọng tôi sẽ tặng lại bà từ chính tay tôi một vật gì đó của tôi; tôi là người hiện có tất cả: chồng con, công việc, chính trị, đời sống linh động trẻ trung.

Mẹ lấy đồ thêu ra, sợi dây giựt chuông. Lại một thứ trang căn nhà chồng chất này? Mỗi chỗ trống, một đồ trang trí nhỏ, nó nói lên những buổi sáng vô tích sự và những lần tình cờ đi mua sắm.

Tôi không thấy lương tâm bị cắn rứt vì việc mua sắm điên rồ mãi thế. Hồi còn là đứa bé gái nhỏ, tôi ham mê những cuộc đi mua sắm ngoài phố mà cuối cùng là vào tiệm bánh ngọt, bánh sinh nhật. Tôi còn nhớ mẹ, trước tấm gương, khi chúng tôi sắp khởi hành, đôi mắt tươi vui, miệng đỏ, mẹ khoác lên mình chiếc áo choàng đẹp, mẹ là người mẹ đẹp nhất trên thế gian này. Đôi tay lớn, ấm. mẹ dắt tôi đi miết, trên những lề đường đầy người, trên đường đầy xe cộ. Trước những

cửa kiếng và cửa tiệm đồ gốm, chúng tôi dừng lại lâu, trước khi mẹ nói, gần như tự biện bạch: Minh phải vào chứ?

Mẹ như con nít trong tiệm đồ chơi vậy, hầu như lúc nào đi ra cũng có bình, tô đựng kẹo, búp bê bằng sứ...

Sau đó, trong tiệm bánh ngọt, đôi khi mẹ tháo đồ ra, cẩn thận cuộn giấy lụa lại, nói:

«Cái này đẹp chứ?»

«Dạ, đẹp lắm!»

Tôi thấy vui sướng, với cái cảm giác lạ rằng hai mẹ con có chung một niềm bí ẩn.

Nhưng khi mọi chuyện đều đổi khác, tôi thấy mắc cỡ vì những đồ trang trí nhỏ khắp nơi, còn mẹ thì kỳ quá. Tôi như bị chọc tức vì hai cái bàn tay cứ nắm lấy tôi, nắm không phải để dẫn dắt, nắm chỉ cốt giữ chặt.

Tôi nhìn đôi tay mẹ đang may, bàn tay trắng nhỏ, run, cây kim đâm sai. Mẹ đeo nhẫn kim cương, nhẫn dự tiệc, nước son móng tay màu hồng. Tôi cảm thấy tình yêu mến tựa như nỗi đau khổ vậy, và ngay lập tức sự tức giận tuôn tràn ra: Con không muốn có sự ngóng trông!

Con không muốn có trách nhiệm về sự cô đơn của mẹ! Không phải lỗi nơi con mà mẹ không có thêm nhiều con cái, không phải lỗi con mà mẹ phải nghĩ việc khi đi lấy chồng. Mẹ khỏe mạnh, mẹ có thời giờ, tiền bạc và cả tờ khế ước của bố. Hãy đứng lên, tìm một thú tiêu khiển, hãy đến với hội đoàn hưu trí.

Con đã nói đến cả trăm lần, mẹ đã đồng ý rồi mà. Nhưng mẹ chẳng bao giờ làm, mẹ chỉ nhìn thoáng qua cửa sổ nhà dưỡng lão thôi.

Mẹ nói nom họ già quá. Vâng, dĩ nhiên là thế! Họ già, mẹ cũng thế thôi, mẹ bảy mươi một tuổi rồi, mẹ ạ. Nhưng nếu mẹ muốn tự làm phiền mình, nếu mẹ muốn yên vui với sự cô đơn của mẹ, xin cứ tự nhiên.

Con không thể nào sống vì mẹ.

«Sợi dây giựt chuông đẹp quá nhỉ?!»

Tôi nhìn kiêu vãnh, dây leo màu đỏ sẫm và màu vàng.

«Dạ, cái này chắc hợp với tường gỗ thông lắm đó? Nhưng giờ con phải đi dọn bàn, rửa chén, mẹ cứ việc coi tin tức nhé.»

Tôi cảm thấy đôi má mình nóng lên, tôi quay đi để giấu điều đó. Tôi mới là người có tường nhà bằng gỗ thông, chứ không phải mẹ. Trời đất ơi, giờ chúng tôi ngồi đây làm

quà cho nhau, chẳng tìm được thứ gì khác để dùng cho tình thương cũ.

Đã hai tháng rồi chúng tôi mới gặp nhau, nhưng khi gặp thì thật là trống rỗng. Hai thân thể trong cùng một căn phòng, mâm bánh, việc thủ công và tin thời sự.

«Minh cùng rửa chén nhé?»

«Thôi cung à, mẹ ít việc, còn con thì quá bận. Cứ để mặc đấy. Chút nữa mình uống chút rượu. Dù con lái xe, nhưng uống một ly được chứ?»

Mẹ cười trong lúc dọn bàn, một nụ cười lạ lùng, trẻ trung, gần như là nghịch ngợm vậy.

*

Nước từ rô-bi-nê, tiếng kêu lanh canh của ly tách, thau và mẹ ngâm khe khẽ trong bếp. Những âm thanh ấy như xa xôi, bà đóng cửa lại, ở giữa là phòng ăn.

Tôi ngồi ỳ ra, cảm thấy sức nặng của tay chân, sự mệt, sự mệt mỏi lan rộng ra, khắp người.

Phòng khách và tôi, chẳng có gì khác. Chẳng có ti-vi nhấp nháy, tôi không chịu được tin tức. Chẳng bị ánh mắt của mẹ cùng với giọng đòi hỏi sự chú ý.

Phòng khách, phòng khách thời thơ ấu, tôi đang nhìn thấy lại. Năm mươi tuổi, tôi nằm trên sàn, vẽ. Tôi nhớ thăm trái nhà màu xanh lá cây, hình ca-rô, Ô nọ trong ô kia, ô nhỏ nhất chỉ còn là một dấu chấm. Những cây bút chì, màu, giấy vẽ ở nơi cố định, giữa máy thu thanh và hồ cá. Bố và mẹ với cà-phê cùng báo chí; bố bắt chợt nổi nóng, đọc gì đó lớn lên: mẹ chỉ lên tiếng «vâng» hay «không»; hiếm thấy mẹ nói gì nhiều hơn nữa. Tôi nhớ mấy đôi giày của bố mẹ, đôi giày màu nâu có dây thắt, lúc nào cũng vắng qua vắng lại. Đôi giày xanh lơ, mẹ hát văng ra, đôi giày đã bị mòn ở mũi, gần như trắng bệch.

Tôi vẽ cá, chẳng bao giờ tôi vẽ cá trong hồ cá. Rồi những bức vẽ ấy được treo trong phòng ngủ, ngoài hành lang, trong nhà bếp. Cả ở phòng khách nữa – tôi cần nhắc về việc đó. Những nơi ấy đã có mấy bức họa, chẳng hợp với mấy bức vẽ của tôi lắm, mẹ nói thế.

Mấy bức họa cũng thế, tranh vẽ trái cây ảm đạm và tranh phong cảnh lòng trong những tấm khung kiêu các. Chúng luôn được treo ở đấy. Có lẽ chúng quý giá, tôi không biết, mấy chữ ký chẳng nói lên với tôi điều gì.

Bộ sa-lông cũng thế, rộng lớn, nhưng hơi đổi màu xám xanh. Máy thu thanh và hồ cá không còn nữa, chỗ vẽ có một chậu hoa thô kệch bằng nhựa. Đây không còn là phòng vẽ của đứa bé mười tuổi, mà là phòng khách của người về hưu. Kính lúp nằm cạnh máy tờ báo, chương trình Ti-Vi và thu thanh.. Mục thu thanh «*Lúc buổi trưa*» đã được gạch dưới. Áo choàng để chơi bóng gôn vắt trên lưng thành ghế. Sổ điện thoại của người giúp việc nhà viết trên miếng giấy, được ghim dính chặt vào tường ở phía trên bàn để điện thoại. Nhưng trong kệ phía dưới ...? Một chồng thư từ, một đồng cao phong bì, trắng, vàng, xanh dương.

Tôi đứng dậy, đi hai, ba bước, dòm những chữ viết trên cùng. Không phải nét chữ của tôi; không, dĩ nhiên rồi, tôi gần như chẳng bao giờ viết thư.

Một ý nghĩ đột ngột, tôi nhanh chóng chộp lấy vài bức thư, nghe ngóng. Ừ, tiếng động trong bếp vẫn còn !

Tôi không suy nghĩ, chỉ làm thôi. Đi nhẹ nhàng qua bàn ăn, vào hành lang, chỉ còn vài thước. Phòng tắm, một cánh cửa khóa! Tôi lại lắng nghe, trước khi tôi chuồn vào, vặn khóa lại. Đọc thư của người khác, việc tôi tệ nhất, nhưng giờ tôi đang ngồi trên nắp bàn cầu; tim đập mạnh, tay run, rút lá thư ra khỏi bì xanh dương.

Tờ thư hơi bị nhăn, có lẽ đã được đọc nhiều lần. Nét chữ đều, nghiêng:

«*Margit yêu quý nhất. Cảm ơn cuộc gặp gỡ lần trước, một buổi chiều thật tuyệt vời...!*».

Tôi đọc thoáng qua hai trang thư kể trình trọng một chút về một bữa tiệc. Rượu lóng lánh trong những ly cao, nhạc mở nhỏ, những cuộc nói chuyện thân thiết.

Rồi phía dưới: «*Johan chung thủy của em.*»

Trời đất ơi, ai là Johan vậy? Đáng lẽ tôi phải biết, có lẽ ông ta đã được liú la, liú lô nhắc đến qua tách cà-phê, hay việc làm thủ công.

Nhưng tôi không bao giờ bắt được chuyện mẹ nói, nó tan đi, thành không khí, biến mất ngay. Một phong bì mới, màu vàng, lá thư mới, cũng màu vàng. Ông Johan này xài giấy viết thư thật hào phóng. Không, không phải Johan, chữ ký của người khác:

«*Chào thân mến nhiều, Hans Erik*».

Ông viết về một cuộc đi chơi. tả cảnh, cảnh rộng lớn ngoài biển và trời. Ông viết về một vở kịch thời sự mà họ đã xem. «*Giọng cười của em làm anh nhớ nhất. Em làm anh yêu đời quá. Margit, em là một người đàn bà tuyệt vời.*» Tôi khóc, xếp mấy bức thư gọn ghẽ lại, lá thư xanh dương vào phong bì xanh dương, thư vàng vào phong bì vàng. Có bức thư màu trắng nữa, tôi không mở ra đọc.

Tại sao tôi lại sụt sùi khóc? Tôi không muốn! Nhưng một vết rách đã được mở ra... tất cả những gì tôi định nói, tất cả những gì tôi định làm.

Ồi không, xin làm ơn. Sự đau đớn sẽ chìm vào bóng tối trong căn phòng bị khóa lại.

Tôi ngời thờ, thờ ra, thờ vào, chậm rãi, sâu. Một vài tiếng nước nở, rung chuyển khắp người, giờ đã dịu lại.

Ông ta viết: người đàn bà tuyệt vời. Mẹ đã bảy mươi một, không Margit đã bảy mươi một tuổi rồi! Ai là Margit? Người đàn bà cao tuổi đang đứng trong bếp, rửa chén chậm chạp tí mỉ. Da nhăn, tóc bạc và kết hạch trên xương ống quyển. Bà cứng đầu, ương ngạnh trong sự cô đơn của mình – tuy vậy lại chẳng cô đơn gì.

Tôi đứng dậy, soi gương, cúi người cho gần lại. Tôi gặp lại chính tôi như thế, vài giây mỗi buổi sáng. Tôi bắt gặp khuôn mặt mình đêm hôm trước khi nó chưa được che bởi những lớp kem, sáp thoa môi. Khuôn mặt ban ngày lại khác, nhiều kiểu lắm, nhưng chúng cũng là tôi: Thư ký, nhanh nhẹn, giỏi, tôi nghĩ thế! Chính trị gia của quần chúng. Mẹ của Trine và Petter, người mẹ có lương tâm cắn rứt. Vợ của Erling. Cách đây lâu lắm rồi anh nói tôi là một người đàn bà tuyệt vời. Và khi nào tôi sẽ nói rằng anh là một người đàn ông tuyệt vời nhỉ? Chắc còn lâu lắm.

Tôi dội một chút nước vào mặt, nhìn cái kệ phòng tắm đầy đồ. Xà bông bọt, kem bôi da, xà bông gội đầu, nước hoa, dầu son móng tay, phấn bột...

Tốt thôi, đừng bỏ cuộc, mẹ ạ!

Ở ngoài có im lặng không? Rửa chén xong chưa?

Hoảng sợ, tôi phải để mấy bức thư vào chỗ cũ!

Tôi mở cửa, có tiếng nước chảy vo vo và tiếng đóng cửa tủ. Bốn, năm, sáu bước qua hành lang, vào phòng khách, quanh bàn

ăn lớn.

Tôi cầm mấy bức thư giữa ngón cái và ngón chỏ, để chúng vào chỗ cũ, bật ti-vi lên. Đang dự báo thời tiết, lúc mẹ vào, tôi ngồi ghế, coi bản đồ thời tiết ưa dờ chúng. Tôi mới vừa ngồi xuống được vài giây. Hên quá! Đúng là hên!

«Con uống chút rượu trắng nhé, được không? Chút nữa con mới đi mà, hy vọng vậy!»

«Dạ vâng, một ly chắc con chịu được, để con mở rượu nhé? Ồi thôi, mẹ mở rồi.»

Mẹ đã lấy ra mấy cái ly rượu thủy tinh đẹp, chân cao, mẹ rót cẩn thận.

«Cùng ly chứ.» mẹ cười đùa, có vẻ như hồi còn trẻ.

«Vâng, cùng ly! Tuyệt!» Tôi cũng mỉm cười, bỗng dưng mắc cỡ, có điều gì đó mà tôi không nhận ra. Chúng tôi sẽ nói chuyện gì đây? Tôi đưa mắt rào quanh phòng, dừng lại ở bàn điện thoại. Mấy bức thư nằm có đúng như trước không?

Mẹ đã nhìn thấy, ánh mắt chúng tôi thoáng chạm nhau. Im lặng, chúng tôi nín thở. Có phải đây là ảo giác? Tạm ngưng, tạm ngưng, sự tạm ngưng kéo dài ra.

Mẹ lấy sợi dây giựt chuông, vặn rồi đảo lại sợi dây, khều ra vài tông chỉ lòng lẻo phía sau. Sau đó, mẹ thẳng người, nhìn tôi, nghiêm trọng, gần như sắt đá.

«Mấy năm nay mẹ tự viết thư cho mình, bịa ra người yêu, bạn bè, thực sự để chịu đựng. Con không biết nhiều về mẹ đâu!»

Mẹ mỉm cười như bữu môi vậy.

«Con không biết gì về mẹ, không biết nhiều...»

Trống ngực tôi đập mạnh! Tôi đứng dậy làm chiếc ghế xém đổ, Giờ tôi như bay sang căn phòng, qua tường, chạy ra ngoài đêm xanh, trốn cái vết rách đang mở, những điều hung dữ ép chặt lại... Không, chân tôi hướng về phía ti-vi, tay tôi chĩa vào nút bấm. Tôi tắt âm thanh, nói bằng cái giọng hàng ngày:

«Mai trời xấu. Thiệt chán ghê, giờ lại quá dễ chịu và tốt. Nếu mẹ muốn biết chương trình sau... Đó là chương trình về thiên nhiên?»

Mẹ lắc đầu, hớp một chút rượu, hên cho tôi. Đêm thật yên tĩnh, chỉ mình tôi cảm thấy nổi giận:

«Con không biết nhiều về mẹ, không

biết nhiều...»

Mẹ cũng nói bằng cái giọng hàng ngày:

«Nhưng mẹ không cần phải viết thư nữa. Có chuyện này vui mừng lắm! Chắc con còn nhớ ông Arvid mà mẹ gặp ở viện dưỡng lão hồi hè chứ?»

Vâng, tôi nhớ ra rồi. Tôi đi thăm mẹ trên đường từ nhà nghỉ mát, chúng tôi chẳng làm gì hơn là chào hỏi nhau, trước khi mẹ kể về ông Arvid: Người trông coi viện dưỡng lão, góa vợ. Mẹ với ông ngồi cùng bàn, nói chuyện về thức ăn, chán ngắt. Rồi mẹ và ông đồng ý làm một việc gì đó thay vì phàn nàn.

Đột nhiên hai người đi ra phố mua dâu với kem sữa. Cả rượu mùi nữa. Mẹ và ông có nhiều bữa tiệc nhỏ trong phòng, ông Arvid cũng mời mẹ đi chơi một vài lần. Mẹ vui vẻ, mỉm cười dịu dàng; tôi còn nhớ lúc tôi đi, mẹ đứng ở ban-công vẫy tay tôi như thế nào.

Bộ áo mới, trắng, nâu và nhiều duyên dáng. Như một thiếu nữ đang yêu ở tuổi... bảy mươi.

«Arvid, thủy thủ, và mẹ ra phố mua dâu hay gì đó?»

«Vậy con còn nhớ hả? Mẹ tưởng... ờ nhé. Sau lần đó mẹ và Arvid lại gặp nhau, cũng thường lắm. Hơn nữa, tối nay ông ghé đây, ông muốn thăm hỏi con đó. Mẹ chỉ tính nói cho con chuẩn bị trước một chút.»

Giờ tôi hiểu rồi. Váy gấp nếp, áo sơ mi đẹp, mấy chiếc nhẫn, sơn móng tay... Mẹ trang điểm không phải vì tôi, mà Margit đã trang điểm vì Arvid.

Mẹ đưa sợi dây giựt chuông lên, kéo ra:

«Cái này sẽ đẹp lắm? Arvid, có một phòng khách, lò sưởi cùi lớn lắm, trên tường hơi trống trải.»

Tôi uống rượu, mau, làm đổ lên áo ấm. Mặt tôi nóng lên. Thì ra là người yêu sẽ được quà, không phải mẹ với con trao đổi với nhau vì lòng tốt. Arvid, nhân vật chính, rượu ngon cũng vì ông ta.

«Trước khi ông ta đến, có điều này mẹ muốn kể cho con nghe.»

Mẹ không nhìn tôi, mẹ ngồi cúi đầu trên kim chỉ.

Tôi cười gạt đi, muốn trở về lại với giờ phút cà-phê, việc thủ công và không thêm gì hết.

«Nhưng mẹ đã kể xong rồi, về mấy bức thư và ông Arvid!»

«Ừ, nhưng còn chuyện khác nữa.»

Phải chăng có sự thiếu não trong giọng nói ấy? Tôi không muốn sự kè cận. Niềm đau của mẹ là của mẹ, niềm đau của tôi là của tôi.

Niềm đau đón sống một mình trong bóng tối, đúng không mẹ? Mẹ là người đã dạy dỗ con, mẹ là người đã dạy con đóng cửa lại. Mẹ từng là người mẹ, nhưng con không biết gì về Margit cả, về con gái, cùng bà cùng những gì bí mật vui, khổ.

«Không biết bắt đầu sao cho dễ...»

Mẹ vừa nói Arvid có phòng khách với lò sưởi cùi. Ông ta ở cách xa đây 30 mil², về hướng tây.

«Khoảng một tháng mẹ sẽ dọn về đây.»

Tôi cười, thoát ra từ tôi đôi tiếng cười khẽ, về khôn khổ. Mẹ nhìn tôi, mắt nháy nháy, bồn chồn.

«Không, con không cười, xin thứ lỗi cho con. Ý con... nhiều chuyện cùng một lúc quá.»

Tôi cúi người về phía trước, theo cái ly, quay tròn ly làm nước rượu tạo ra tiếng lồm bồm. Tôi phải nói gì chứ, tôi sẽ nói gì đây?

Căn nhà rung lên, run là lay động.

Mọi thứ biến mất! Phòng khách này vẫn ở đây mãi mãi. Mẹ cũng ở đây mãi mãi, giờ cũng biến mất, chỉ biến mất thôi. Tôi phải nói lời chúc mừng.

Chúc mừng... tất cả những gì biến mất.

Tôi đừng cười, đừng khóc, đừng hỏi mẹ dọn đến với Arvid chỉ vì ông ta cho mẹ sự săn sóc. Đừng bao giờ hỏi điều đó, đừng bao giờ!

Điều đau khổ ở nỗi cô đơn, mẹ đã dạy con thế mà, mẹ. Đây là lỗi của mẹ, con muốn đó phải là lỗi của mẹ. Con sẽ nói lời chúc mừng, câu nói nhỏ bé đó.

«Mẹ à, chúc mừng mẹ...»

Cả hai chúng tôi đều giật mình, có tiếng chuông cửa. Mẹ đi mở cửa, những bước chân trẻ trung, nhẹ nhàng. Bà quay người lại.

«Con lấy thêm một cái ly nhé? Trong tủ cạnh bàn điện thoại, con biết đó.»

Tôi ngồi xồm trước mấy cánh cửa gỗ sồi nhỏ, tôi còn nhớ từng nét trạm trổ, một loại hình kiêu lá cây. Nó cũng biến mất luôn!

Tôi tìm thấy mấy cái ly, lấm ly quá, chúng được đặt nhiều hàng ngăn nắp và bụi bậm cả rồi. Chắc hẳn ngoài hai cái ly, chúng ít được dùng đến. Hoặc một! Chồng thư ở trên kệ cạnh đây.

Mẹ tự viết thư cho mình, thực sự để chịu đựng.

Mẹ nói thế đấy, trút sự chua cay vào tôi. Có lẽ để trả thù, sự từ tế chột như đã tới mức. Giọng nói ở hành lang trầm; giọng mẹ tươi sáng, cười dịu dàng. Tôi lau cái ly bụi bậm bằng áo ẩm, tự cảm thấy mình bắt đầu mỉm cười. Tôi có thể mà, mỉm cười và đàm thoại, mẹ đã dạy con đó, mẹ! Tôi tự giới thiệu, nhìn vào đôi mắt từ tế của Arvid. Tôi nghĩ, mẹ giờ là trách nhiệm của ông rồi đấy.

Mẹ và Arvid ngồi cạnh nhau trong ghế sa-lông. Arvid cũng có thêm một chiếc gối sau lưng, ông cũng có một bàn tay hơi lắc khi ông cầm lấy cái ly. Tóc bạc, mặt nhỏ, vết nhăn sâu trên trán, áo sơ mi trắng rộng cổ, cả vật đẹp, nếp quần sắc. Ông ta cũng diện đây chứ.

Nói chuyện, nói chuyện, mọi vật tự trôi qua. Cả hai trong sô-pha quay người lại nhau, thế giới của họ, mới là thế giới. Họ sẽ mua màn cửa mới cho phòng khách có lò sưởi cùi, giờ chắc đang hạ giá. Cái bàn gỗ thông lớn phải mài... Giờ tôi có thể đi được rồi.

Mẹ đang nghĩ gì vậy mẹ!

Dường như mẹ đã cho con tự do, để con sẽ tiếp tục chạy theo đời sống bận rộn của con? Dọn dẹp giấy tờ ở chỗ làm, làm chính trị và tranh đấu về sự công bình, cho trẻ con com ăn, áo mặc; nằm với chồng con; chạy, chạy, mẹ sẽ không cản trở con nữa – có phải mẹ nghĩ như thế không? Tôi nghe thấy chính giọng mình, yếu ớt và phẳng phiu: «Đã bắt đầu trễ rồi, con phải lái xe đến vài dặm lận, nên đến giờ con phải đi thôi.»

«Ừa, chuyện đó con vốn rành hơn ai hết. Nhưng khi khoác áo xong, vào đây chào chia tay nhé, hai người già này khỏi phải đứng dậy.»

Mẹ cười, tiếng cười trẻ trung, mới mẻ.

(Trích trong «Hoa Tuyết» Tuyển Tập Truyện Ngắn Na-uy)

1) *Tạm dịch: “Giây phút lãng phí”*

2) *Dặm Na-uy, 1 mil = 10 cây số.*

Thơ Dương Kiên

KHI ANH KHÔNG LÀ ANH

Khi anh là chiếc bóng
Anh là tiếng vọng
Và anh là anh

Anh là chiếc bóng
lặng lẽ bên em
khi em buồn
và cả khi em không buồn
em chỉ cảm thấy cô đơn
cần một chiếc bóng
của anh
của anh thôi
vì anh là chiếc bóng tuyệt vời lặng lẽ

Anh là tiếng vọng
khi em hát
không gian xa âm vang giao động
vút lên cao
trầm xuống thấp
là anh
là tiếng vọng
ôm tròn em vào giấc mộng
âm vang

Anh là anh
anh không là chiếc bóng
anh không là tiếng vọng
anh là khu vườn
em dạo bước rong chơi
rồi ra đi quên lãng
chỉ còn để lại chiếc bóng
chỉ còn để lại tiếng vọng
Anh không còn là anh
chỉ còn là chiếc bóng
chỉ còn là tiếng vọng
dõi theo em
lặng lẽ bên em
khi em buồn
và cả khi em không buồn
em chỉ cảm thấy cô đơn
khi ra khỏi khu vườn
mà em tưởng chừng quên lãng.

EM VÀ MÙA XUÂN

Mùa xuân nào em khóc,
Tiếng khóc đẹp chào đời,
Môi ngọt dòng sữa mẹ,
Mẹ khóc hay mẹ cười?

Mùa xuân nào em hát,
Tiếng hát tuổi mười lăm,
Tóc thề bay với gió,
Gió hôn em then thùng.

Mùa xuân nào đi lễ,
Dắt con lên điện thờ,
Mẹ con quỳ lễ Phật,
Nam Mô A Di Đà.

Mùa xuân nào bỏ nước,
Tuyết lạnh bàn chân buồn,
Vì trong trời xứ lạ,
Vẫn nhớ mùi nhang thơm.

Năm nay Giao Thừa điếm,
Điếm sáng kiếp phù sinh,
Lòng bỗng như gió thoảng,
Và thơ thơm mùi kinh.

CƠN GIÓ THOẢNG

Hôm qua trời đổ tuyết,
Hôm nay bỗng nắng lên,
Trong lạnh lòng băng giá,
Ấm áp tâm bình yên.

Hề không mong thì được,
Long lanh một giọt sương,
Ngọc ngà trời đất đó,
Trang điểm giữa vô thường.

Nếu ngày mai tuyết đổ,
Ta vẫn vui hôm nay,
NIỆM không ở quá khứ,
QUÁN chẳng đợi tương lai.

Trời đất bày rồi xóa,
Tay ta xóa lại bày,
Mất, còn, cơn gió thoảng,
Không rượu mà như say.



Tuy Hòa – Thương Ghét



Phạm Tín An Ninh

Tôi không phải là người Phú Yên, cũng chẳng có mối tình nào gọi lại Tuy Hòa, nhưng dường như cái xứ có núi Nhạn sông Đà thơ mộng ấy đã mãi vương vấn tâm hồn tôi, in đậm trong ký ức tôi những mối tình đẹp thật dễ thương của đám bạn bè, đồng đội, cùng bao kỷ niệm vui buồn một thời trận mạc. Khi ấy bọn tôi còn rất trẻ, đa số vừa mới rời khỏi học đường vài ba năm để bước chân vào nơi gió cát.

Ngày mang “sự vụ lệnh” về trình diện đơn vị tại Ban Mê Thuột, tôi và bốn thằng bạn cùng khóa cứ ngỡ cuộc đời mình sẽ dính liền với rừng núi của xứ “bụi mù trời” và “buồn muôn thuở”, chỉ còn biết nằm nghe tiếng chim kêu vượn hú. Ai ngờ sau hai tuần lang thang quanh quẩn trong con phố buồn hiu, ngắm mấy cô gái Thượng mang gùi đi xuống đi lên trên con đường A Ma Trang Long bầm đầy đất đỏ, bọn tôi được ông Trưởng phòng 1 lái xe đi tìm chỗ về Câu Lạc Bộ Sĩ Quan, vội vàng lấy balô quân trang, rồi đưa thằng ra phi trường Phụng Dực, tháp tùng phi cơ của ông tư lệnh, đại tá Lữ Lan, bay xuống đơn vị đang hành quân tại Khánh Hòa, ngay vùng biển quê hương tôi.

Đơn vị tôi lúc ấy, chắc cũng thuộc loại đánh đấm có hạng nên được chọn làm lực lượng lưu động trừ bị cho Quân Đoàn. Rày đây mai đó. Trước khi di chuyển đến đây, đã có mặt khắp nơi: từ Bình Tuy, Bình Thuận, Ninh Thuận, đến Lâm Đồng, Quảng Đức...

Khi đến đơn vị, tôi rất vui. Vì ngoài trừ ông tiểu đoàn trưởng, hầu hết tất cả sĩ quan trong đơn vị đều trẻ măng, độc thân vui tính,

anh nào “đàn anh” nhất cũng chỉ vừa rời ghế nhà trường năm ba năm. Ba anh trung úy đại đội trưởng đều dạn dày lửa đạn. Một anh tốt nghiệp khóa 16 VB Đà Lạt, hai anh khóa 13 Thủ Đức, một gốc Huế một gốc Bắc Kỳ di cư. Nhưng anh nào cũng đánh đấm rất gan lì và vui vẻ chịu chơi. Tôi được bổ nhậm về đại đội của anh trung úy gốc Huế nhưng lại thân thiết với anh trung úy gốc Bắc Kỳ, vì ngoài các đức tính khác anh còn có nụ cười và ánh mắt dễ làm “chết người ta”. Không biết có bao nhiêu “hồn (đã) lờ sa vào đôi mắt...anh” rồi, nhưng tôi là thằng lính ngang tàng mà cũng phải lụy anh trong cái tình huynh đệ. Sau này và cho mãi đến bây giờ, chúng tôi vẫn còn giữ cái tình “anh em tri kỷ” ấy. Đám trung đội trưởng tò te, ngoài tôi ra còn có bốn thằng cùng khóa 18 Thủ Đức với tôi, vài ba anh khóa 15, 17 và hai chàng khóa 19 VB Đà Lạt đầy phong độ, cũng vừa mới ra trường năm ba tháng trước. Tôi nhận trung đội với chỉ 25 thằng lính, nửa Kinh nửa Thượng. Ngay sau khi nhận trách nhiệm, công việc đầu tiên của tôi là dắt đám lính tráng vào QYV Nguyễn Huệ để dự đám tang, chào tiễn đưa ông Thượng sĩ già, trung đội trưởng tiền nhiệm ra nghĩa trang Đồng Đế. Ông vừa từ trận vài ngày trước đó trong một trận phản phục kích tại Tu Bông (Vạn Giã) và tôi đến trung đội để thay thế ông. Nhìn bà vợ và mấy đứa con của ông kêu gào, khóc la thảm thiết, tôi hình dung ra con đường thê lương trước mặt, rồi tự trấn an mình: *mai này mình chết, may ra cũng không có tiếng quả phụ và trẻ thơ khóc lóc!*

Thời ấy, nhờ ảnh hưởng kết quả của kế hoạch Ấp Chiến Lược còn sót lại, nên tình hình địch ở mọi nơi còn rất yếu, hầu hết là các lực lượng du kích và địa phương, nên bị tiểu đoàn chủ lực lưu động thiện chiến của tôi đánh cho tan tác. Do vậy chúng tôi đến đâu, cũng được các ông tỉnh trưởng đón tiếp nồng hậu. Sau hơn ba tháng theo đơn vị tiếp tục hành quân qua nhiều làng mạc, rừng núi và đầm nát những mặt khu Đồng Bò, Đá Bàn, Hòn Hèo của địch, đơn vị kéo về trú đóng trong một vườn dương bên bờ biển Nha Trang. Đám sĩ quan bọn tôi được ông tỉnh trưởng ưu ái dành cho bốn phòng trong khách sạn Phụng Hoàng, nằm trước ga xe lửa. Một và mất ngủ vì vừa trải qua cuộc phục kích đêm hôm trước, nên sau khi tắm rửa xong, tôi ngủ vùi một giấc. Thức dậy, nhìn ra ngoài, ánh đèn đường đã bắt đầu sáng. Mở ba lô tìm bộ quân phục mới để thay bộ quần áo trận còn dính đầy bùn lầy, cho hợp với khung cảnh phố phường. Dự định đi một vòng tìm lại những hang động tuổi thơ cùng dấu tích mấy mối tình học trò của vài năm trước, tôi bỗng nghe tiếng ông tiểu đoàn trưởng gọi tất cả bọn tôi lên xe trở về đơn vị, điểm danh sắp xếp lính tráng lên tàu Hải quân, đã ủi bãi ngay phía trước TTHL Hải Quân.

Ra khơi lúc 11 giờ đêm. Qua hơn một đêm và nửa ngày lên đèn trên biển, tàu cặp vào bên của Duyên Đoàn 24 HQ bên bờ biển Tuy Hòa. Trong số những người ra đón đơn vị chúng tôi, ngoài ông tỉnh trưởng- trung tá Trần Văn Hai, anh trung úy Duyên Đoàn Trưởng HQ, tôi còn bất ngờ nhận ra ông anh con bà cô, trung úy Nguyễn văn Tri thuộc Tiểu Đoàn 23 BĐQ đang hành quân trú đóng ở đây. Từ khi anh vào quân đội, bao nhiêu năm anh em không gặp, bất ngờ lại nhận ra nhau ở một nơi xa lạ, vui mừng quá đỗi. Anh em vừa mới ôm nhau, hỏi han vài câu, thì đơn vị nhận lệnh lên xe di chuyển. Anh Tri kéo tôi và mấy sĩ quan cùng đại đội lên xe Jeep của anh chạy theo đơn vị. Về khu Nhà Bàng, vị trí đóng quân tạm, sắp xếp đơn vị xong, bọn tôi theo anh ra phố. “Moa đãi các toa một chầu để biết mặt Tuy Hòa - xứ nẫu”. Anh bảo thế trước khi lái xe đi.

Tôi bỗng giật mình khi nghe “xứ nẫu”. Cái tên “Nam Ngãi Bình Phú” và “Liên Khu Năm” vẫn còn hằn trong tâm trí tôi từ lúc mới lên năm, bởi cha tôi bị Việt Minh bắt đưa ra

đây hơn ba năm khi ông là thầy giáo đang dạy trường Pháp Việt, và mẹ tôi qua đời trước đó hai năm. Kể từ ấy tôi sống với ông bà nội, thiếu vắng cả cái tình phụ mẫu.

Có lẽ đã phải trải qua những năm dài chiến tranh, nên phố xá Tuy Hòa ngày ấy còn “hoang sơ” lắm. Ngoài văn phòng Air Vietnam hai tầng và khu chợ mới xây dang dở, hầu hết là nhà cũ. Anh Tri chở bọn tôi đến một cái quán nằm bên cây cầu, trên đường hướng ra Quốc Lộ 1. Tôi không còn nhớ tên, nhưng quán này nổi tiếng về món cá lóc nướng, và đặc biệt có mấy o Huế rất xinh. Để tránh tình trạng “tấn công nhằm mục tiêu”, ông anh tôi cho biết:

- Tuy Hòa có hai quán ăn nổi tiếng, đều có hai cô chủ “hoa khôi” gốc Huế, nhưng một quán đã có ông quan năm trung đoàn trưởng đóng đô, còn quán này là sào huyệt của ông chỉ đoàn trưởng Thiết Giáp có tiếng hào hoa.

Thấy mặt thẳng nào cũng buồn xo, ông anh tôi cười, an ủi:

-Yên chí đi! Tuy Hòa còn thiếu gì cô bé dễ thương. Trường trung học Nguyễn Huệ có biết bao cánh hoa biết nói, và mai một khi các toa ra vùng hành quân, sẽ có khôi cậu chết mê chết mệt vì mấy cô gái quê! Bọn lính trong đơn vị moa thường kháo nhau: “Phú Yên đến dễ khó về” đấy!

Thấy trong đám bọn tôi có hai chàng khóa 19VB, anh Tri cho tài xế chạy về về đơn vị, gọi một anh cùng Khóa 19 ra gặp bọn. Hơn 20 phút sau, một thiếu úy BĐQ cao ráo đẹp trai đến nơi, tay bắt mặt mừng. Cái tình Võ Bị quả là thâm thiết. Anh được giới thiệu là “Chương classic” và để giải thích cái nickname của mình, anh mượn cây ghita của cô chủ quán, độc tấu mấy bản nhạc Tây cổ điển. Thật tuyệt vời!

Tối hôm sau, ông tỉnh trưởng gốc Biệt Động Quân rất chịu chơi, mở tiệc thiết đãi bọn tôi ngay tại Câu Lạc Bộ Tỉnh. Có cả một chương trình văn nghệ. Khi bước vào hội trường, bọn tôi bất ngờ nhận ra bao nhiêu người đẹp. Sau này hỏi ra mới biết hầu hết là nữ sinh của trường Nguyễn Huệ.

Chỉ sau ba hôm ở thành phố, đơn vị tôi có lệnh di chuyển đi Hiếu Xương, đến đầu cầu Bàn Thạch để hành quân tái chiếm một vài nơi đã bị Cộng quân làm chủ tình hình. Ông tỉnh trưởng cũng đã cảnh báo đám sĩ quan trẻ chúng tôi:

-Ở vùng ấy nhiều gia đình có thân nhân theo VC, nên mấy chú phải cẩn thận, nhất là thấy mấy cô con gái đẹp đừng có vội nhào vô. Trước đây đã có một anh chàng sĩ quan đề lô pháo binh mê một lòng con bé thợ may khá xinh, hành quân xong cứ ra ngồi ngoài quán, cuối cùng không thấy trở về đơn vị nữa, mất tích luôn!

Đám lính trẻ bọn tôi “chưa thấy quan tài chưa đổ lệ” nên chỉ còn nhớ tới “mấy cô con gái đẹp” trong câu nói của ông thôi.

Trung đội tôi được lệnh đóng quân giữ an ninh cầu Bàn Thạch và khu vực chung quanh. Cây cầu xi măng đúc đã bị VC giạt mìn sập, nên vừa được Công Binh bắc cây cầu gỗ tạm. Cầu nằm gần chợ, và phía bên kia là vùng mất an ninh. Một tiểu đội của tôi nằm tiền đồn bên ấy. Ban chỉ huy trung đội và một tiểu đội bố trí ngay dưới gầm cầu.

Sắp xếp vị trí đóng quân và canh gác xong, đã gần 5 giờ chiều, tôi bảo mấy chú lính dọn cơm ăn, để tôi còn đi một vòng tìm xem các cô gái có “đôi mắt người ...Phú Yên” ra sao. Vừa mang mấy lon guigoz cơm ra, bốn thằng chúng tôi chưa kịp cầm đĩa, thì một trái lựu đạn từ trên cầu rơi xuống. Một anh lính phát giác la lên, cả bọn kịp lăn mình qua bên kia tấm cầu đúc (bị sập xuống), nhưng trái lựu đạn không nổ! Chỉ năm phút sau, người ném lựu đạn bị toán lính của tôi bên kia cầu đuổi bắt. Đến nơi, tôi ngạc nhiên khi nhận ra, không phải một, mà là hai cô con gái quê, tuổi cỡ 14-15, một cô khá xinh, có đôi mắt đẹp. Cô bé này chính là người ngồi phía sau xe đạp, ném trái lựu đạn định giết tôi - chàng “lính trẻ hào hoa”, chỉ mới vài phút trước đây có ý định đi tìm... đôi mắt ấy. Đưa hai nữ “địch quân” đến trình diện ông tiểu đoàn trưởng. Thấy hai cô bé vừa run vừa khóc, mặt mày tái xanh, ông “tâm lý chiến” rất hay, vỗ vai hai cô bé, vừa cười vừa ôn tồn nói chuyện. Hai cô khai hết sự tình, nên được dẫn về giao cho gia đình, vừa “chiêu hồi” và cũng vừa cảnh cáo, theo dõi họ. Một tuần sau, toán quân báo tiểu đoàn bắt được người đàn bà trong mũi công tác đã dụ dỗ hai cô bé làm giao liên và ném trái lựu đạn xuống cầu.

Trưa hôm sau, đơn vị có lệnh xuất phát cuộc hành quân bao vây và đánh chiếm kho vũ khí của địch tại Đa Ngư-Phú Lạc, nằm trên một khu núi đá sát biển, địa thế khó khăn

hiểm trở và được phòng thủ rất kiên cố bằng nhiều ồ súng đại liên. Tin tức cho biết địch quân đã chiếm làng Thạch Tuấn và khu vực Hảo Sơn hơn hai tuần nay. Bộ đội địa phương vừa tiếp nhận một số lượng lớn vũ khí từ miền Bắc chuyển vào khu núi Đa Ngư Phú Lạc bằng thuyền. Đơn vị tôi được tăng cường Đại đội 23 thám kích, có trách nhiệm phải đánh chiếm kho vũ khí này và sau đó tảo thanh các khu vực địch trong vòng hai tuần để đưa một đơn vị Bảo An của Tiểu khu vào trấn giữ.

Rời tuyến xuất phát lúc 11 giờ trưa, mãi đến 3 giờ chiều chúng tôi mới đến khu vực mục tiêu, vì phải di chuyển qua những địa thế khó khăn để gây yếu tố bất ngờ, tránh bị phát hiện. Tin tình báo cho biết có thể địch quân xử dụng hơi cay, nên tất cả chúng tôi đều được trang bị mặt nạ chống hơi ngạt. Đại đội 3 của tôi đi dọc theo bờ biển đến phục dưới chân núi làm lực lượng án ngữ. Nỗ lực chính đột kích đánh chiếm mục tiêu là đại đội 23 thám kích và đại đội 2 của ông anh trung úy gốc Bắc kỳ. Hai đại đội này được chọn vì tài chỉ huy và tính gan lì của cả hai anh đại đội trưởng. Không ngờ trận chiến lại khó khăn khốc liệt đến như thế. Cuối cùng phải chia nhau từng nhóm nhỏ bò lên chiếm các hốc đá nằm bên ngoài căn cứ, bị địch phát hiện, cầm chân bằng đạn súng cối đủ loại và nhiều ồ súng đại liên. Vì đây là kho vũ khí, nên địch có đầy đủ các loại vũ khí nặng và đạn dược. Cuối cùng phải nhờ đến phi yểm, mặc dù khá bất lợi vì trời chiều, sắp tối. Theo các trái khói màu kẻ cả trái sáng (cầm tay) được đồng loạt phóng lên đánh dấu vị trí bạn, cùng với sự hướng dẫn tài tình anh phi công L19, hai phi tuần khu trục liên tiếp đánh bom khá chính xác xuống căn cứ địch để lực lượng ta bám sát mục tiêu. Đại đội của anh trung úy gốc Bắc Kỳ đánh đẹp một cuộc cận chiến, chiếm được căn cứ, một số tù binh bị bắt. Đại đội 1 của anh trung úy Khóa 16VB kịp thời bao vây và truy kích. Trận chiến kết thúc trước khi trời vừa tối. Số chiến lợi phẩm thu được rất lớn, địch quân dự trữ trang bị các loại vũ khí mới này cho các đơn vị thuộc Liên khu 5 của chúng. Tiểu đoàn kéo về Đông Tác dưỡng quân, được ông tướng tư lệnh Vùng và ông trung tá tỉnh trưởng đến thăm, mừng chiến thắng. Anh trung úy (nhiệm chức) gốc Bắc kỳ khóa 13 Thủ Đức

được vinh thăng”điều chỉnh” trung úy thực thụ và tưởng thưởng một anh dũng bội tinh với nhành dương liễu. Anh đại úy đại đội trưởng 23 TK và anh trung úy khóa 16VB được ngôi sao vàng. Nhiều sĩ quan và binh sĩ có công cũng được trao gắn huy chương.

Ba ngày sau, được tiếp tế lương thực và đạn dược, tiểu đoàn trở lại Thạch Tuấn. Chiếm lại ngôi làng nghèo này rất dễ dàng, cả đơn vị tiếp tục tiến quân vào Hảo Sơn, Đá Bia. Một khu vực núi non hiểm trở. Địch quân đã chiếm ngự các cao điểm trọng yếu. Trung đội tôi có lệnh mở đường dọc theo thiết lộ, nằm sâu giữa hai vách núi, để chiếm một ngọn đồi, đặt đại liên yểm trợ cho đơn vị còn lại bung ra hai triền núi phía trước. Con đường độc đạo hoàn toàn bất lợi, nhưng không còn lối nào khác. Nhờ pháo binh bắn dọn mục tiêu, nên trung đội tôi dễ dàng chiếm lĩnh ngọn đồi, ngay sau khi một toán địch quân vừa bỏ chạy, không kịp mang theo nồi cơm đang nấu và mấy cái võng nilon còn cột chặt trên cây. Cả tiểu đoàn tiếp tục tiến quân hai bên triền núi. Trận chiến khá quyết liệt, vì địch quân đã có sẵn nhiều cái chốt trên các hốc đá nằm cao trên núi, bắn trung liên và ném lựu đạn xuống quân ta phía dưới. Trời đổ mưa như trút nước. Đại đội 1 của ông anh Khóa 16 VB là mũi tiến công chính. Dù ở thế hoàn toàn bất lợi, nhưng nhờ tài chỉ huy và điều quân gan dạ của chàng trai Đa Hiệu, cuối cùng cũng đã chiếm được mục tiêu. Địch quân tháo chạy, bỏ lại vài chục xác chết và trên mười khẩu súng. Bên ta, hai binh sĩ tử thương và vài người khác bị thương nhẹ. Trời tiếp tục mưa không dứt. Bóng tối đã bắt đầu phủ kín khu vực hành quân. Có lẽ lo ngại địa thế bất lợi cho một cuộc đóng quân đêm và địch quân có thể được tăng cường phản kích, nên cả đơn vị có lệnh khẩn cấp rút quân ra. Riêng trung đội của tôi phải nằm lại để yểm trợ và đề phòng địch quân tập hậu. Khi được lệnh rút ra sau cùng, tôi xin pháo binh bắn chặn, để trung đội chia làm hai cánh yểm trợ nhau rút nhanh ra. Tôi đi theo cánh quân có lộ trình nguy hiểm hơn: theo con đường sắt. Nép sát vào vách núi, di chuyển rất nhanh, nhưng chỉ năm phút sau thì nhiều loạt đạn từ trên triền núi bắn xuống. Đạn địch xối xả xuống đường xe lửa, chát chúa ngay sát dưới chân tôi, tóe lên nhiều đóm lửa. Có cả đạn súng cối. Tôi nghe vài tiếng la đau đớn. Anh

trung sĩ và một người lính đi sau lưng tôi trúng đạn. Anh trung sĩ bị bắn vào chân, còn anh lính kia bị thương nặng ở vùng bụng, ruột đổ ra ngoài. Cho người băng vết thương bằng các băng cá nhân, tôi vừa gọi xin tiếp ứng vừa xin pháo binh bắn cản hậu, rồi công anh lính bị trọng thương chạy nhanh ra khỏi vùng nguy hiểm. Người tôi ướt đầm cả máu, nước mưa, và có thể có cả nước mắt (khóc cho người lính bị thương-không có chút hy vọng sống- của mình).

Trên đường trở lại làng Thạch Tuấn đóng quân đêm, cả tiểu đoàn dàn hàng ngang lội bì bõm dưới những đám ruộng ngập đầy nước. Du kích trong làng lại bắn ra. Chúng tôi bám theo các bờ ruộng xâm nhập vào làng, nhanh chóng bao vây tứ phía, cả toán du kích không chạy kịp bị chúng tôi bắt. Xe tải thương không thể nào đến được vì không có an ninh lộ trình. Tối hôm ấy, anh lính bị trọng thương của tôi, vốn là một tân binh quân địch, quê tận Gò Công, đã trút hơi thở cuối cùng trên tay tôi, sau khi giao cho tôi cái bóp có hai tháng tiền lương và thi thảo lời trời trăn dứt đoạn, nhờ tôi chuyển lại cho vợ và đưa con gái đầu lòng chưa đầy một tuổi mà anh chỉ mới về phép thăm cháu một lần. Đó là người lính đầu tiên dưới quyền đã chết, trên tay tôi. Anh có cái tên rất dân dã mà tôi không bao giờ quên được: Nguyễn Văn Tý. Trùng tên với một nhạc sĩ tài hoa và khí khái mà sau này tôi mới biết.

Mục tiêu các cuộc hành quân đã hoàn tất, tiểu đoàn chúng tôi được lệnh về đóng quân dọc theo Quốc lộ 1, từ ngã ba Phú Lâm đến hết Bàn Nham, Bàn Thạch. Trung đội tôi lại nhận lãnh cái cầu (gãy) Bàn Thạch, nơi mà tôi được cô gái Phú Yên đón chào bằng một trái lựu đạn nội hóa. Cứ vài ba hôm chúng tôi lại tổ chức các cuộc hành quân (có khi luân phiên từng đại đội có khi cả tiểu đoàn) ở Hòa Xuân, Hòa Thịnh, Sơn Thành, hay ra tận Ngân Sơn (Tuy An), Hiệp Mỹ, Tuyết Diêm, Hòa Phú, phía dưới đèo Cù Mông (Sông Cầu), giáp ranh Bình Định. Chấm dứt hành quân lại trở về “cứ điểm” Bàn Thạch. Lúc này con đường từ Bàn Thạch ra phố Tuy Hòa đã tương đối an ninh, nên những ngày không bận hành quân, bọn tôi được phép thay phiên nhau xuống phố Tuy Hòa. Cũng có những đón đưa trước công trường Nguyễn Huệ, Bồ Đề. Cũng có những hẹn hò ngoài bãi dương, quán

nước. Trong đám bọn tôi cũng vài thằng có những cuộc tình chột đến chột đi. Thì ra các cô gái Tuy Hòa trông dễ thương mà thương thì không dễ lắm. Lúc ấy, tuổi trẻ bọn tôi còn cao ngạo: “*mấy thằng lính ngang tàng này thì dễ gì mà chết trong mắt em*”!, nhưng khi cô đơn lại tự an ủi mình: “*đời lính tráng như vậy mà vui, không nợ nần, không làm khổ một ai, vợ con làm gì cho vướng chân vướng cẳng!*”, tránh cái cảnh như một ông nhà thơ sau này đã thốt lên lời bi thảm “*anh trở về đang dở đời em*”! Hồi còn trong lính, tôi ghét cay ghét đắng bài thơ được phổ nhạc này. Đám lính tráng về phép mà nghe được đôi lần, chắc nhiều thằng không muốn trở về đơn vị nữa. Nhưng bây giờ ngồi nghiệm lại, tôi thấy đúng, cho dù có chút đắng cay. Lính bị thương tàn phế, hay là lính bị đày ải trong tù “cải tạo” ngày trở về ít nhiều gì cũng đã làm dang dở đời em.

Dù vậy, trong đám bọn tôi cũng có ba chàng phá luật chơi. Một thằng, cùng khóa với tôi, yêu một cô bé học mới lớp đệ lục, nhà ở cạnh chợ Tuy Hòa, một tiệm bán đồ gỗ nhỏ. Bọn tôi cứ nhạo nó là “dụ dỗ gái vị thành niên” và “tiền lương của mày không đủ để mua gạo thóc cho nó lớn”. Vậy mà cuộc tình cũng gắn bó hơn một năm. Ngày đơn vị tôi từ giã Tuy Hòa, cô con gái ấy đã tốn khá nhiều nước mắt. Sau này dường như cô bé trở thành cô giáo, lấy chồng là một đồng nghiệp tốt nghiệp Sư Phạm Qui Nhơn. Thằng bạn của tôi được giải ngũ vì cận thị nặng. Nó trở về tiếp tục sách đèn. Tốt nghiệp sư phạm Đại học Đà Lạt về dạy Triết tại vài trường trung học. Năm 1973, khi nghe bạn bè bảo tôi đang nằm dưỡng thương ở QYV Nguyễn Huệ Nha Trang, nó từ đâu tìm đến thăm. Khi nhắc tới thời lính tráng ở Phú Yên, đôi mắt nó sáng lên, bảo là nó vừa bất ngờ gặp lại cô bé Tuy Hòa ngày xưa, khi cả hai cùng làm giám khảo và giám thị một cuộc thi Tú Tài ở trường Nguyễn Huệ hay Cường Để gì đó. Nó cười, nhưng đôi mắt nó lại mơ màng nhìn về một nơi nào đó ... xa xăm!

Một ông đàn anh khóa 14 Thủ Đức của tôi, SQ/CTCT Tiểu Đoàn, vốn tu xuất và bị động viên khi đang dạy ở một trường La San Taberd nào đó, lại vướng vào lưới tình của một cô giáo Bàn Thạch. Là con một của bà già góa bụa. Cô giáo có nhan sắc và hiền lành, cười nhiều hơn nói. Có lẽ lớn hơn tôi

một vài tuổi. Chị tỏ ra rất thân tình với đám lính trẻ bọn tôi. Chỉ một thời gian, chúng tôi xem nhau như người nhà. Khi nào chán cơm lính, bọn tôi rủ nhau ra chợ mua thịt cá rồi kéo đến nhà chị để nhờ chị nấu cơm, rồi cùng nhau ăn uống và đàn địch ca hát cả ngày. Ông đàn anh “tu xuất” của tôi vốn làm thơ tình rất hay, đàn ca có “trường lớp” lắm. Nghe nói trước kia anh làm trưởng ca đoàn trong mấy nhà thờ. Anh thường đệm đàn cho cô giáo hát bài “Chuyện tình Lan và Điệp”. Giọng hát Phú Yên cũng nào nùng ai oán lắm. Đặc biệt phía sau nhà có cái giếng nước rất trong, nên chúng tôi thường ghé vào tắm rửa sau các lần hành quân trở về. Sau này, ông đàn anh thuyên chuyển về tận Vùng 4 trong Nam.

Mãi đến năm 1978, tôi bất ngờ gặp lại anh trong một trại tù ngoài Bắc. Ngạc nhiên và thú vị khi nghe anh kể là anh vẫn còn độc thân, và cô giáo Bàn Thạch ngày xưa giờ cũng chưa chồng. Điều làm tôi sững sờ hơn là ông bố của cô không chết mà tập kết ra Bắc năm 1954. Sau 75 về lại Phú Yên và giữ một chức hàm khá lớn. Cô giáo bây giờ không làm nghề giáo nữa mà đang là một cán bộ, chủ nhiệm hay trưởng phòng gì đó của chính quyền CS. Anh còn khoe là cô giáo thường gửi quà cho anh, và còn cho tôi đọc ké mấy lá thư cô ấy viết, bảo là sẽ ra thăm anh, cũng như hứa hẹn bảo lãnh cho anh về Phú Yên, nếu anh thấy lo lắng không muốn trở về quê quán Bến Tre, và nơi ấy anh cũng chẳng còn ai, sau khi bà mẹ già đã mất. Nhưng không thấy cô đề cập đến chuyện “nối lại tình xưa”. Tôi ngại, nên cũng không dám hỏi anh. Cuộc tình “giữa hai chiến tuyến” này liệu có làm cho con tim thẳng được tất cả mọi giáo điều chủ nghĩa, để vượt qua bao hận thù, tang tóc? Rất tiếc, tôi không tìm được câu trả lời này. Vì mãi đến bây giờ tôi vẫn chưa gặp lại anh ấy, mặc dù tôi đã nhắn tin và tìm hỏi rất nhiều bạn bè sang Mỹ theo diện HO. Đôi lúc, nghĩ về họ, tôi hình dung đến một đôi vợ chồng già sống hạnh phúc trong ngôi nhà ngói xưa ở Bàn Thạch, có khu vườn và cái giếng nước trong, anh đàn em hát; hay đang cùng quì xuống cầu kinh trong một ngôi nhà thờ nào đó. Cô giáo hiền thực ngày xưa không thể nào trở thành một “nữ đồng chí CS” thứ thiệt, chắc cũng đã sớm nhìn ra cái lý tưởng hoang đường mà

ông cha của cô đã mê muội theo đuổi, để đành lòng bỏ lại mẹ con cô một thời góa bụa cút côi, giờ chỉ còn lại bao hệ lụy đau lòng. Có thể cô đã từ bỏ mọi chức tước (nhờ vào thành tích “phần đầu” của cha), để cùng người tình xưa – người lính khác chiến tuyến với cha cô – sống trong hạnh phúc bình thường. Cầu mong những người con gái Phú Yên, dù hoàn cảnh nào cũng luôn giữ trọn mối tình chung?

Đặc biệt nhất, và cũng gắn bó nhất, chính là chuyện tình của ông đàn anh Khóa 13 gốc Bắc Kỳ, có nụ cười và đôi mắt dễ làm “khuấy động trái tim người... ta” mà chúng tôi đã kết nghĩa anh em. Đại đội của anh là đại đội đánh đấm khá nhất, nên được ông tiểu đoàn trưởng tin tưởng, giao cho đóng quân và phụ trách vùng đất bất an nhất: từ phía nam Bàn Thạch đến tận làng Thạch Tuấn, tiếp giáp Đèo Cả, ranh giới cuối cùng phía nam của tỉnh Phú Yên.

Ban chỉ huy đại đội đóng quân sau khu vườn của một ngôi nhà ngói lớn hai tầng duy nhất ở vùng này. Đối diện phía bên kia, sau con hương lộ, là ngôi trường tiểu học. Ông bà chủ nhà thuộc hàng khá giả, vừa làm chủ một cửa hàng tạp hóa ở tầng dưới, vừa làm nước mắm ở khu nhà sau. Một ngày cuối tuần, anh rủ chú lính cận vệ ra giếng tắm. Thầy trò chỉ mặc quần xà lỏn huyết sáo nhón nhơ, bất ngờ gặp hai cô gái đang ngồi giặt áo quần bên thềm giếng. Sau khi bót ngượng ngùng, hỏi ra mới biết là con ông bà chủ nhà, học ở Tuy Hòa, cuối tuần về thăm cha mẹ. Có lần tôi ghé lại thăm anh, được ông bà chủ nhà và hai cô con gái mời hai anh em tôi dùng bữa cơm thịnh soạn. Ông anh Bắc kỳ hào hoa nhưng rất kín miệng. Nhìn ánh mắt tôi biết là anh đang mê cô chị. Cô em còn bé lắm. Ông bà già mua hẳn một ngôi nhà khá khang trang ở phố Tuy Hòa, gần trường Nguyễn Huệ cho hai cô và một ông anh trú ngụ học hành. Là anh em kết nghĩa, vậy mà cuộc tình của anh, tôi không biết mặn nồng đến đâu. Chỉ biết lâu lâu anh lái xe bỏ bọn tôi xuống phố Tuy Hòa, lì xì vài trăm uống bia, rồi phóng xe đi một mình. Đúng hẹn ghé đón bọn tôi với nụ cười lúc nào cũng nở trên môi.

Hơn một năm từ ngày đổ quân xuống Tuy Hòa, cũng vào một ngày hè nắng cháy, tiểu đoàn tôi có lệnh rời khỏi Phú Yên, bàn giao

trách nhiệm lại cho Trung Đoàn 47 biệt lập từ Bình Tuy ra để sáp nhập vào Sư Đoàn 22BB, mà bản doanh Bộ Tư Lệnh đóng ngoài Bình Định. Đơn vị tôi cùng chi đoàn Thiết Quân Vận của ông đại úy tài hoa Bùi Thế Dung, lại lên tàu há mồm xuôi nam, đổ quân xuống Phan Thiết.

Ông đàn anh Bắc Kỳ của tôi sau này lên làm tiểu đoàn trưởng, đánh thắng một trận lẫy lừng tại Căn Cứ 6 Pleiku đầu năm 1971, được ông Tư lệnh Vùng gắn lon thiếu tá đặc cách tại mặt trận. Sau đó được ông tỉnh trưởng Ninh Thuận (vốn là cựu trung đoàn phó của chúng tôi khi còn đóng ở Phú Yên) xin đích danh anh về Phan Rang làm quận trưởng. Một hôm, bất ngờ tôi nhận được thiệp hồng của anh mời đám cưới. Tôi ngần người khi đọc thấy tên cô dâu chính là cô học trò, con bà chủ quán ở Bàn Thạch ngày xưa, nơi anh đóng quân sau vườn nhà sáu năm về trước. Đến bây giờ tại tôi vẫn còn văng vẳng dư âm Bài Không Tên Số 2, với giọng hát Phú Yên thật nồng nàn cảm xúc, chị đã hát tặng bọn tôi ngay sau ngày đám cưới. Phải chăng “*đời một người con gái (Tuy Hòa) ước mơ rất nhiều, nhưng trời cho không được mấy, đến khi lấy chồng chỉ còn một mối tình mang theo*”?

Điều trùng hợp lý thú là năm 1976, khi bị chuyển tù ra Bắc, anh và tôi lại gặp nhau, ở chung một trại. Anh em thường gặp nhau tâm sự. Trong cảnh tù đầy khôn khó, tình anh em gắn bó như xưa. Mỗi lần chị ra thăm nuôi anh đều mang theo thêm phần quà cho tôi. Có khi chị giả vờ đi lại trên con đê trước nhà thăm nuôi, biết chúng tôi sau một ngày lao động sẽ được về tắm giặt ở bên con đê ấy, để dúm vào tay tôi mấy tờ giấy bạc. Lòng tôi cảm động. Không ngờ cô con gái hiền lành ở vùng quê Bàn Thạch ngày xưa ấy, sau ngày chồng vào tù, đã dắt ba thằng con trai, mà đứa nhỏ nhất chỉ mới tròn 2 tuổi, vào Sài Gòn buôn chài nuôi con, tạo dựng được cơ ngơi nơi vùng đất lạ xô bồ phức tạp này. Và với chúng tôi, còn là một người bạn, người chị chí tình.

Anh chị sang Mỹ theo diện HO. Mang theo kinh nghiệm từ Việt Nam, chị sớm vào nghiệp bán buôn. Chỉ một thời gian ngắn gia đình khá giả. Ba đứa con trai đều thành đạt. Cháu trai út ra bác sĩ, cháu giữa làm luật sư, còn cháu lớn là kỹ sư, nhưng sau này đã trở thành một mục sư đi rao giảng đức tin Thiên

Chúa.

Ngày đám cưới cháu trai thứ nhì, vợ chồng tôi sang tham dự. Bạn bè cùng đơn vị xưa từ khắp nơi cũng qui tụ về đây. Bất ngờ gặp một nhóm đồng môn Nguyễn Huệ của chị. Một cuộc hạnh ngộ thật kỳ thú. “Phe anh phe em”. Chúng tôi biết thêm một số người đẹp Tuy Hòa xưa. Trong số ấy có cô nữ sinh Tuy Hòa gốc Bắc Kỳ xinh đẹp, Mai Hương, đã làm xiêu lòng ông giáo sư Pháp văn nổi tiếng hào hoa, Lê Văn Nhạc. Ông thầy xứ Quảng không thoát khỏi “vòng tay học trò” nên đã làm rẽ Tuy Hòa. Vợ chồng “thầy trò” từ Canada sang. Trong đám cưới chúng tôi được nghe ông thầy hát những bài tình ca tiếng Pháp chẳng thua gì một ca sĩ nhà nghề, và nhảy đầm là lướt như vũ sư chuyên nghiệp. Ở đây, chúng tôi còn được gặp những người đẹp một thời của Tuy Hòa khác nữa, có những cái tên vừa đồng nội vừa kiêu sa: Nguyễn thị Ruộng, Lê Thị Hải Đường!

Đám đàn bà ngồi nhắc tên những thầy bạn cũ. Đám đàn ông bọn tôi ngồi điểm danh lại những thằng bạn lính, từng in dấu giày saut trên vùng đất Tuy Hòa thuở trước. Giờ cũng chỉ còn có hai thằng: ông anh gốc Bắc kỳ và tôi. Một số đã chết trong chiến trận: Trương Ngọc Điệp, anh trung úy gốc Huế, đại đội trưởng đầu tiên của tôi ngày ấy, đã chết tại chiến trường Thiện Giáo (Phan Thiết) sau hơn một năm rời khỏi Tuy Hòa, và sau đúng hai tuần cưới vợ, một cô giáo Ninh Hòa gốc Huế. Vài tháng sau, ông anh Thái Hữu Dư, khóa 16VB lừng danh bị thương nặng trong một trận phản phục kích rất hào hùng tại Lâm Đồng, được chuyển về Vùng 4 sau khi xuất viện. Đặng Trung Đức, khóa 19 Đà Lạt, người bạn rất thân với tôi, tử trận tại Kontum trong “mùa hè đỏ lửa” khi đang làm tiểu đoàn trưởng. Trần Công Lâm, thằng bạn cùng khóa thân thiết nhất của tôi, trước khi nắm tiểu đoàn từng là một đại đội trưởng trinh sát lừng danh của Quân Đoàn II, cũng đã bỏ mình tại vùng Tây Bắc Kontum, trên dãy núi Ngok Wang đèo heo gió hú. Vài thằng giải ngũ vì thương tích. Số còn lại thì bị tù đầy rồi tàn tật khắp bốn phương trời! Nhưng dù còn sống hay đã chết, có lẽ thằng nào cũng mang theo ít nhiều bóng dáng và giọng nói của các cô gái Tuy Hòa, cùng bao kỷ niệm hào hùng, dễ thương của một thời trai trẻ.

Ngày rời khỏi Tuy Hòa năm ấy, đơn vị tôi cũng đã mang theo một số cô dâu Phú Yên xinh đẹp. Tôi còn nhớ mãi những khuôn mặt thật xinh xắn, làn da trắng nõn nà của các cô bé ở Ngân Sơn (Tuy An), bên lên “hóa trang” làm lính, xúng xính trong bộ quân phục của chồng, đầu đội cả nón sắt, lội nước leo lên tàu Hải Quân, sợ những người chỉ huy chặn lại không cho phép. Nhưng

ông tiểu đoàn trưởng đã biết trước, bảo nhỏ đám chúng tôi cứ làm ngơ cho họ được “tùng phu”, khi biết chắc đây không phải là “mỹ nhân kế” của địch, và biết đâu đơn vị lại được thêm vài tay súng, những “người lính không có số quân”!

Ông trung tá trung đoàn trưởng cao lớn bô trai của tôi cũng đã mang theo cô chủ quán hoa khôi gốc Huế nổi tiếng một dạo ở Tuy Hòa. Sau đó ông về làm CHT/TTHL Vạn Kiếp và cuối cùng giữ một chức vụ khá lớn trong Bộ Tư Lệnh CSQG. Ông đại úy Thiết Giáp hào hoa thì xuống tàu một mình. Sau này lên đại tá, trở thành thiết đoàn trưởng chiến xa lừng danh Vùng I, và đã rước cô ca sĩ Hà Thanh của xứ Huế về dinh.

Riêng tôi, rời Tuy Hòa, không vương vấn mối tình nào, nhưng lại mang theo một cậu con trai 15 tuổi. Thời gian đơn vị hành quân ở Phú Lâm, tôi đóng quân sau nhà chú bé. Từ đó chú bé cứ theo mấy chú lính của tôi và năn nỉ xin tôi nhận cho vào lính. Học tới lớp nhì thì cha chết, bà mẹ theo người chồng mới vào Cam Ranh hơn một năm sau. Chú bé ở với vợ chồng ông chú, vừa nghèo vừa đông con, lại bị bà thím hắt hủi. Tôi động lòng thương nên thường cho lính gọi đến ăn cơm chung, và lâu lâu lì xì chút tiền lẻ. Chú có khuôn mặt khôi ngô, tình tình lễ phép, gọi tôi là anh ba, và khóc lóc năn nỉ nhất định xin đi theo tôi, dù góc bể chân trời nào. Vào Phan Thiết, tôi kể cho ông tiểu đoàn trưởng nghe hoàn cảnh đáng thương của nó, ông chở tôi và nó đến một văn phòng xã làm giấy khai sanh, tăng thêm đủ tuổi để nhận nó vào lính. Ông giao nó cho tôi. Tôi chỉ cho chú nó đi theo, mang cho tôi một balô sách và vài thứ thức ăn. Cuộc hành quân nào ác liệt, tôi gởi nó cho anh HSQ Tiếp Tế ở lại hậu trạm. Hơn bốn tháng sau, được gởi vào trung tâm huấn luyện Lam Sơn. Nó trở lại đơn vị khi tôi đã làm đại đội trưởng, nhất định xin tôi tình nguyện vào tiểu đội thám báo. Không ngờ nó lại là thằng lính đánh giặc gan dạ, lấy lừng, đã mấy lần cùng toán thám báo cứu tôi thoát chết. Hai năm sau, nó tử trận tại mặt khu Lê Hồng Phong (Phan Thiết) vào một ngày gió mưa tầm tã, khi xông vào một căn hầm của địch. Khi ấy nó vừa tròn 18 tuổi đời. Lúc hấp hối, nó thoi thóp cố mở mắt nhìn tôi, đôi môi mấp máy như muốn nói với tôi một điều gì đó. Tôi vuốt mắt chú nó mà nước mắt tôi ràn rụa, trong lòng tựa hồ như đang có trăm ngàn vết chém. *(Lê Xuân Tiên ơi! Bây giờ em đang ở một thế giới khác, bình an, không còn có hận thù chết chóc. Xin em hãy tha thứ cho anh. Đã mấy lần em xả thân cứu anh thoát chết, còn “anh ba” thì lại bất tài, không bảo vệ được cho em!)*.

Và đó cũng chính là món nợ ân tình duy nhất mà tôi không bao giờ trả được cho vùng đất Tuy Hòa - Phú Yên - của một thời chiến tranh, khôn khó.

Riêng ông trung tá tình trường gốc Biệt Động Quân chịu chơi ngày ấy, sau này trở thành vị tướng lãnh tài ba và đã tuần tiết theo cùng vận nước vào cuối tháng 4/75. Còn ông anh con bà cô, và anh “Chương Classic” của Tiểu Đoàn 23 BĐQ đã thoát chết trong một lần Tiểu Đoàn nghỉ quân trong căn cứ của một đơn vị ĐPQ, bị nội tuyến từ trong đơn vị ĐPQ này. Sau này ông anh bị thương, được chuyển về TTHL/BĐQ Dục Mỹ. Tôi ghé thăm anh một đôi lần khi đơn vị chuyển quân ngang qua Huân Khu này. Anh sang Mỹ theo diện HO, định cư ở Boston, và đã qua đời hơn 5 năm trước. Anh thiếu úy “Chương Classic” khóa 19VB, sau này lên Thiếu tá, làm Tiểu Đoàn Trưởng một Tiểu Đoàn BĐQ lừng danh. Năm 1979, sau một lần chuyển trại tôi bất ngờ gặp lại anh trong một trại tù tận vùng Hoàng Liên Sơn. Hai anh em nằm gần nhau. Anh tự chế một cây đàn rất đẹp. Vẫn luôn giữ phong cách của một

cấp chỉ huy, tư cách, nhẩn nhục, ít nói. Đêm đêm hai anh em uống trà tươi (giấu được khi hái trà cho trại), tôi ngồi nghe anh đàn. Trong hoàn cảnh ấy và với không gian yên ắng nặng nề, tiếng đàn Hạ Uy Cầm của anh càng thêm não nề réo rắt, chiêu dụ cả đám bộ đội canh gác, kéo nhau đến bên ngoài mê mẩn ngồi nghe. Nghe nói anh cũng đã sang Mỹ theo diện HO, nhưng nỗi buồn gây sóng vãn chưa vơi, sống rất âm thầm với vết thương không lành được trong lòng.

Xin cảm ơn Phú Yên, cảm ơn Tuy Hòa, cảm ơn cả ngôi trường Nguyễn Huệ đã cho tôi những kỷ niệm vui buồn của một thời làm lính, cùng những chuyện tình lãng mạn, dễ thương. Tất cả cứ như khói như sương lãng đãng quanh tôi trong những phút giây hồi tưởng.

Phạm Tín An Ninh

Kính Cáo:

Nhà thơ Đặng Trình Nguyễn Tấn Vinh cho tôi 5 thùng sách, đa số là sách tiếng Việt. Anh cũng muốn là sách của anh và với sách của tôi làm thành một thư viện cho những ai muốn mượn. Tôi đồng ý.

Nhân đây, cũng xin quý vị nào có sách tiếng Việt nào không dùng nữa, cho tôi vừa để tôi dùng và vừa đóng góp vào thư viện vừa nói.

Nguyễn Văn Thà

Thư cho nhau

Ủng hộ: Nguyễn Tấn Vinh 200 Kr, Trần Văn Nho 200 Kr, Phạm Đức Thịnh 200 Kr, Tô Thị Bảy 200 Kr và Dương Duy Phát 100 Kr

Viết & Đọc kính chúc toàn thể quý thân hữu góp mặt trong Đặc San Xuân QUÝ TỶ 2013 và bạn đọc khắp nơi một năm mới an khang thịnh vượng.



Nụ cười của ngoại

Phạm Xuân Lan

Hôm nay đón Ngoại sang thăm
Vì con cháu đã mấy năm chưa về.
Việc làm việc học bận bịu
Người thời phố chợ, kẻ về tỉnh xa
Bấy lâu gặp lại ông bà
Mẹ rung rung mắt: "tuổi già sao quá
nhanh?"
Quê ngoại nắng gắt, gió hanh
Da khô, má hóp, dưới vành khăn nâu.
Lúa thừa tóc bạc rầu rầu
Nhưng đôi mắt đục ngấn sâu lệ mừng.

Cả nhà vui phút trùng phùng
Ngoại kể: "Sức yếu tưởng chừng khó qua
May nhờ ơn đức Ông Bà
Được đi một chuyến lòng già thỏa thuê.
Mừng cho con cháu yên bề
Tự do no ấm tràn trề an vui.
Nhưng lòng vương vấn khôn nguôi
Nhớ người vất vả ngược xuôi quê nhà
Bao giờ mới được thái hòa
Cho đàn con Việt xứ xa trở về.

Đêm nằm ngoại kể ngày xưa
Nhà ông bà Cố được mùa quanh năm
Ao sâu ruộng cạn Ông chăm
Ngoại hãy còn bé, tay chân chưa lấm bùn
Một chiều giặc tới xóm thôn
Bé bỏng nhau chạy, bỏ vườn xác xơ
Bỏ đồng lúa trở vàng mơ
Cửa nhà cháy rụi, tuổi thơ lạc loài
Đời Ngoại giặc giả bao ngày
Ước mơ cấp sách, chỉ hoài mơ thôi!

Sao con chẳng thấy Ngoại cười?
Lao đao lận đận kiếp người Việt Nam?
Rằng "Đời ngắn ngủi thế gian
Con ơi nhớ lấy nghĩa ân làm đầu
Vợ chồng nhẫn nhịn mới lâu

Sống chung một kiếp, hơn thua chi từng lời
Giặc thời nay, ở mọi nơi
Giữ tâm ngay thẳng, thành thoi lòng mình."
Ngoại ơi hai tiếng Gia đình
Lung linh thấp sáng mỗi tình thiêng liêng.

Giữ tình đất Mẹ thân yêu
Năng nói tiếng Việt là điều Ngoại mong
Cháu con quần quýt âm lòng
Chiều chiều sáng sáng, những mong thấy
Ngoại cười.
Miệng móm mém, sao dễ thương ôi!
Giọng cười của Ngoại sáng tươi bầu trời
Ba tháng hè đã qua rồi
Giã từ con cháu bụi ngùi bao nhiêu!
Ngoại về, hình bóng thương yêu
Vẫn như còn đó, sớm chiều vào ra.



Cỏ biếc

♩ = 78

Thơ : Dương Kiên
Nhạc : Trần Thụy Minh

Rumba Dm 3 Gm

Anh nguyện ngàn năm làm đá núi. Chờ

C 3 F Bb 3

em rất mỏng, áng mây trời. Em phủ hồn anh khô nắng

C A A7 Dm 3

hạt. Bỗng đêm mầm cỏ biếc xanh tươi. Anh nguyện ngàn năm làm cỏ

Gm C F

biếc. Chờ em rất nhẹ, dấu chân chim. Em

Bb C A7

mở hồn anh muôn cửa đóng, trào ra hạt lệ dấu trong

Dm Dm Gm C

tim. Anh nguyện ngàn năm làm hạt lệ. Chờ

C7 F Bb

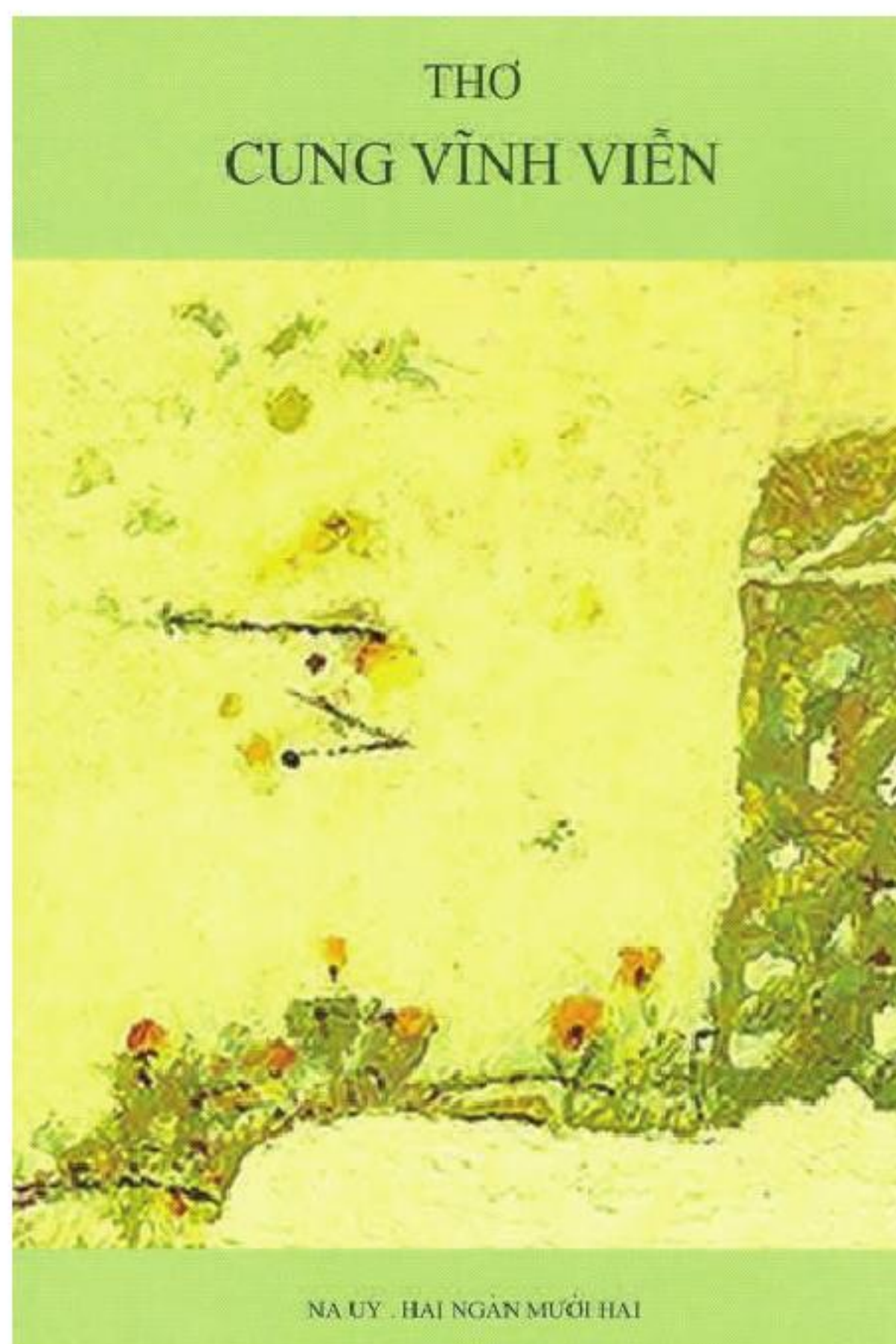
em mừng tuổi một đêm mơ. Ta dặt tay nhau vào cõi

C7 A7 Dm Hết

mộng, gửi hồn hoan lạc đến thiên thu...

Bergen, 18.01.2012

Copyright © Tran Thụy Minh - Bergen, Norway



Đọc Thơ Cung Vĩnh Viễn, chúng ta sẽ thấy lại mình, cái mình của một nền Văn Minh Miền Nam tiền cộng sản sắp tàn phai, và chúng ta sẽ ngậm ngùi. Có chăng ngậm ngùi là mầm của những hồi sinh?

Viết Đọc hân hạnh giới thiệu tập thơ của nhà thơ Cung Vĩnh Viễn, xuất bản 2012.

Sách không in giá bán. Bạn đọc yêu thơ xin liên lạc tác giả qua e-mail
cungvinhvien@yahoo.no